BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

# TOÁN 3

TẬP HAI




NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HÀ HUY KHOÁI (Tổng Chủ biên)
LÊ ANH VINH (Chủ biên)
NGUYỄN ÁNG – VŨ VĂN DƯƠNG
NGUYỄN MINH HẢI – HOÀNG QUẾ HƯỜNG – BÙI BÁ MẠNH

# TOÁN 3

## TẬP HAI

*(Tái bản lần thứ tư)*

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

# MỤC LỤC


| Chủ đề | Nội dung | Trang |
|---|---|---|
| **8** | CÁC SỐ ĐẾN 10 000 | 4 |
| | Bài 45. Các số có bốn chữ số. Số 10 000 | 4 |
| | Bài 46. So sánh các số trong phạm vi 10 000 | 9 |
| | Bài 47. Làm quen với chữ số La Mã | 12 |
| | Bài 48. Làm tròn số đến hàng chục, hàng trăm | 15 |
| | Bài 49. Luyện tập chung | 17 |
| **9** | CHU VI, DIỆN TÍCH MỘT SỐ HÌNH PHẲNG | 21 |
| | Bài 50. Chu vi hình tam giác, hình tứ giác, hình chữ nhật, hình vuông | 21 |
| | Bài 51. Diện tích của một hình. Xăng-ti-mét vuông | 26 |
| | Bài 52. Diện tích hình chữ nhật, diện tích hình vuông | 30 |
| | Bài 53. Luyện tập chung | 35 |
| **10** | CỘNG, TRỪ, NHÂN, CHIA TRONG PHẠM VI 10 000 | 38 |
| | Bài 54. Phép cộng trong phạm vi 10 000 | 38 |
| | Bài 55. Phép trừ trong phạm vi 10 000 | 41 |
| | Bài 56. Nhân số có bốn chữ số với số có một chữ số | 43 |
| | Bài 57. Chia số có bốn chữ số cho số có một chữ số | 47 |
| | Bài 58. Luyện tập chung | 52 |
| **11** | CÁC SỐ ĐẾN 100 000 | 56 |
| | Bài 59. Các số có năm chữ số. Số 100 000 | 56 |
| | Bài 60. So sánh các số trong phạm vi 100 000 | 61 |
| | Bài 61. Làm tròn số đến hàng nghìn, hàng chục nghìn | 64 |
| | Bài 62. Luyện tập chung | 66 |
| **12** | CỘNG, TRỪ TRONG PHẠM VI 100 000 | 70 |
| | Bài 63. Phép cộng trong phạm vi 100 000 | 70 |
| | Bài 64. Phép trừ trong phạm vi 100 000 | 73 |
| | Bài 65. Luyện tập chung | 76 |


KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

| Chủ đề | Nội dung | Trang |
|---|---|---|
| **13** | XEM ĐỒNG HỒ. THÁNG – NĂM. TIỀN VIỆT NAM | 77 |
| | Bài 66. Xem đồng hồ. Tháng – năm | 77 |
| | Bài 67. Thực hành xem đồng hồ, xem lịch | 81 |
| | Bài 68. Tiền Việt Nam | 85 |
| | Bài 69. Luyện tập chung | 88 |
| **14** | NHÂN, CHIA TRONG PHẠM VI 100 000 | 94 |
| | Bài 70. Nhân số có năm chữ số với số có một chữ số | 94 |
| | Bài 71. Chia số có năm chữ số cho số có một chữ số | 97 |
| | Bài 72. Luyện tập chung | 101 |
| **15** | LÀM QUEN VỚI YẾU TỐ THỐNG KÊ, XÁC SUẤT | 103 |
| | Bài 73. Thu thập, phân loại, ghi chép số liệu. Bảng số liệu | 103 |
| | Bài 74. Khả năng xảy ra của một sự kiện | 108 |
| | Bài 75. Thực hành và trải nghiệm thu thập, phân loại, ghi chép số liệu, đọc bảng số liệu | 110 |
| **16** | ÔN TẬP CUỐI NĂM | 112 |
| | Bài 76. Ôn tập các số trong phạm vi 10 000, 100 000 | 112 |
| | Bài 77. Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100 000 | 115 |
| | Bài 78. Ôn tập phép nhân, phép chia trong phạm vi 100 000 | 118 |
| | Bài 79. Ôn tập hình học và đo lường | 121 |
| | Bài 80. Ôn tập bảng số liệu, khả năng xảy ra của một sự kiện | 123 |
| | Bài 81. Ôn tập chung | 125 |
| Một số thuật ngữ dùng trong sách | | 127 |


*Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng các em học sinh lớp sau!*

Chủ đề 8

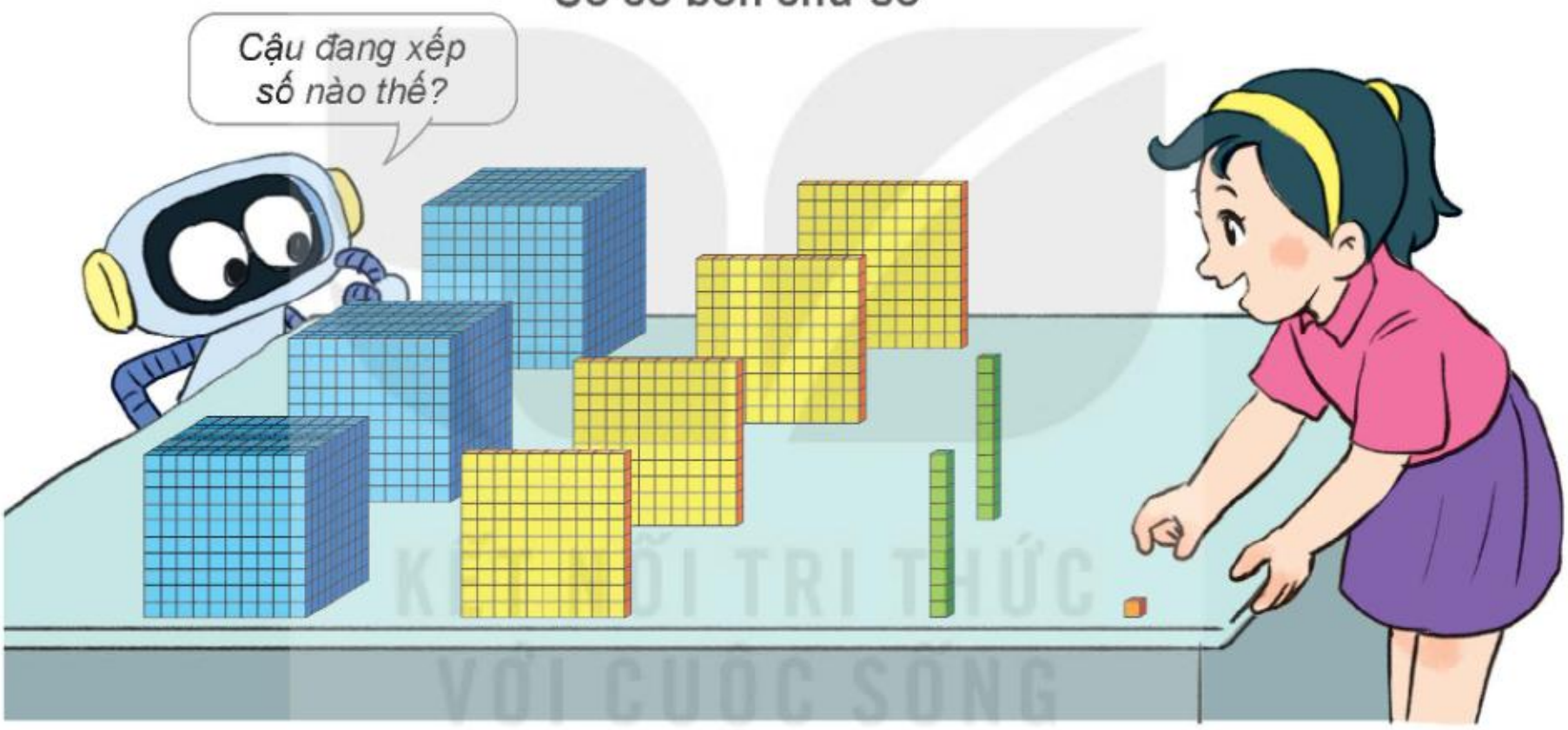
# CÁC SỐ ĐẾN 10 000

Bài 45

## CÁC SỐ CÓ BỐN CHỮ SỐ. SỐ 10 000

Khám phá

### Số có bốn chữ số




| Hàng nghìn | Hàng trăm | Hàng chục | Hàng đơn vị |
|---|---|---|---|
| 1 000<br>1 000<br>1 000 | 100<br>100<br>100<br>100 | 10<br>10 | 1 |
| 3 | 4 | 2 | 1 |

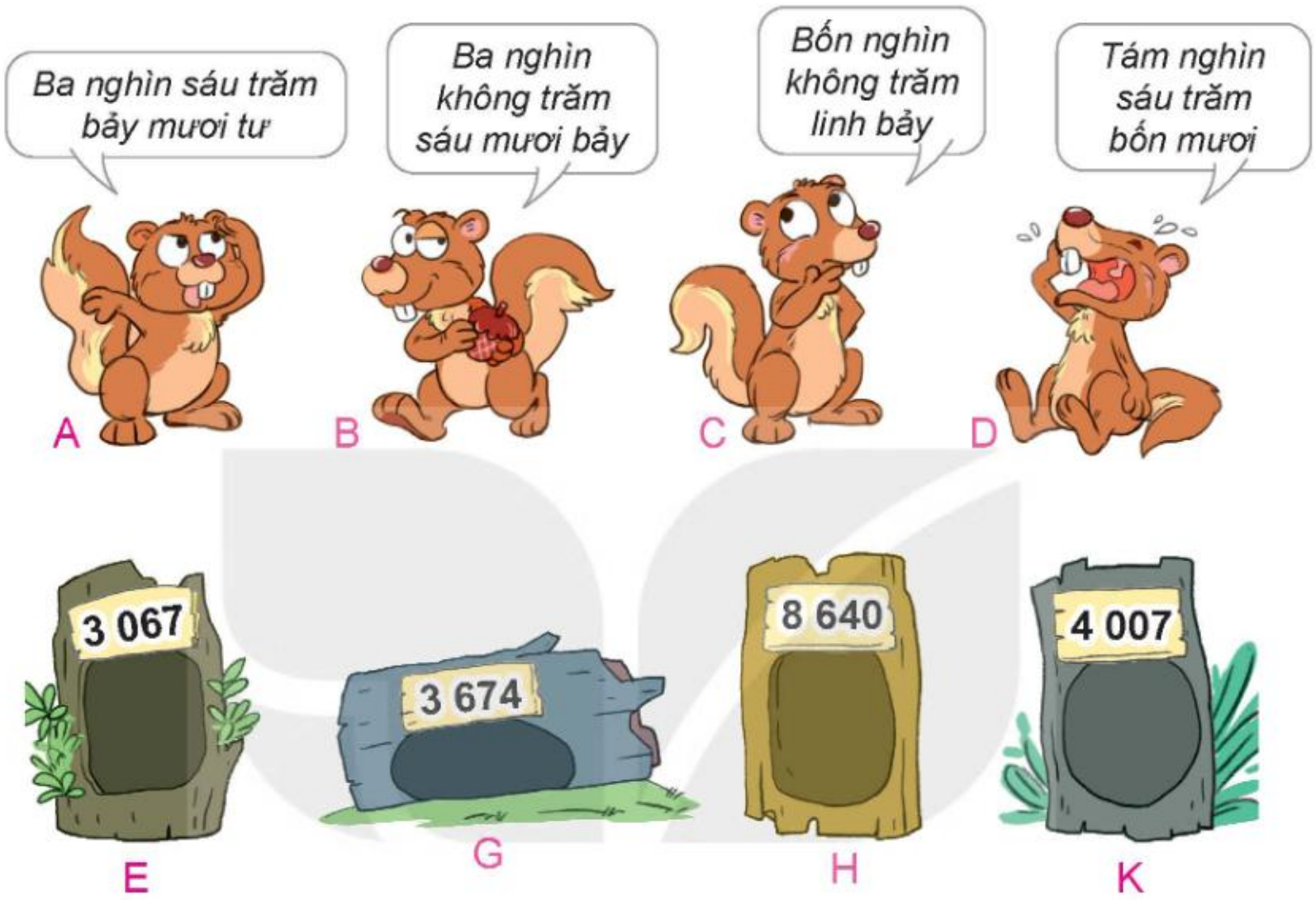
Số gồm: 3 nghìn, 4 trăm, 2 chục và 1 đơn vị.

Viết là: 3 421. Đọc là: Ba nghìn bốn trăm hai mươi mốt.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

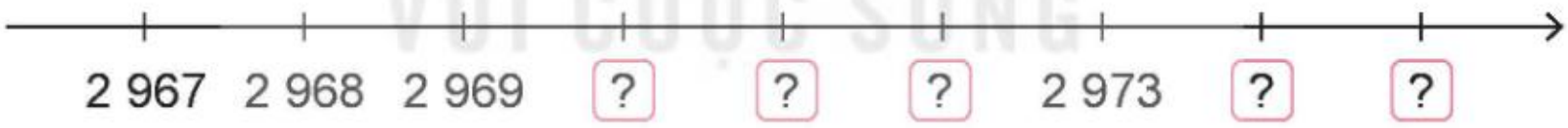
## hoạt động

**1** Chọn số thích hợp với cách đọc.

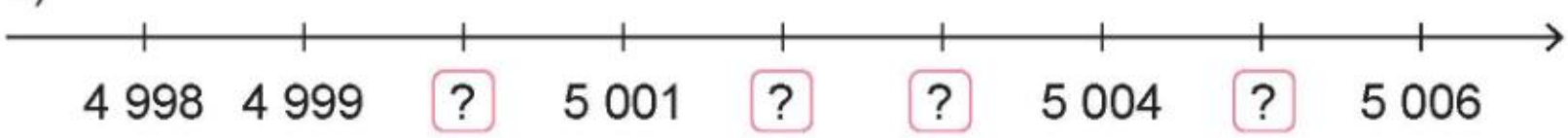



**2** Số ?

a)




b)




**3** Số ?

| Hàng nghìn | Hàng trăm | Hàng chục | Hàng đơn vị | Viết số | Đọc số |
|---|---|---|---|---|---|
| 6 | 7 | 4 | 2 | ? | sáu nghìn bảy trăm bốn mươi hai |
| 5 | ? | ? | 0 | ? | năm nghìn sáu trăm ba mươi |

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

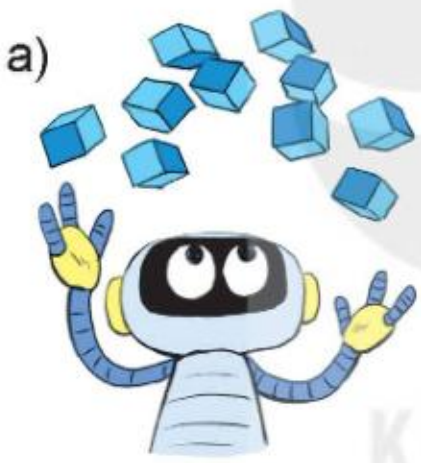
**4** Rô-bốt viết các số tròn nghìn lên mỗi tấm biển trên đường đến toà lâu đài (như hình vẽ). Hỏi mỗi tấm biển có dấu "?" viết số nào?




## Khám phá

### Số 10 000

a)



| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 1 000 | 1 000 | 1 000 | 1 000 | 1 000 |
| 1 000 | 1 000 | 1 000 | 1 000 | 1 000 |

10 000

Đọc là: Mười nghìn.

b)




## hoạt động

**1** Viết số rồi đọc số, biết số đó gồm:

a) 2 nghìn, 9 trăm, 4 chục và 5 đơn vị.

b) 5 nghìn, 0 trăm, 7 chục và 2 đơn vị.

c) 6 nghìn, 3 trăm, 0 chục và 1 đơn vị.

d) 8 nghìn, 0 trăm, 6 chục và 0 đơn vị.




KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

**2** a) Số liền trước của số 10 000 là số nào?

b) Số liền sau của số 8 999 là số nào?

c) Số 9 000 là số liền sau của số nào?

d) Số 4 078 là số liền trước của số nào?

**3** Chọn câu trả lời đúng.

a) Số nào dưới đây có chữ số hàng trăm là 7?

A. 8 275 B. 7 285 C. 5 782 D. 2 587

b) Số nào dưới đây có chữ số hàng chục là 7?

A. 8 275 B. 7 285 C. 5 782 D. 2 587

c) Số nào dưới đây có chữ số hàng nghìn là 7?

A. 8 275 B. 7 285 C. 5 782 D. 2 587

**4** Dưới đây là nhà của Nam, Việt và Mai.




Biết: – Nhà của Việt có trồng cây trước nhà.

– Nhà của Mai có ô cửa sổ dạng hình tròn.

Em hãy tìm xem số được ghi trên nhà của mỗi bạn là số nào rồi đọc số đó.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## Luyện tập

**1** Viết số rồi đọc số, biết số đó gồm:

a) Tám nghìn, bốn trăm, bảy chục, hai đơn vị.

b) Sáu nghìn, năm trăm, chín đơn vị.

c) Ba nghìn, bảy trăm, sáu chục.

**2** Số ?

a) 3 500 → 3 600 → 3 700 → ? → ?

b) 5 660 → 5 670 → ? → 5 690 → ?

**3** Số ?

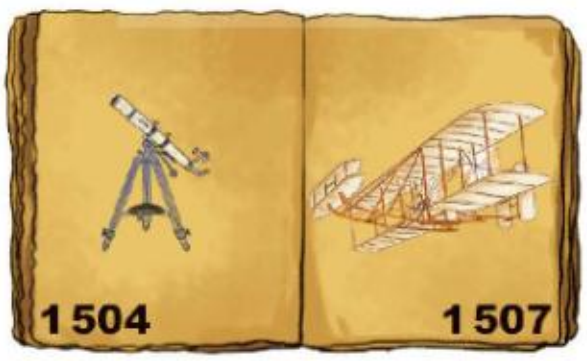
a) 3 892 = 3 000 + 800 + 90 + ?

b) 5 701 = 5 000 + ? + 1

c) 6 008 = 6 000 + ?

d) 2 046 = 2 000 + ? + ?

**4** Việt có hai cuốn sách cũ, mỗi cuốn đã bị mất một tờ, các trang còn lại như hình vẽ. Hỏi mỗi cuốn sách đó bị mất những trang nào?







**5** Chọn câu trả lời đúng.

Từ các thẻ số bên, lập được tất cả bao nhiêu số có bốn chữ số?




A. 4 B. 6 C. 12 D. 24

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 46

# SO SÁNH CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 10 000

## Khám phá




a) So sánh 3 143 và 2 427

| Số | Hàng nghìn | Hàng trăm | Hàng chục | Hàng đơn vị |
|---|---|---|---|---|
| 3 143 | 3 | 1 | 4 | 3 |
| 2 427 | 2 | 4 | 2 | 7 |

3 143 > 2 427 (vì ở hàng nghìn có 3 > 2).

Nếu hai số có cùng số chữ số thì so sánh từng cặp chữ số ở cùng một hàng, kể từ trái sang phải.




b) So sánh 998 và 2 021

| Số | Hàng nghìn | Hàng trăm | Hàng chục | Hàng đơn vị |
|---|---|---|---|---|
| 998 | | 9 | 9 | 8 |
| 2 021 | 2 | 0 | 2 | 1 |

998 < 2 021 (vì số 998 ít chữ số hơn).

Trong hai số, số nào có ít chữ số hơn thì bé hơn.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## hoạt động

**1** >; <; = ?

a) 856 ? 7 560

5 831 ? 5 381

b) 6 742 ? 7 624

8 905 ? 8 955

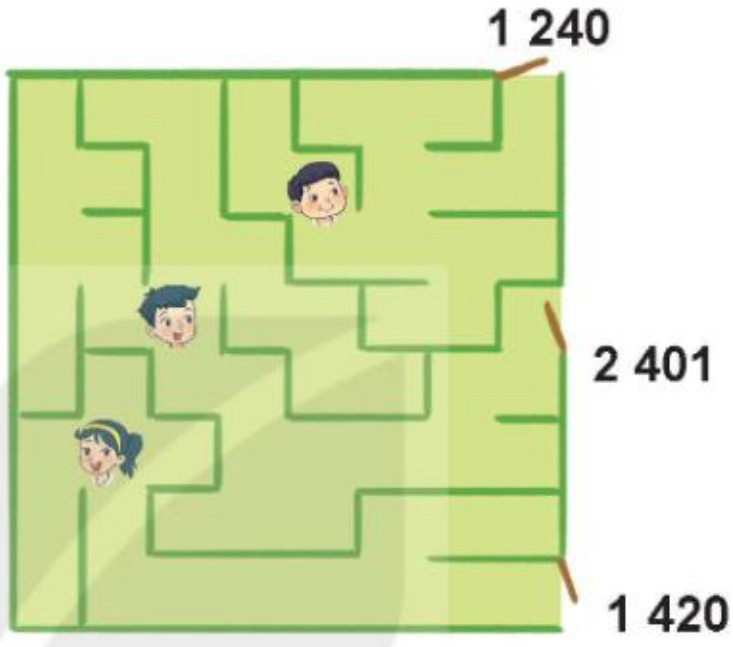
**2** Các bạn Mai, Nam và Việt đang ở trong mê cung (như hình vẽ).

Hỏi:

a) Mỗi bạn ra khỏi mê cung qua cửa ghi số nào?

b) Bạn nào ra khỏi mê cung qua cửa ghi số lớn nhất?

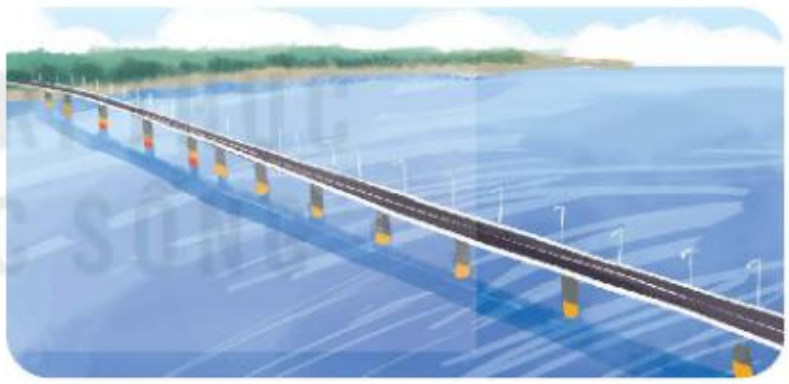
c) Bạn nào ra khỏi mê cung qua cửa ghi số bé nhất?




**3** Rô-bốt từng đi qua bốn cây cầu có chiều dài như sau:



Cầu Nhật Tân: 3 900 m



Cầu Đình Vũ – Cát Hải: 5 440 m



Cầu Cần Thơ: 2 750 m



Cầu Vĩnh Thịnh: 4 480 m

a) Trong những cây cầu đó, cây cầu nào dài nhất, cây cầu nào ngắn nhất?

b) Nêu tên những cây cầu trên theo thứ tự từ dài nhất đến ngắn nhất.

## Luyện tập

**1** Đ, S ?

a) $10\,000 > 9\,999$ ?

$6\,742 > 6\,743$ ?

b) $3\,080 = 3\,000 + 80$ ?

$9\,876 = 9\,000 + 800 + 70 + 6$ ?

**2** Hai chú sóc đi du lịch vòng quanh thế giới bằng khinh khí cầu. Hai chú đã chuẩn bị bốn túi hạt dẻ để ăn dần theo thứ tự từ túi nặng nhất đến túi nhẹ nhất. Hỏi túi nào được ăn cuối cùng?

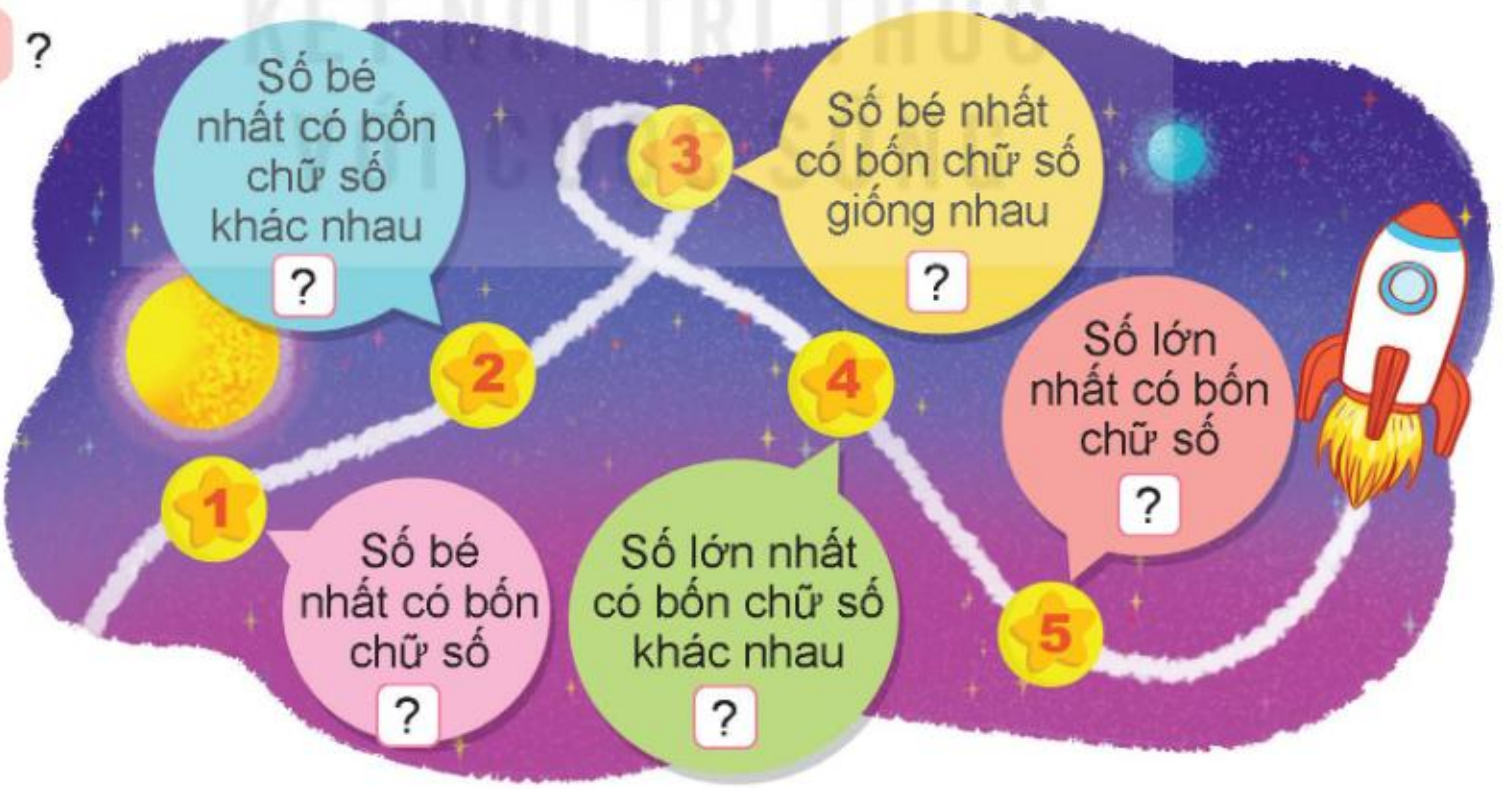



**3** Rô-bốt đã đến bốn đỉnh núi ở Việt Nam trong hai tháng hè:

- Tháng 6: đỉnh Pu Si Lung cao 3 083 m, đỉnh Phan-xi-păng cao 3 143 m.
- Tháng 7: đỉnh Lảo Thẩn cao 2 826 m, đỉnh Tây Côn Lĩnh cao 2 427 m.

Nêu tên các đỉnh núi đó theo thứ tự từ đỉnh núi thấp nhất đến đỉnh núi cao nhất.

**4** Số ?



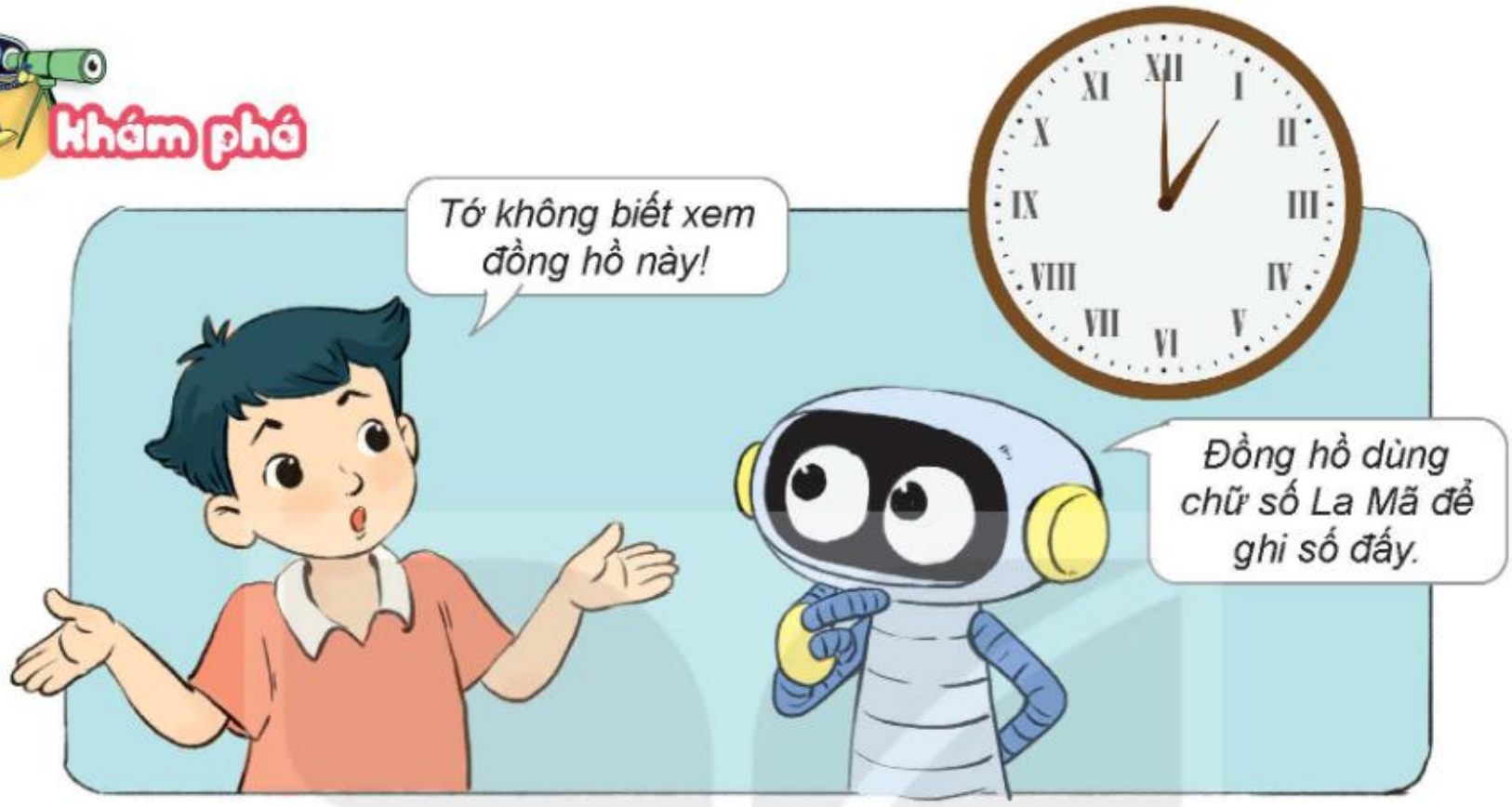

**5** Mai có bốn tấm thẻ ghi các số: 3, 0, 2 và 7. Hỏi số có bốn chữ số bé nhất mà Mai có thể tạo ra là số nào?

KẾT NỐI TRI THỨC

Bài 47

# LÀM QUEN VỚI CHỮ SỐ LA MÃ

## Khám phá




a) Một số chữ số La Mã thường dùng:

I: một | V: năm | X: mười

b) Các số La Mã từ 1 đến 20:

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| I | II | III | IV | V | VI | VII | VIII | IX | X |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| XI | XII | XIII | XIV | XV | XVI | XVII | XVIII | XIX | XX |
| 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |

## Hoạt động

**1** Mỗi đồng hồ chỉ mấy giờ?



A B C D

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

**2** Chọn cặp số và số La Mã thích hợp.



13



XV



15



XIII



11



XVII



17



XI

**3** a) Đọc các số La Mã sau:

VI; V; VIII; II; XI; IX.

b) Viết các số từ 1 đến 15 bằng chữ số La Mã.

## luyện tập

**1** Dùng que tính có thể xếp thành các số La Mã như hình bên:

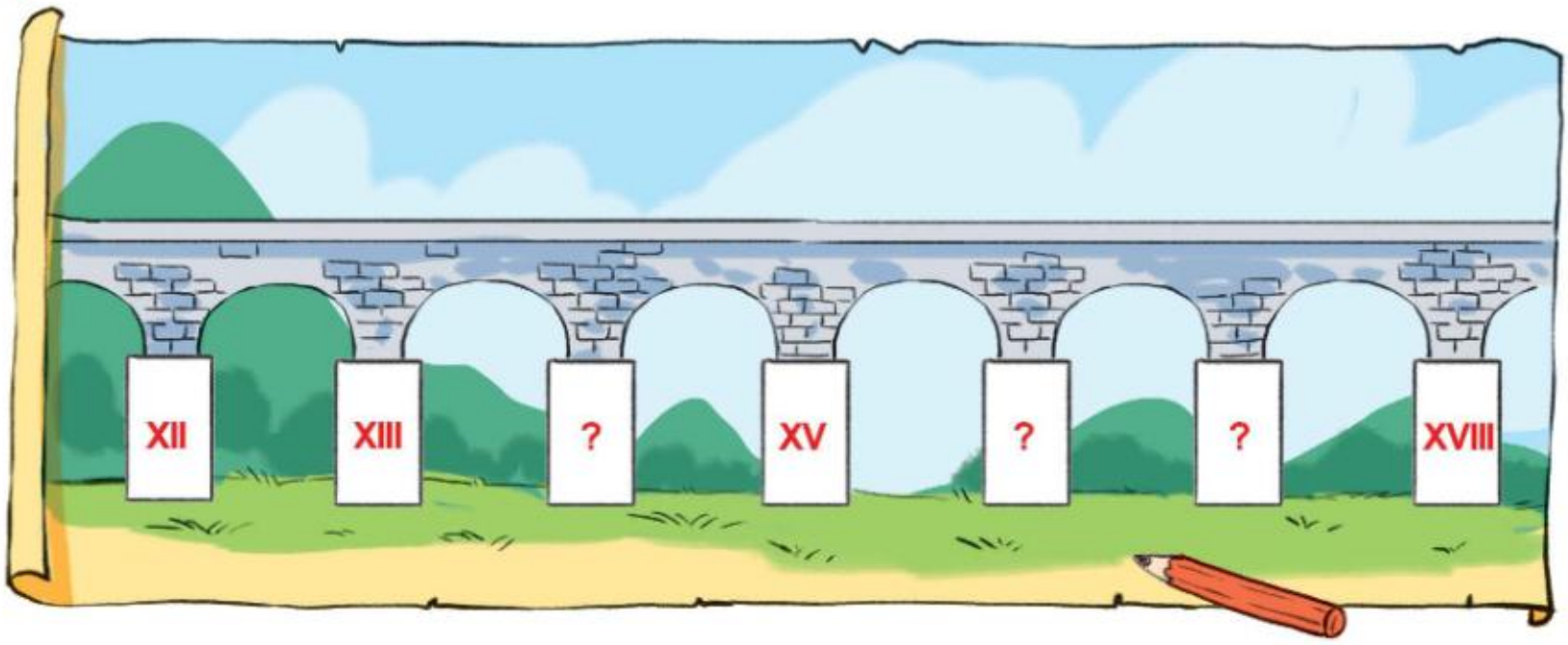
a) Dùng 5 que tính hãy xếp thành số 8, số 13 bằng chữ số La Mã.

b) Để xếp được ba số 9 bằng chữ số La Mã thì dùng hết mấy que tính?



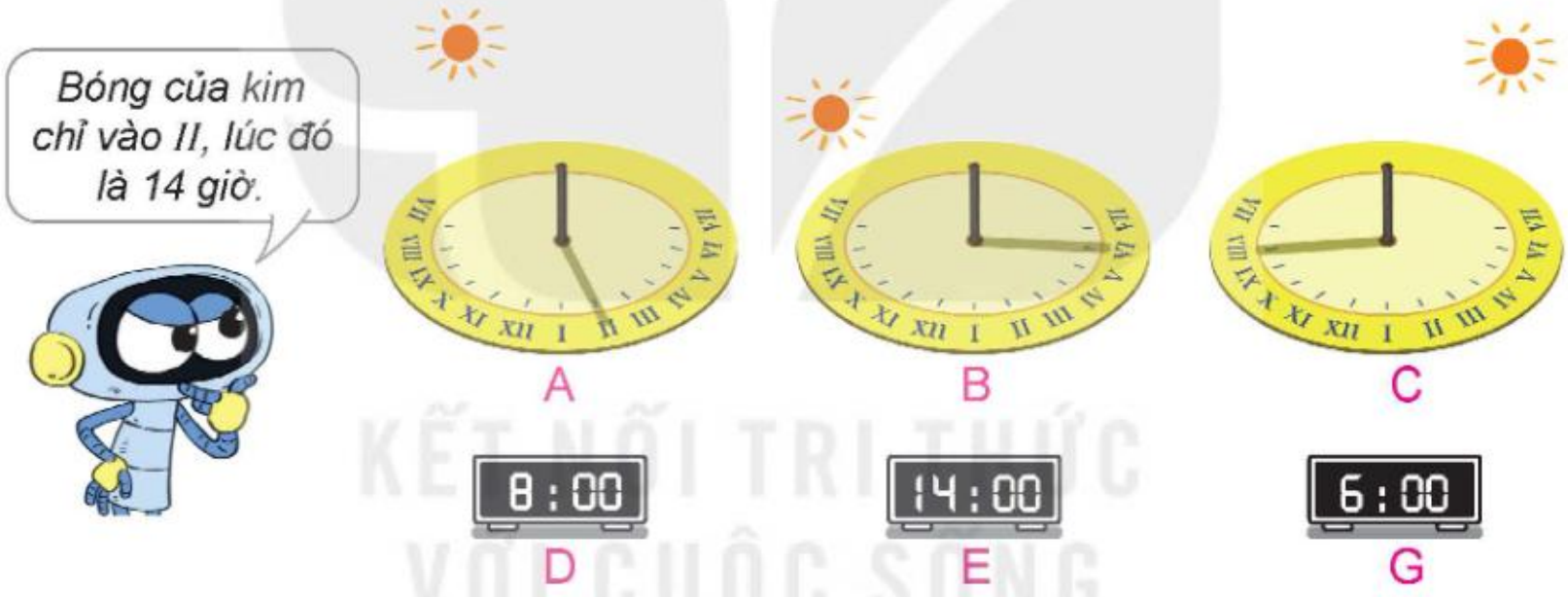

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

**2** a) Tìm số La Mã thích hợp.




b) Sắp xếp các số XIII, XVII, XII, XVIII theo thứ tự từ bé đến lớn.

**3** Chọn đồng hồ điện tử thích hợp với đồng hồ mặt trời.




**4** Tìm đường đi cho chú linh dương đến hồ uống nước theo thứ tự các số La Mã từ I đến XX.



| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| I | II | XII | XIII | XX | XV | XVI | XVIII | XX |
| XI | III | IV | XIV | XIX | XVII | XII | XVI | XIX |
| XX | X | V | VI | X | XIV | VII | XX | VII |
| II | IV | XIII | VII | IV | III | VIII | XIX | XX |
| X | XV | X | VIII | IX | X | V | XVIII | III |
| VI | IX | XVI | XII | I | XI | II | XVII | X |
| V | IV | V | VI | V | XII | I | XVI | II |
| I | III | II | VII | X | XIII | XIV | XV | XX |



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 48

# LÀM TRÒN SỐ ĐẾN HÀNG CHỤC, HÀNG TRĂM




a) Làm tròn số đến hàng chục




$1\,726 \xrightarrow[\text{làm tròn lên}]{\text{vì } 6 > 5} 1\,730$

$1\,725 \xrightarrow[\text{làm tròn lên}]{\text{vì } 5 = 5} 1\,730$

$1\,723 \xrightarrow[\text{làm tròn xuống}]{\text{vì } 3 < 5} 1\,720$

Khi làm tròn số đến hàng chục, ta so sánh chữ số hàng đơn vị với 5. Nếu chữ số hàng đơn vị bé hơn 5 thì làm tròn xuống, còn lại thì làm tròn lên.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

b) Làm tròn số đến hàng trăm




1 786 —vì 8 > 5, làm tròn lên→ 1 800

1 756 —vì 5 = 5, làm tròn lên→ 1 800

1 726 —vì 2 < 5, làm tròn xuống→ 1 700

Khi làm tròn số đến hàng trăm, ta so sánh chữ số hàng chục với 5.
Nếu chữ số hàng chục bé hơn 5 thì làm tròn xuống, còn lại thì làm tròn lên.

## hoạt động

**1** Làm tròn các số 2 864, 3 058 và 4 315 đến hàng chục, hàng trăm.

**2** Rô-bốt, Việt và Mai cùng ghé thăm một trang trại, Rô-bốt đếm được có 1 242 con gà. Khi làm tròn số đến hàng chục:

Mai nói: "Trang trại có khoảng 1 240 con gà".

Việt nói: "Trang trại có khoảng 1 250 con gà".

Theo em, bạn nào nói đúng?

## luyện tập

**1** Trong thư viện có 6 745 cuốn sách. Hỏi mỗi bạn đã làm tròn số sách đó đến hàng nào?




**2** Số ?

Quan sát các máy "làm tròn số" rồi tìm số thích hợp với máy cuối cùng.

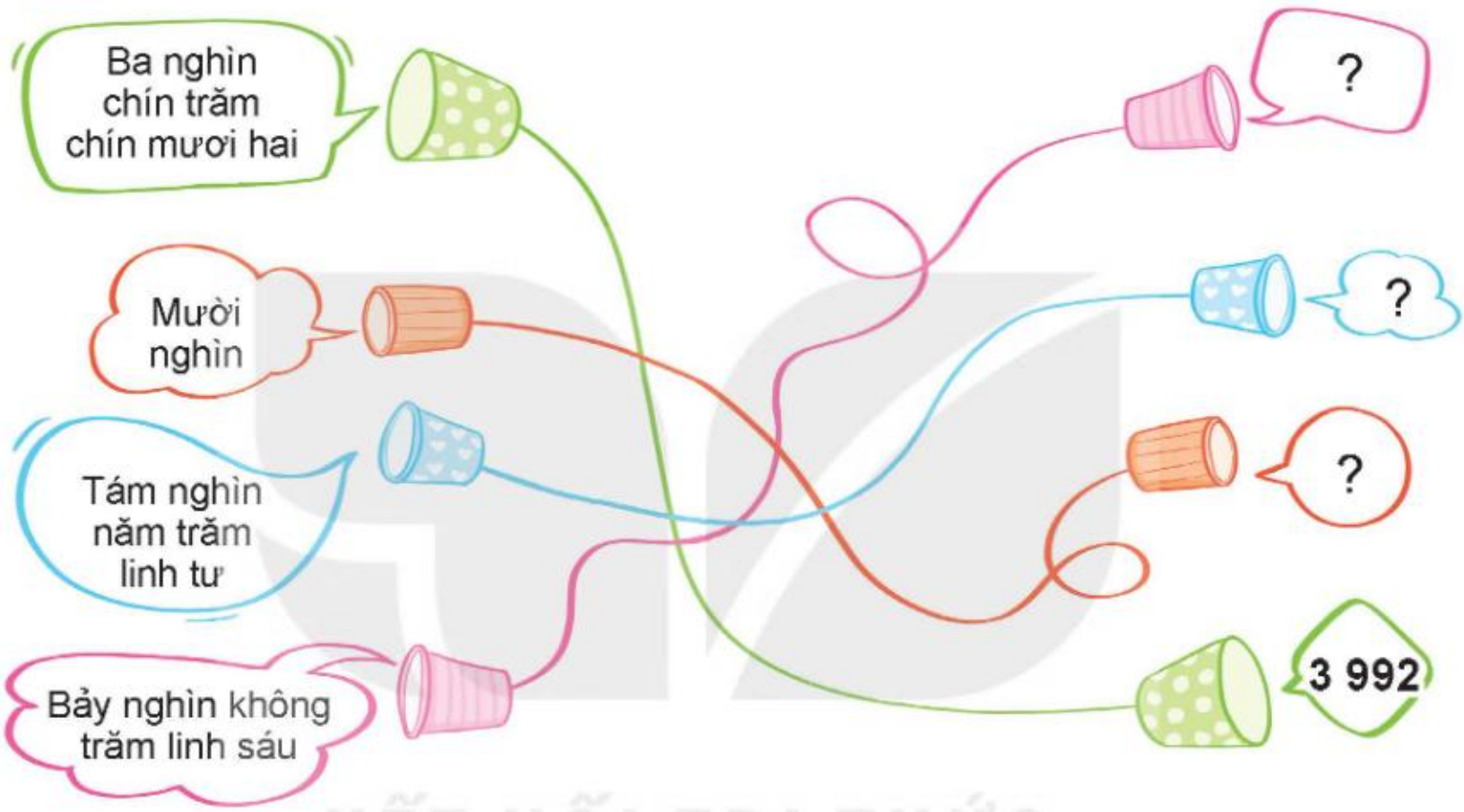


Bài 49

# LUYỆN TẬP CHUNG

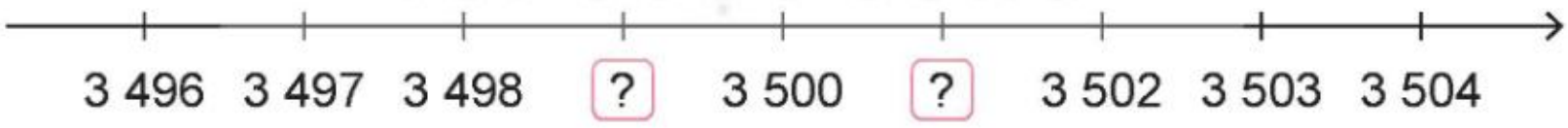



**1** Số ?

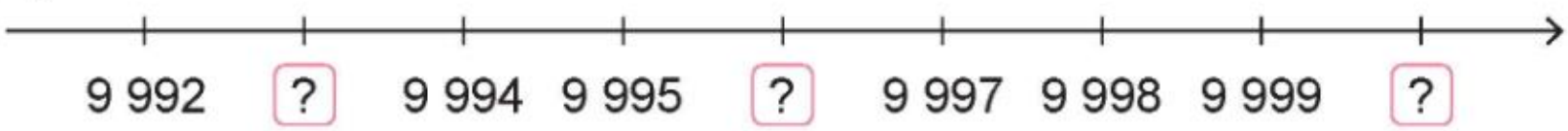



**2** Số ?

a)




b)




**3** Chọn câu trả lời đúng.

a) Số 2 846 có chữ số hàng chục là:

A. 2 B. 8 C. 4 D. 6

b) Số 2 846 làm tròn đến hàng chục là:

A. 2 900 B. 2 850 C. 2 840 D. 2 800

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

**4** Các bạn Mai, Nam, Việt và Rô-bốt cùng chơi "Đuổi hình bắt chữ" và lần lượt nhận được số điểm là 2 150 điểm, 1 650 điểm, 2 300 điểm và 1 850 điểm.

Hỏi: a) Bạn nào nhận được số điểm cao nhất?

b) Những bạn nào nhận được nhiều hơn 2 000 điểm?

c) Những bạn nào nhận được ít hơn 2 000 điểm?

**5** Trên giá sách có một bộ sách gồm 8 cuốn được đánh số từ I đến VIII. Bố của Mai đã lấy 2 cuốn sách để đọc. Hỏi đó là những cuốn được đánh số nào?




## luyện tập

**1** a) Số ?

| Số | Hàng nghìn | Hàng trăm | Hàng chục | Hàng đơn vị |
|---|---|---|---|---|
| 4 128 | 4 | ? | 2 | ? |
| 5 062 | ? | ? | 6 | 2 |
| 6 704 | 6 | 7 | ? | ? |
| 7 053 | 7 | ? | ? | 3 |

b) Làm tròn các số 4 128, 5 062, 6 704 và 7 053 đến hàng trăm.

**2** Chọn câu trả lời đúng.

a) Trong các số 3 768, 6 783, 3 687, 6 738, số lớn nhất là:

A. 3 768 B. 6 783 C. 3 687 D. 6 738

b) Trong các số 3 768, 6 783, 3 687, 6 738, số bé nhất là:

A. 3 768 B. 6 783 C. 3 687 D. 6 738

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

**3** Mỗi bình ghi một trong các số từ XII đến XV. Hỏi bình bị vỡ ghi số nào?




**4** Có ba con vật trong một khu bảo tồn là: voi châu Phi, hươu cao cổ và tê giác trắng. Trong số đó một con nặng 2 287 kg, một con nặng 6 125 kg và một con nặng 1 687 kg. Biết voi châu Phi nặng nhất và hươu cao cổ nhẹ hơn tê giác trắng. Hỏi mỗi con nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

## luyện tập

**1** Số ?

6 409 = 6 000 + ? + 9

6 411 = ? + 400 + ? + 1

6 410 = 6 000 + 400 + ?

6 412 = 6 000 + ? + 10 + ?

**2** a) Mai có các thẻ số từ 0 đến 9. Mai có thể đặt thẻ số nào vào vị trí dấu "?" để được phép so sánh đúng?

| 5 | ? | 0 | 1 | > | 5 | 7 | 9 | 9 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

b) Mai có tất cả bao nhiêu cách chọn thẻ số phù hợp với yêu cầu trên?

**3** Chọn câu trả lời đúng.

Trường học của Rô-bốt có 1 992 học sinh. Nếu làm tròn số học sinh đến hàng trăm, ta có thể nói:

Trường học của Rô-bốt có khoảng:

A. 2 000 học sinh.
B. 1 950 học sinh.
C. 1 900 học sinh.
D. 1 000 học sinh.

## trò chơi

### VỀ NHÀ ĐÓN TẾT



Cách chơi:

- Chơi theo nhóm.
- Người chơi bắt đầu từ ô XUẤT PHÁT. Khi đến lượt, người chơi gieo xúc xắc rồi di chuyển số ô bằng số chấm nhận được. Nếu đến ô màu xanh thì di chuyển theo hướng mũi tên.
- So sánh số trong ô đi đến với số ở ô XUẤT PHÁT (số 3 579). Nếu so sánh sai thì phải quay về ô xuất phát trước đó.
- Trò chơi kết thúc khi có người đến được ô CHÚC MỪNG NĂM MỚI.



Chủ đề 9

# CHU VI, DIỆN TÍCH MỘT SỐ HÌNH PHẲNG

Bài 50

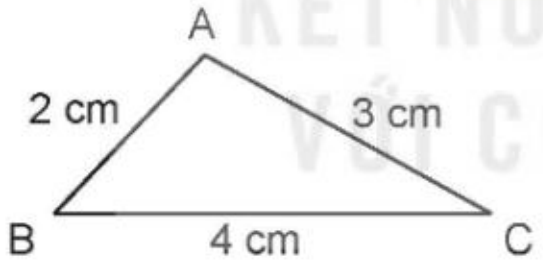
## CHU VI HÌNH TAM GIÁC, HÌNH TỨ GIÁC, HÌNH CHỮ NHẬT, HÌNH VUÔNG

Khám phá

### Chu vi hình tam giác, hình tứ giác




a)

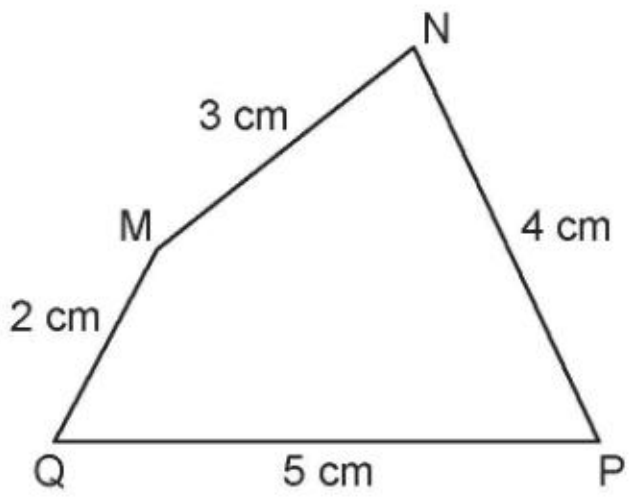



Tổng độ dài ba cạnh của hình tam giác ABC là:

2 cm + 4 cm + 3 cm = 9 cm.

Ta nói: Chu vi của hình tam giác ABC là 9 cm.

b)




Tổng độ dài bốn cạnh của hình tứ giác MNPQ là:

3 cm + 4 cm + 5 cm + 2 cm = 14 cm.

Ta nói: Chu vi của hình tứ giác MNPQ là 14 cm.

Tổng độ dài các cạnh của hình tam giác, hình tứ giác là chu vi của hình đó.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## hoạt động

**1** Tính chu vi hình tam giác có độ dài các cạnh là:

a) 7 cm, 10 cm và 14 cm.

Mẫu: *Bài giải*

Chu vi hình tam giác là:

7 + 10 + 14 = 31 (cm)

*Đáp số:* 31 cm.

b) 20 dm, 30 dm và 40 dm.

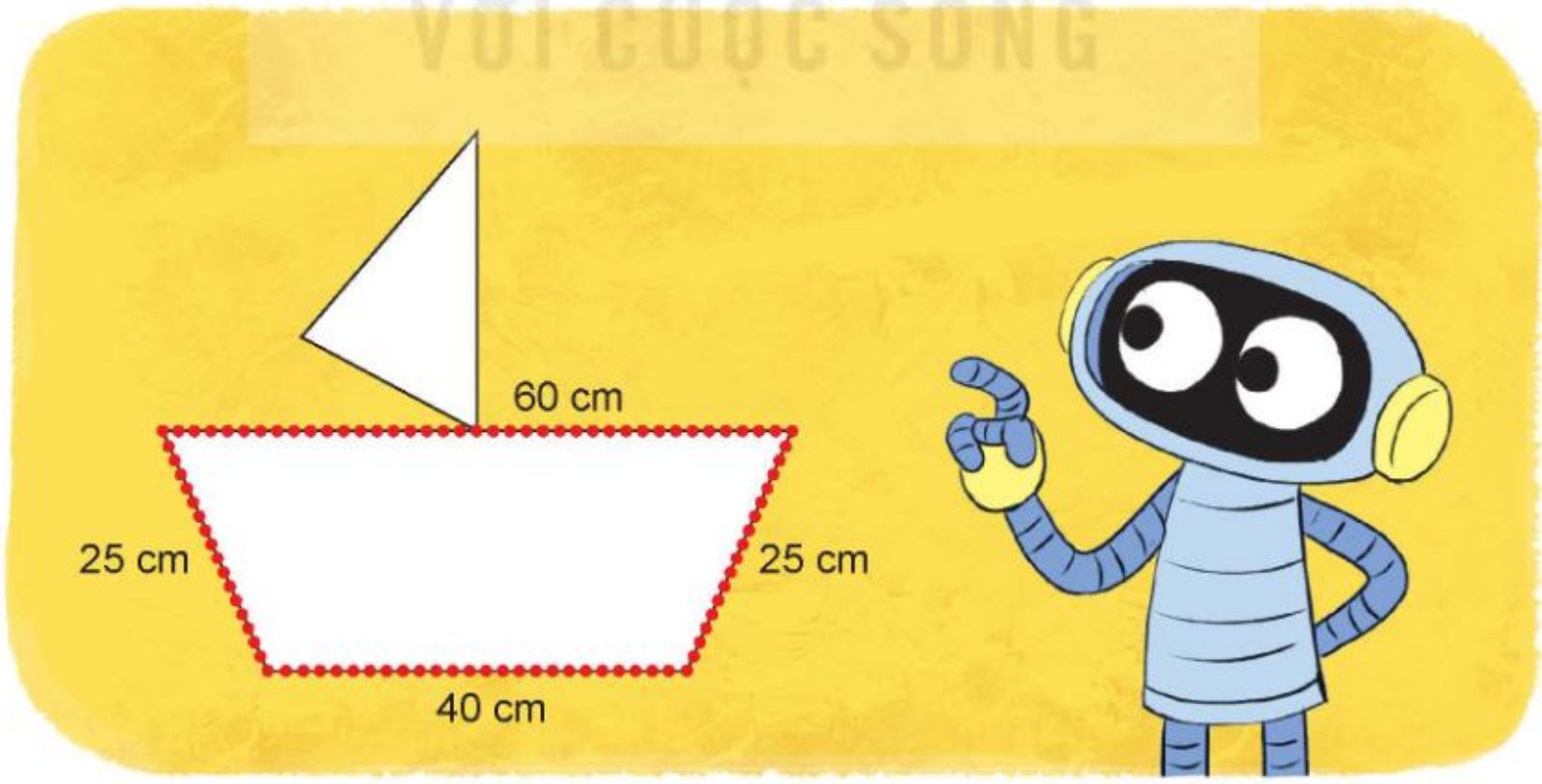
c) 15 dm, 20 dm và 15 dm.

**2** Tính chu vi hình tứ giác có độ dài các cạnh là:

a) 3 dm, 4 dm, 5 dm và 6 dm.

b) 10 cm, 15 cm, 10 cm và 15 cm.

**3** Rô-bốt dùng đèn nháy để trang trí thuyền như hình vẽ. Hỏi chiều dài đoạn dây đèn nháy là bao nhiêu xăng-ti-mét?

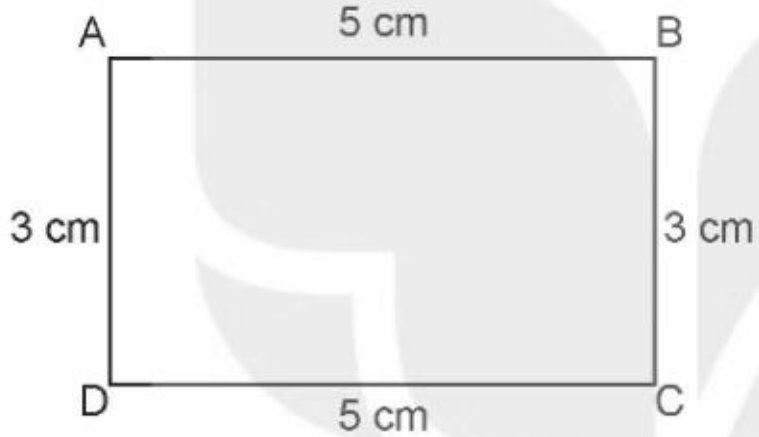


Khám phá

## Chu vi hình chữ nhật, hình vuông




a)



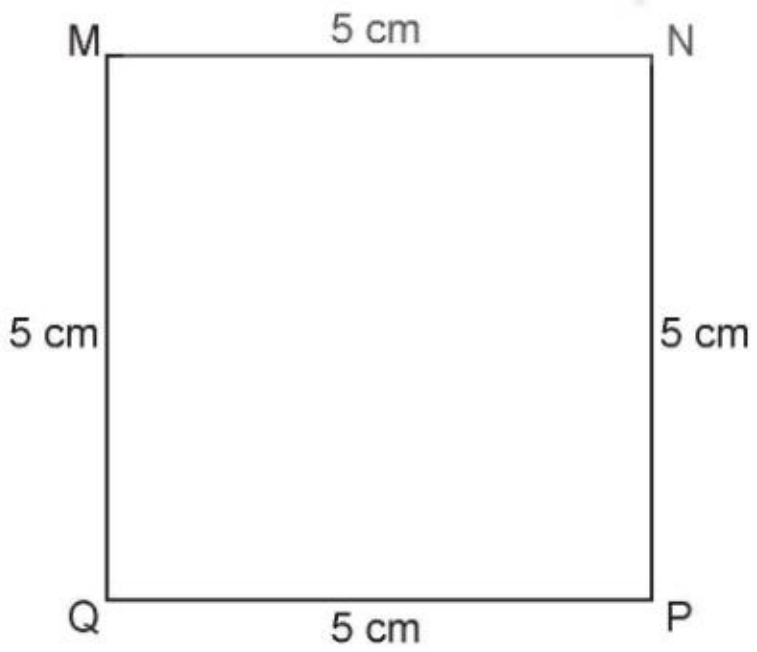

Chu vi hình chữ nhật ABCD là:

5 + 3 + 5 + 3 = 16 (cm)

hoặc (5 + 3) × 2 = 16 (cm).

Muốn tính chu vi hình chữ nhật ta lấy chiều dài cộng chiều rộng (cùng đơn vị đo) rồi nhân với 2.

b)




Chu vi hình vuông MNPQ là:

5 + 5 + 5 + 5 = 20 (cm)

hoặc 5 × 4 = 20 (cm).

Muốn tính chu vi hình vuông ta lấy độ dài một cạnh nhân với 4.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## hoạt động

**1** Số ?

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Cạnh hình vuông | 6 cm | 8 m | 7 cm | 10 m |
| Chu vi hình vuông | 24 cm | ? m | ? cm | ? m |

**2** Tính chu vi hình chữ nhật có:

a) Chiều dài 6 cm, chiều rộng 4 cm.

Mẫu: *Bài giải*

Chu vi hình chữ nhật là:

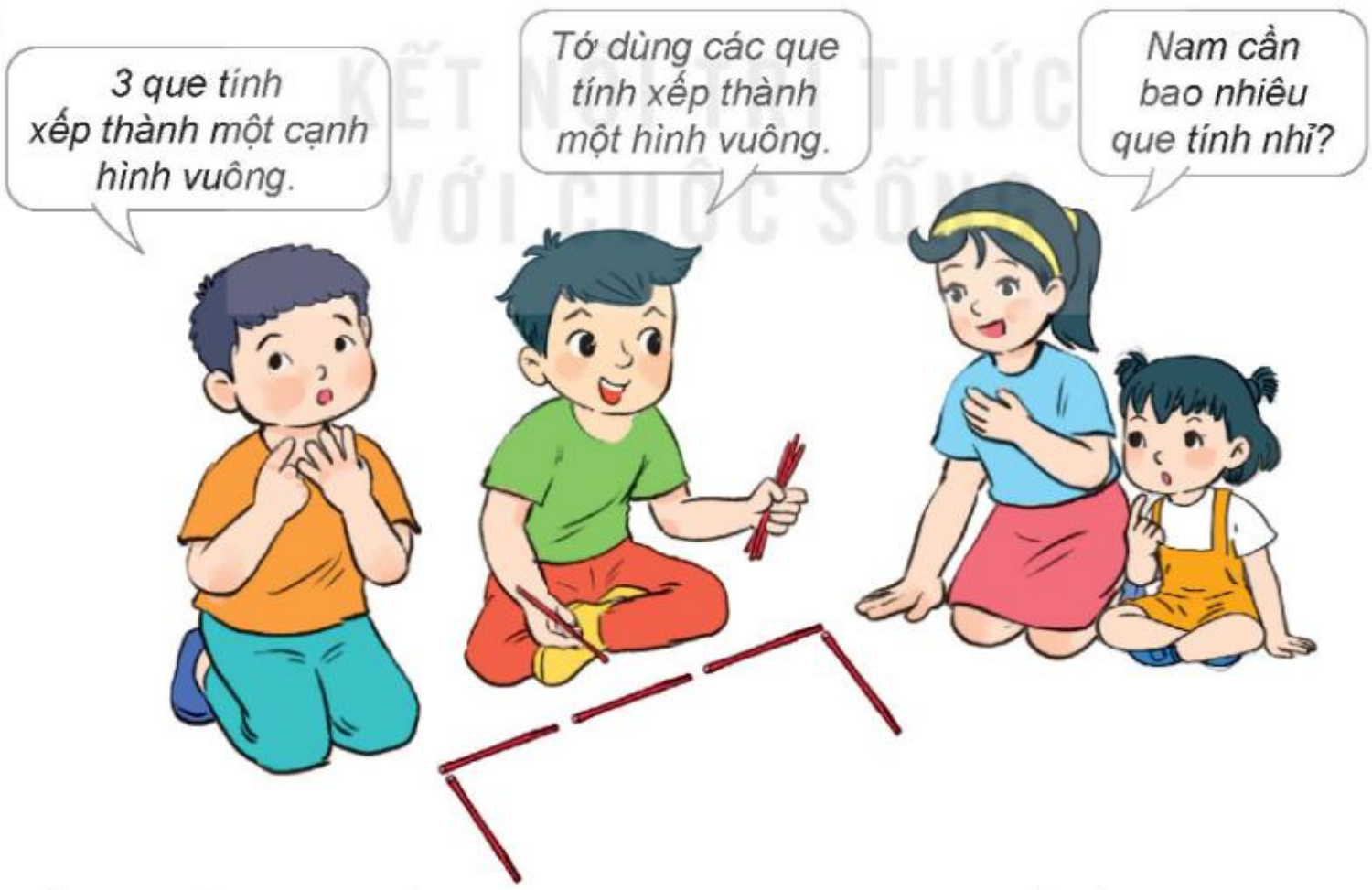
$(6 + 4) \times 2 = 20$ (cm)

*Đáp số:* 20 cm.

b) Chiều dài 8 m, chiều rộng 2 m.

c) Chiều dài 15 dm, chiều rộng 10 dm.

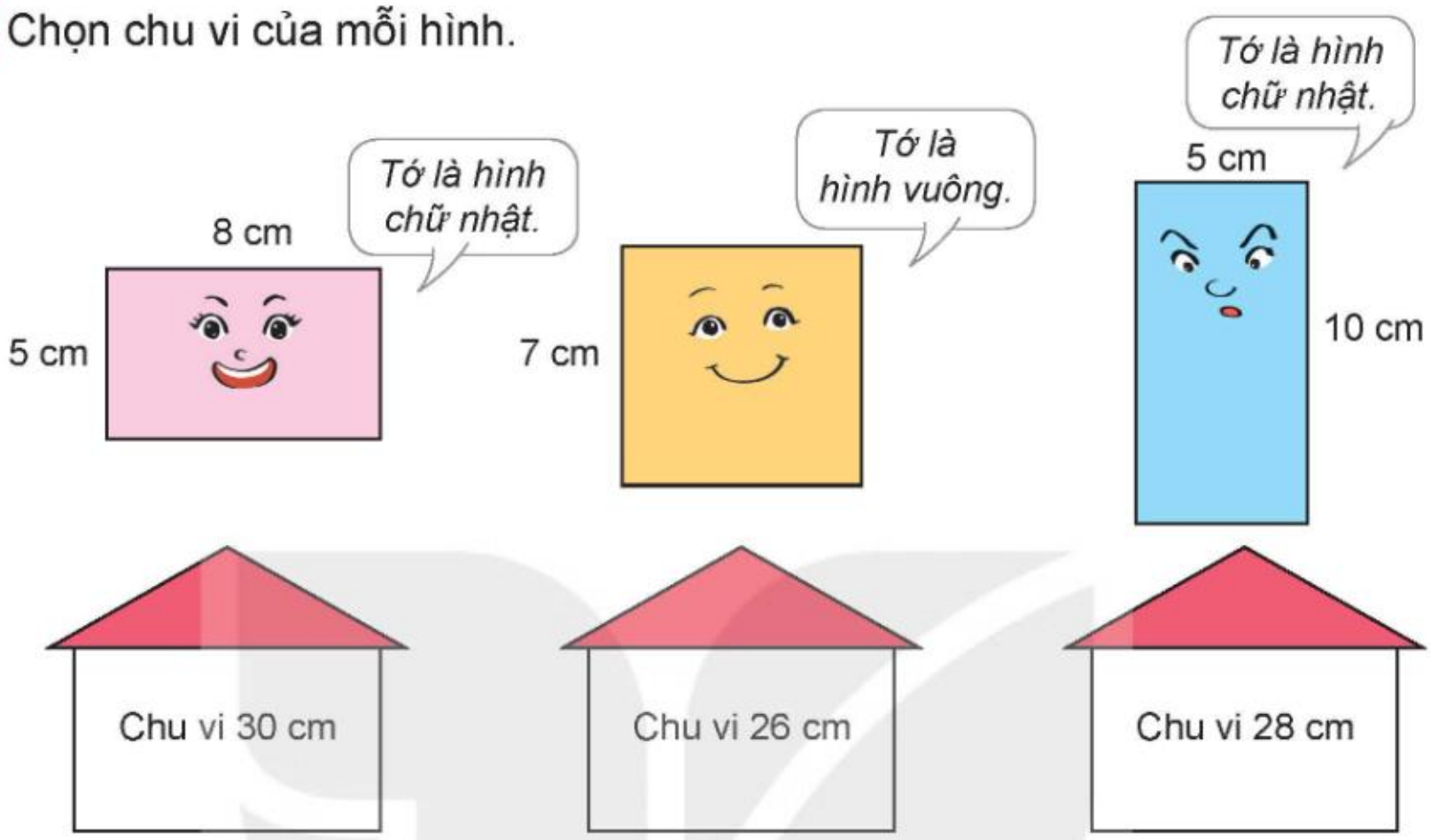
**3**




Đố em biết, Nam cần dùng bao nhiêu que tính để xếp thành một hình vuông có cạnh gồm 3 que tính như hình vẽ trên?

## luyện tập

**1** Chọn chu vi của mỗi hình.




**2**




Theo em, Việt tính đúng hay sai?

**3** Bác nông dân làm hàng rào quanh một vườn rau có dạng hình chữ nhật với chiều dài 9 m, chiều rộng 5 m. Bác có để cổng vào rộng 2 m. Hỏi hàng rào dài bao nhiêu mét?

Bài 51

# DIỆN TÍCH CỦA MỘT HÌNH. XĂNG-TI-MÉT VUÔNG

## Khám phá

### Diện tích của một hình



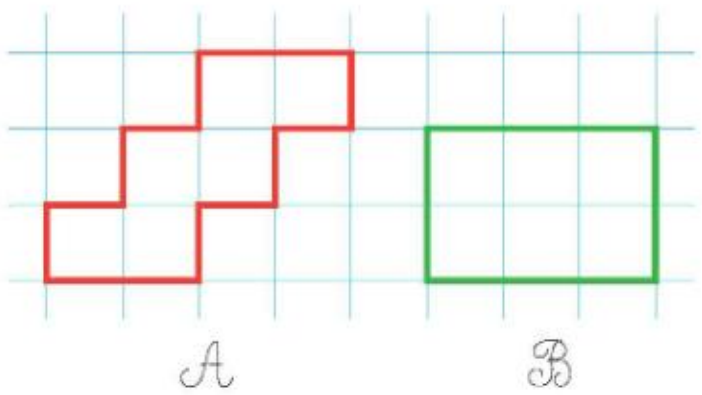

a)



Hình chữ nhật nằm hoàn toàn trong hình tròn.

Ta nói: Diện tích hình chữ nhật bé hơn diện tích hình tròn.

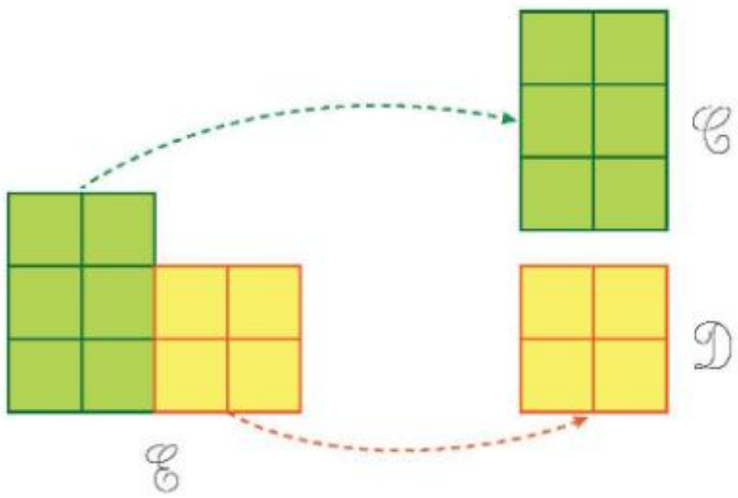
b)




Hình $\mathcal{A}$ gồm 6 ô vuông, hình $\mathcal{B}$ cũng gồm 6 ô vuông như thế. Ta nói: Diện tích hình $\mathcal{A}$ bằng diện tích hình $\mathcal{B}$.

c) Hình $\mathcal{E}$ gồm 10 ô vuông cắt ra thành hai hình $\mathcal{C}$ và $\mathcal{D}$. Hình $\mathcal{C}$ gồm 6 ô vuông. Hình $\mathcal{D}$ gồm 4 ô vuông.

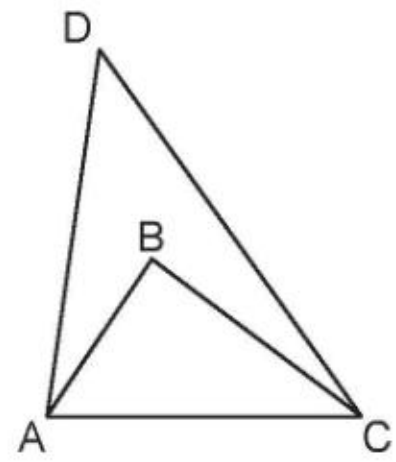
Ta nói: Diện tích hình $\mathcal{E}$ bằng tổng diện tích hình $\mathcal{C}$ và hình $\mathcal{D}$.



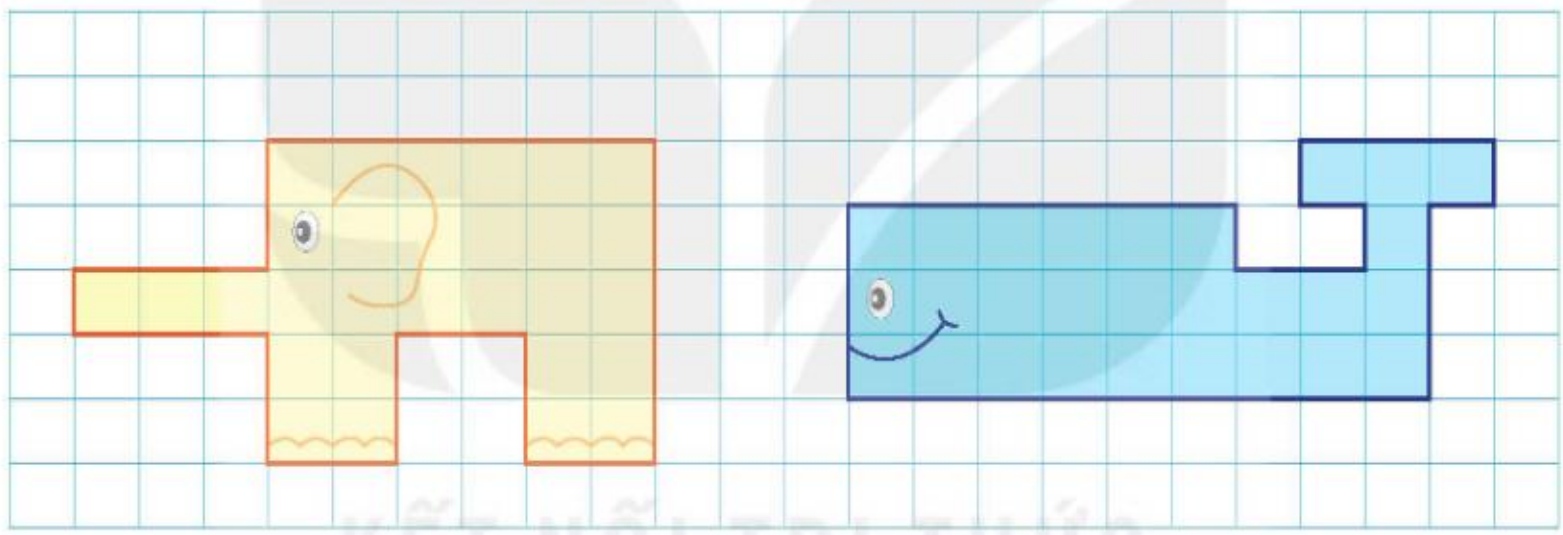

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## hoạt động

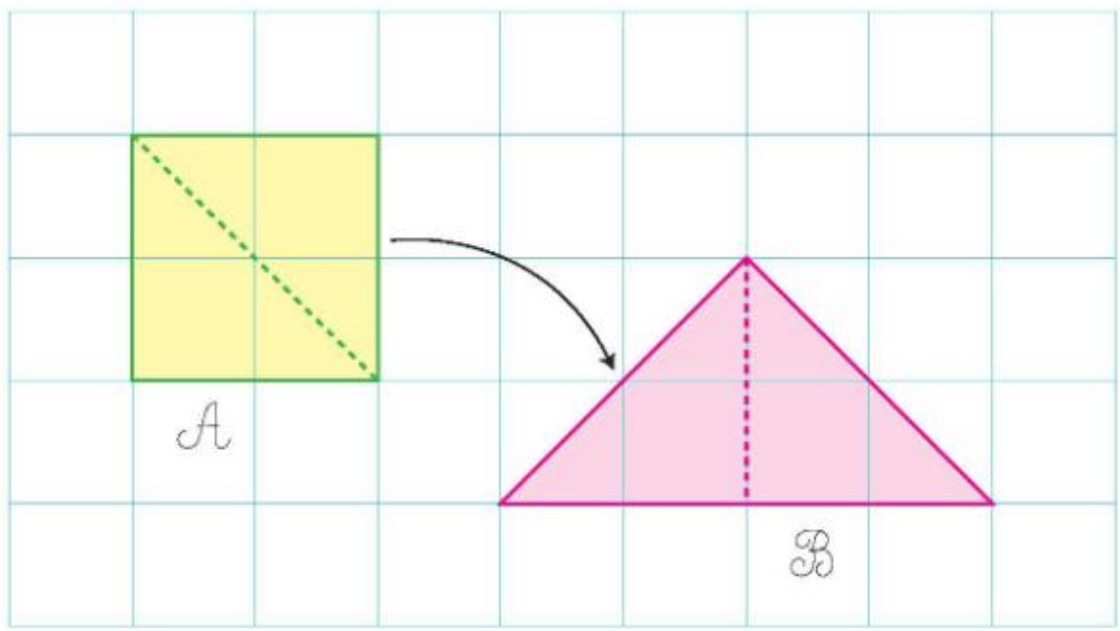
**1** So sánh diện tích hình tam giác ABC với diện tích hình tam giác ADC.




**2** Hình con vật nào dưới đây có diện tích lớn hơn?



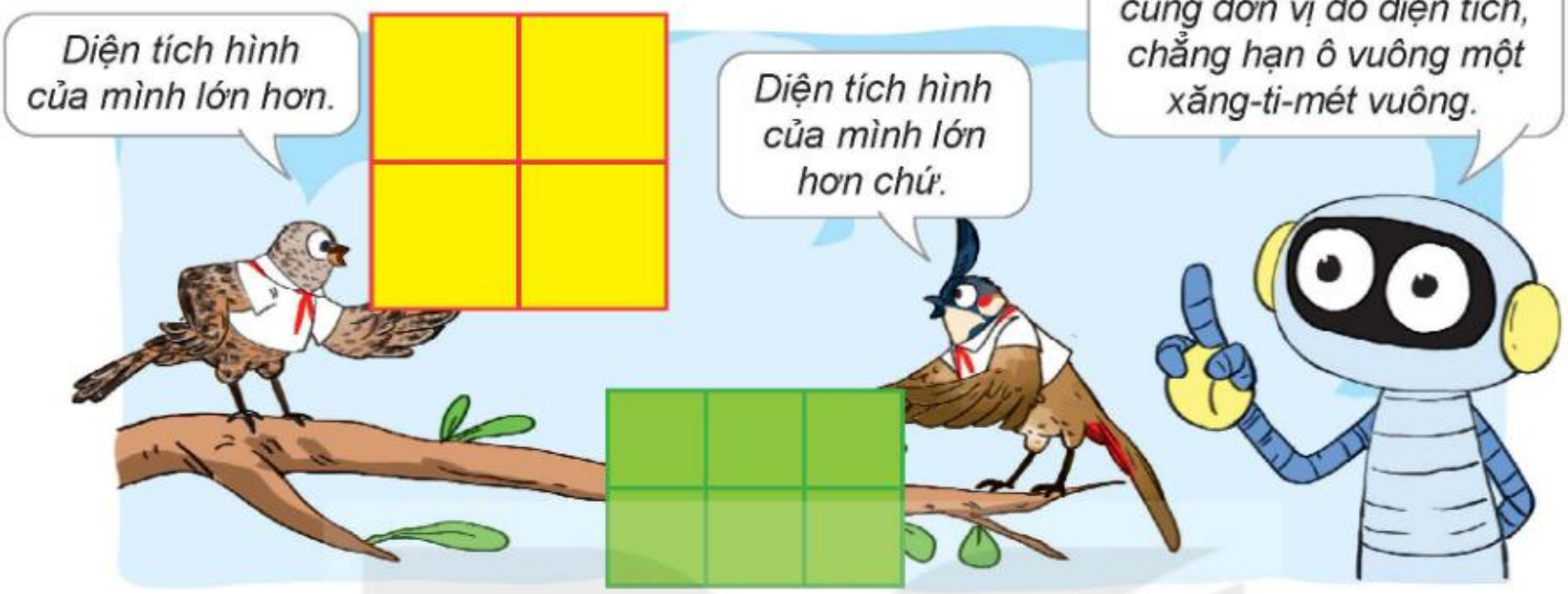
**3** So sánh diện tích hình $\mathcal{A}$ với diện tích hình $\mathcal{B}$.




KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

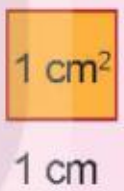
## khám phá

### Xăng-ti-mét vuông



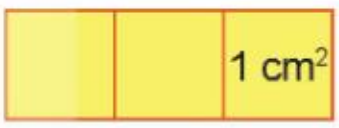

Xăng-ti-mét vuông là một đơn vị đo diện tích.

Xăng-ti-mét vuông là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1 cm.




Xăng-ti-mét vuông viết tắt là $cm^2$.

Hình chữ nhật bên gồm 3 ô vuông, mỗi ô vuông có diện tích 1 $cm^2$. Diện tích hình chữ nhật bên bằng 3 $cm^2$, đọc là: Ba xăng-ti-mét vuông.




Hình vuông bên gồm 4 ô vuông, mỗi ô vuông có diện tích 1 $cm^2$. Diện tích hình vuông bên bằng 4 $cm^2$, đọc là: Bốn xăng-ti-mét vuông.

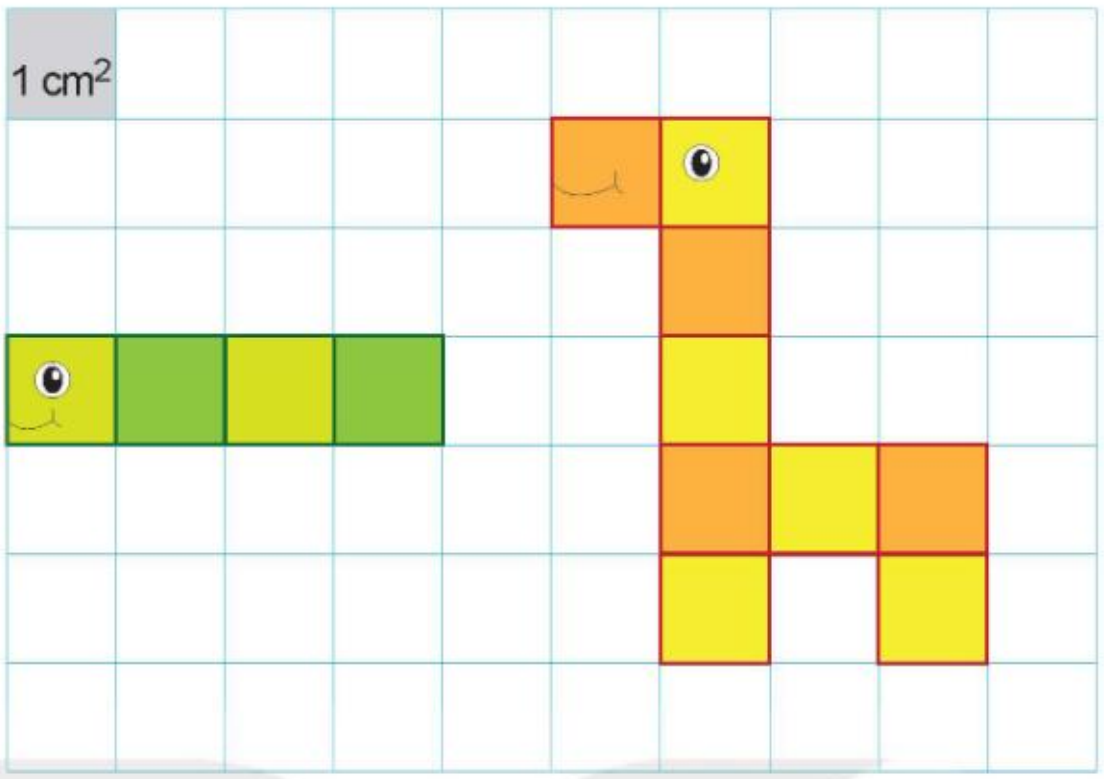



## hoạt động

**1** Hoàn thành bảng sau (theo mẫu).

| Đọc | Viết |
|---|---|
| Mười lăm xăng-ti-mét vuông | 15 $cm^2$ |
| Hai trăm ba mươi tư xăng-ti-mét vuông | ? |
| ? | 1 500 $cm^2$ |
| Mười nghìn xăng-ti-mét vuông | ? |

**2** Số ?




a) Hình con sâu gồm ? ô vuông 1 $cm^2$.

Diện tích hình con sâu bằng ? $cm^2$.

b) Hình con hươu cao cổ gồm ? ô vuông 1 $cm^2$.

Diện tích hình con hươu cao cổ bằng ? $cm^2$.

## Luyện tập

**1** Tính (theo mẫu).

Mẫu: 2 $cm^2$ + 3 $cm^2$ = 5 $cm^2$ 5 $cm^2$ × 2 = 10 $cm^2$

a) 37 $cm^2$ + 25 $cm^2$

50 $cm^2$ – 12 $cm^2$

b) 15 $cm^2$ × 4

56 $cm^2$ : 7

**2** Cánh diều màu đỏ có diện tích 900 $cm^2$. Cánh diều màu vàng có diện tích 880 $cm^2$. Hỏi diện tích cánh diều màu đỏ hơn diện tích cánh diều màu vàng bao nhiêu xăng-ti-mét vuông?



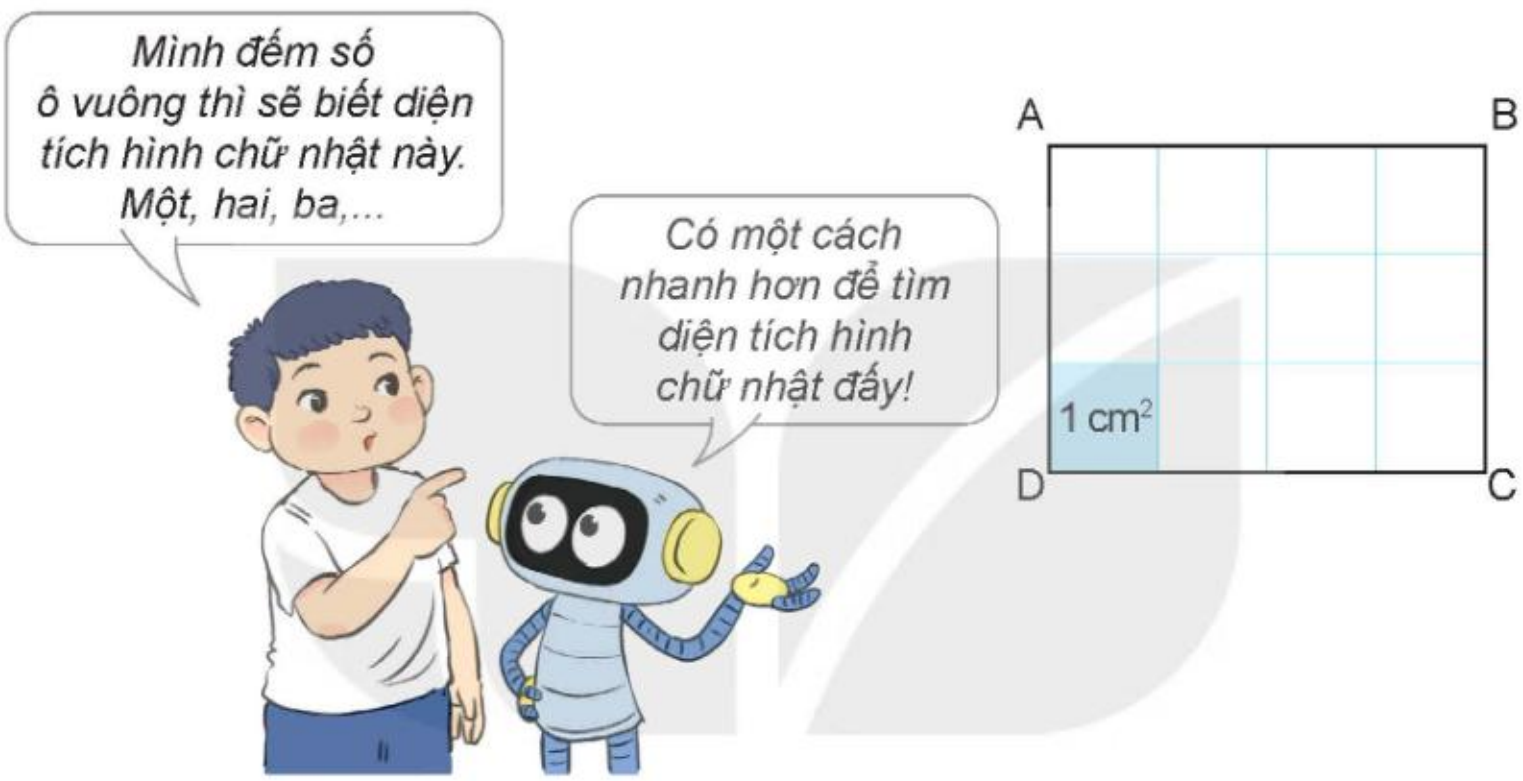
KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 52

# DIỆN TÍCH HÌNH CHỮ NHẬT, DIỆN TÍCH HÌNH VUÔNG

## Khám phá

### Diện tích hình chữ nhật




Hình chữ nhật ABCD có:

$4 \times 3 = 12$ (ô vuông).

Diện tích mỗi ô vuông là 1 $cm^2$.

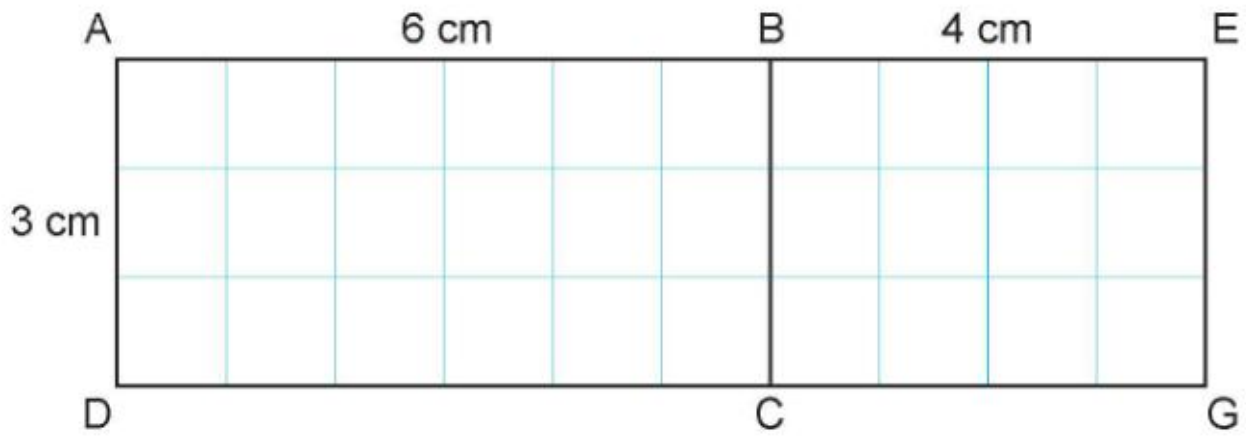
Diện tích hình chữ nhật ABCD là:

$4 \times 3 = 12$ ($cm^2$).

Muốn tính diện tích hình chữ nhật ta lấy chiều dài nhân với chiều rộng (cùng đơn vị đo).

## Hoạt động

**1** Số ?



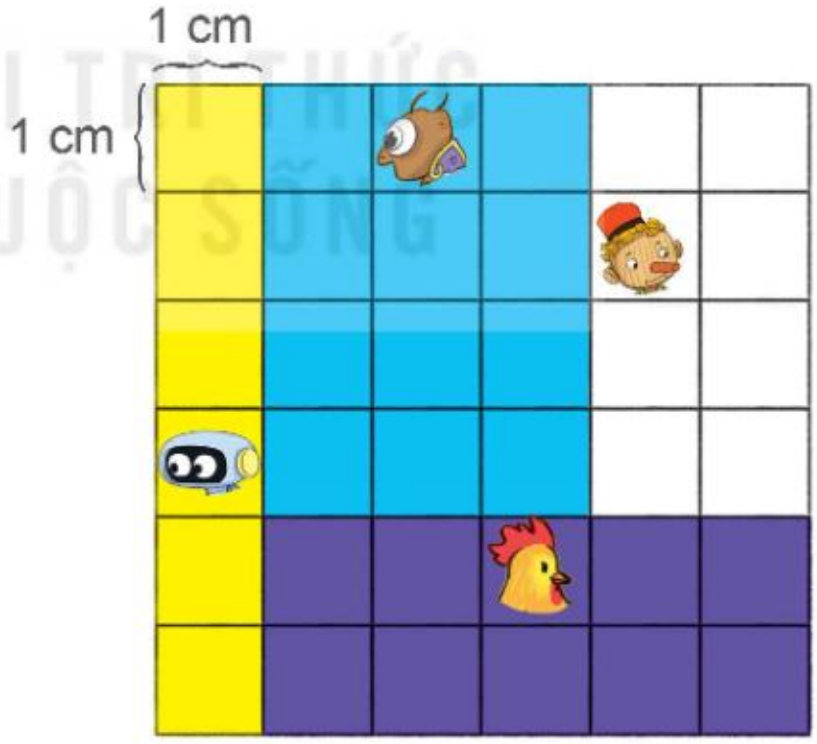
| Hình chữ nhật | ABCD | BEGC | AEGD |
|---|---|---|---|
| Chiều dài | 6 cm | ? cm | ? cm |
| Chiều rộng | 3 cm | ? cm | ? cm |
| Diện tích | 18 $cm^2$ | ? $cm^2$ | ? $cm^2$ |

**2** Một tấm gỗ hình chữ nhật có chiều rộng 5 cm, chiều dài 15 cm. Tính diện tích tấm gỗ đó.



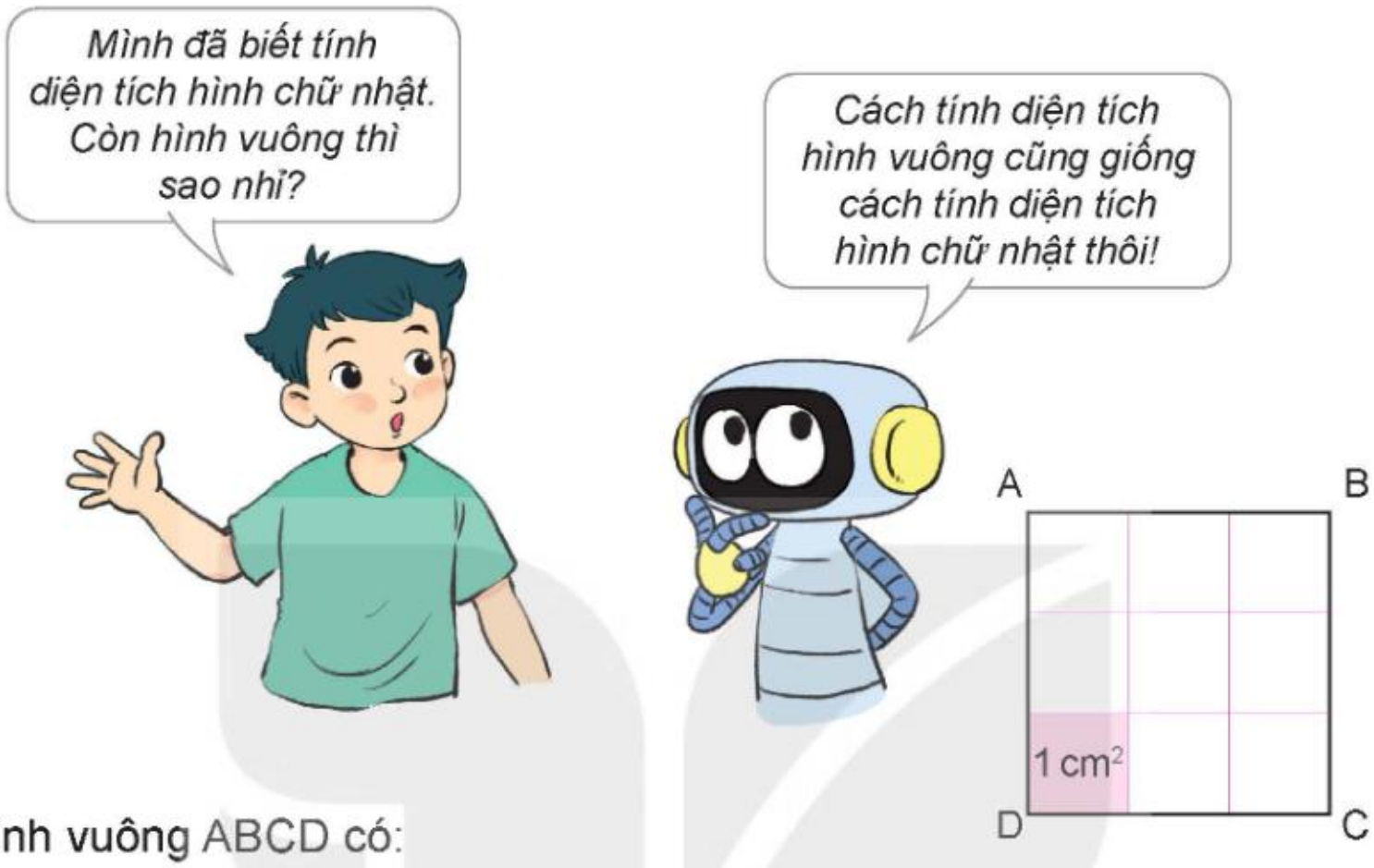
**3** Bu-ra-ti-nô bẻ miếng sô-cô-la thành bốn miếng nhỏ rồi chia cho bốn bạn như hình vẽ. Hỏi mỗi bạn nhận được miếng sô-cô-la bao nhiêu xăng-ti-mét vuông?





khám phá

## Diện tích hình vuông




Hình vuông ABCD có:

$3 \times 3 = 9$ (ô vuông).

Diện tích mỗi ô vuông là 1 $cm^2$.

Diện tích hình vuông ABCD là:

$3 \times 3 = 9$ ($cm^2$).

Muốn tính diện tích hình vuông ta lấy độ dài một cạnh nhân với chính nó.

hoạt động

**1** Số ?

| | | | |
|---|---|---|---|
| Độ dài cạnh hình vuông | 3 cm | 5 cm | 9 cm |
| Chu vi hình vuông | 12 cm | ? cm | ? cm |
| Diện tích hình vuông | 9 $cm^2$ | ? $cm^2$ | ? $cm^2$ |

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

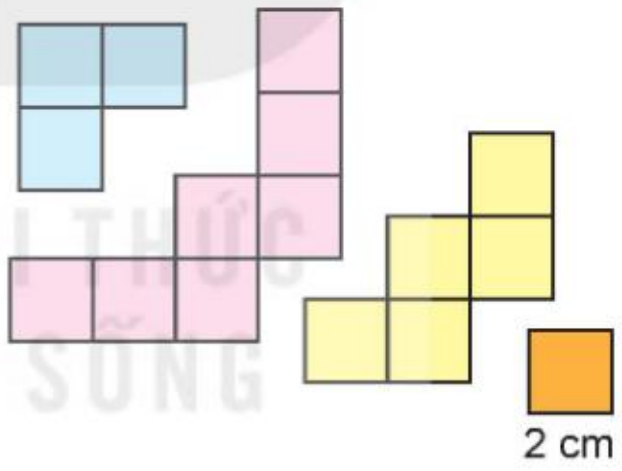
**2** Có một miếng bánh hình vuông cạnh 8 cm.

a) Tính diện tích miếng bánh hình vuông đó.

b) Nếu cắt đi một hình vuông có cạnh 3 cm ở góc của miếng bánh thì diện tích phần miếng bánh còn lại là bao nhiêu xăng-ti-mét vuông?



**3** Ghép bốn tấm bìa trong hình bên thành một hình vuông. Tính diện tích của hình vuông đó.

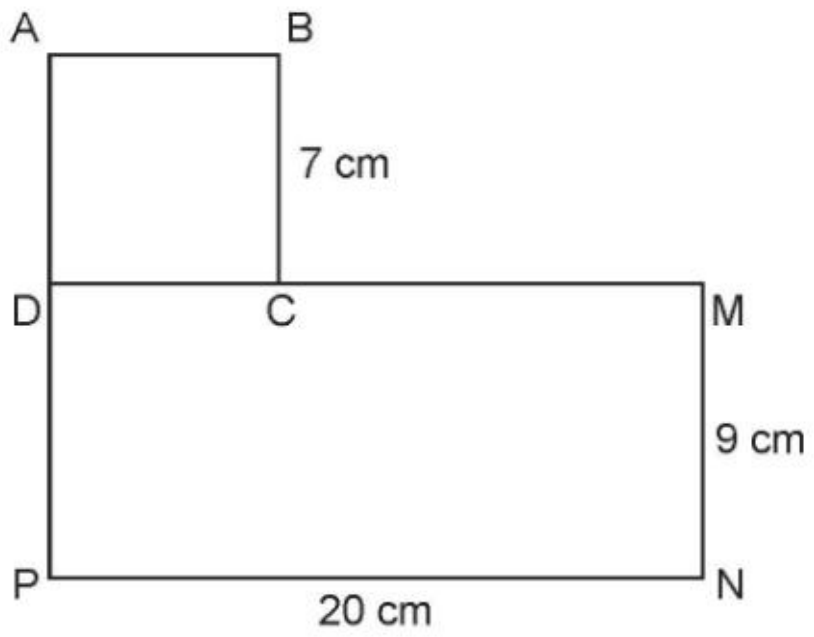



## luyện tập

**1** Hình $\mathcal{H}$ gồm hình vuông ABCD và hình chữ nhật DMNP như hình bên.

a) Tính diện tích hình vuông ABCD và diện tích hình chữ nhật DMNP.

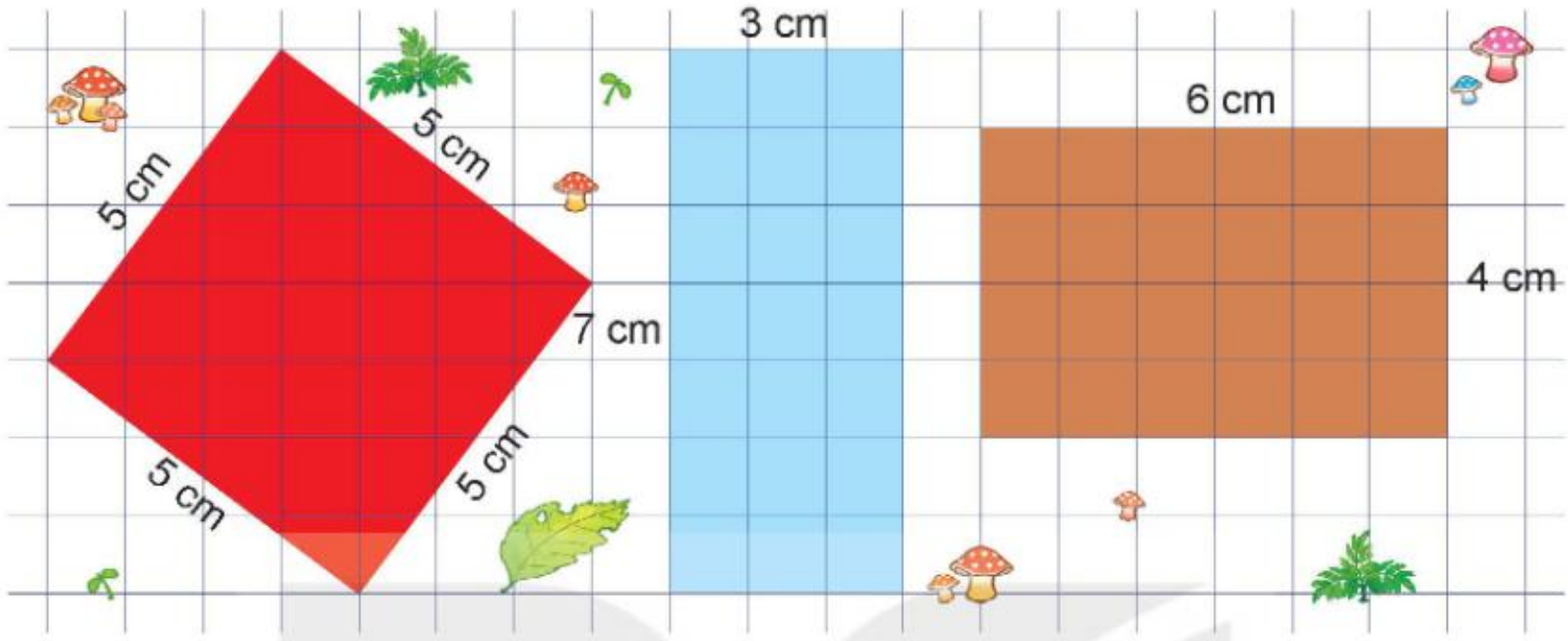
b) Tính diện tích hình $\mathcal{H}$.




Hình $\mathcal{H}$

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

**2** Ba bác kiến rào đất để trồng nấm. Kiến lửa rào mảnh đất màu đỏ. Kiến gió rào mảnh đất màu xanh. Kiến bọ dọt rào mảnh đất màu nâu.




a) Số ?

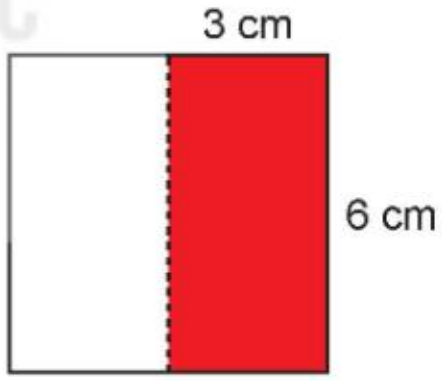
| Mảnh đất | Đỏ | Xanh | Nâu |
|---|---|---|---|
| Chu vi (cm) | ? | ? | ? |
| Diện tích ($cm^2$) | ? | ? | ? |

b) Mảnh đất nào có diện tích lớn nhất?

**3** Số ?

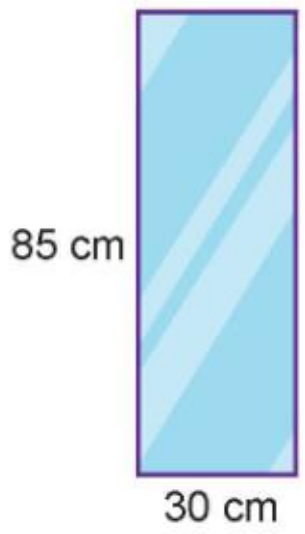
Diện tích tấm bìa hình vuông gấp đôi diện tích miếng bìa màu đỏ.

Diện tích tấm bìa hình vuông là ? $cm^2$.




**4** Số ?

Có một tấm kính lớn như hình vẽ bên. Người ta cắt ra 3 tấm kính hình chữ nhật để lắp vào cửa chớp, mỗi tấm có chiều dài 80 cm, chiều rộng 10 cm. Phần kính còn lại có diện tích là ? $cm^2$.




KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 53

# LUYỆN TẬP CHUNG




**1** Số ?

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Cạnh hình vuông | 20 cm | 5 cm | ? cm | ? cm |
| Chu vi hình vuông | ? cm | ? cm | 40 cm | 100 cm |

**2** a) Tính chu vi hình chữ nhật có chiều dài 2 dm và chiều rộng 5 cm.

Mẫu: *Bài giải*

Đổi 2 dm = 20 cm.

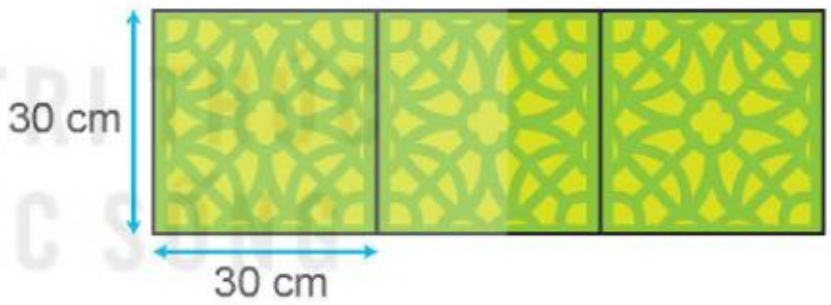
Chu vi hình chữ nhật là:

$(20 + 5) \times 2 = 50$ (cm)

*Đáp số:* 50 cm.

b) Tính chu vi hình chữ nhật có chiều dài 1 m và chiều rộng 2 dm.

**3** Một viên gạch hình vuông có cạnh 30 cm. Tính chu vi hình chữ nhật ghép bởi 3 viên gạch như thế.




**4** Người ta đóng cọc để rào các vườn hoa. Biết rằng hai cọc cạnh nhau cách nhau 1 m (như hình vẽ).



Bạn ong tìm đến vườn hoa có hàng rào dài nhất, bạn chuồn chuồn tìm đến vườn hoa có hàng rào ngắn nhất. Hỏi mỗi bạn sẽ tìm đến vườn hoa nào?

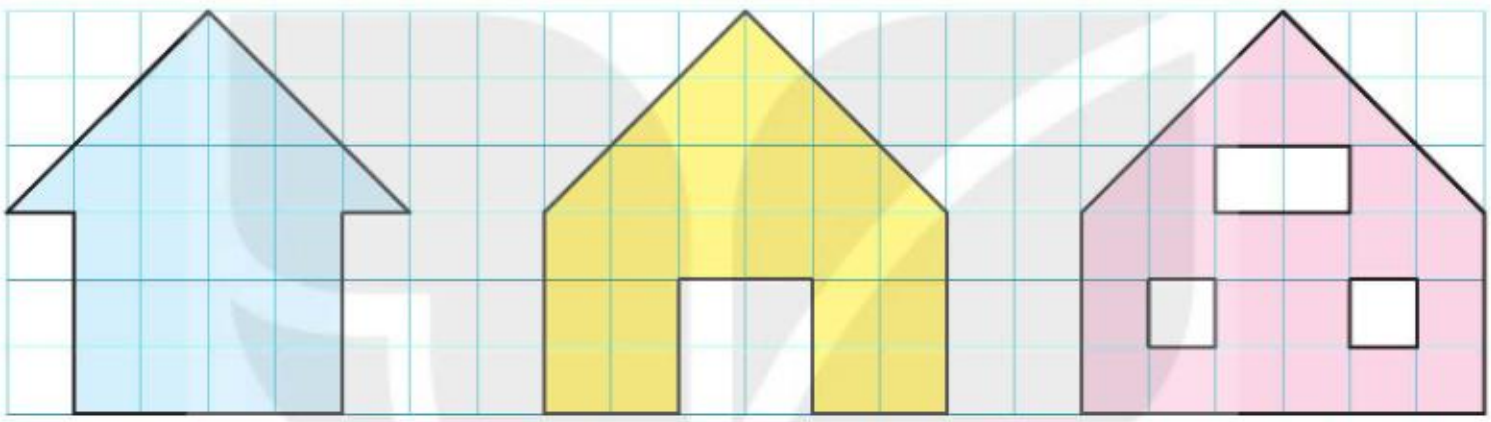
## luyện tập

**1** a) Tính diện tích hình vuông có cạnh 9 cm.

b) Tính diện tích hình chữ nhật có chiều dài 9 cm và chiều rộng 6 cm.

**2** Một hình chữ nhật có chiều rộng 6 cm, chiều dài gấp đôi chiều rộng. Tính diện tích hình chữ nhật đó.

**3** Việt cắt được các miếng bìa như hình dưới đây. Hai miếng bìa nào có diện tích bằng nhau?



A B C

**4** Một võ đài hình vuông có chu vi 36 cm. Tính diện tích của võ đài đó.




KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

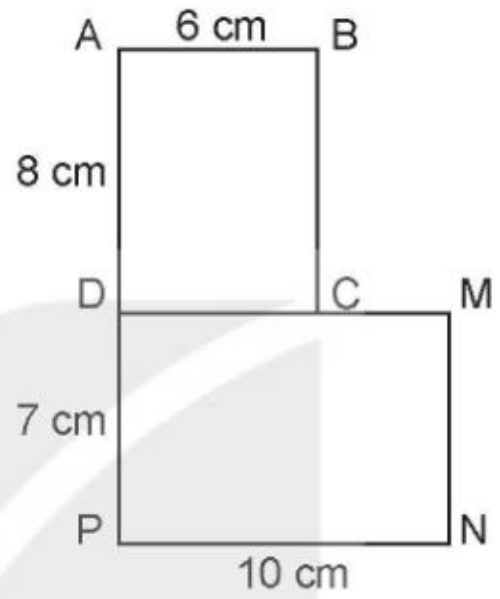
## luyện tập

**1** Để sửa chữa một mảng nền nhà cần dùng 2 tấm gỗ lát sàn, mỗi tấm có dạng hình chữ nhật với chiều dài 45 cm và chiều rộng 9 cm. Hỏi diện tích mảng nền nhà cần sửa chữa là bao nhiêu xăng-ti-mét vuông?

**2** Hình $\mathcal{H}$ gồm hình chữ nhật ABCD và hình chữ nhật DMNP như hình bên.

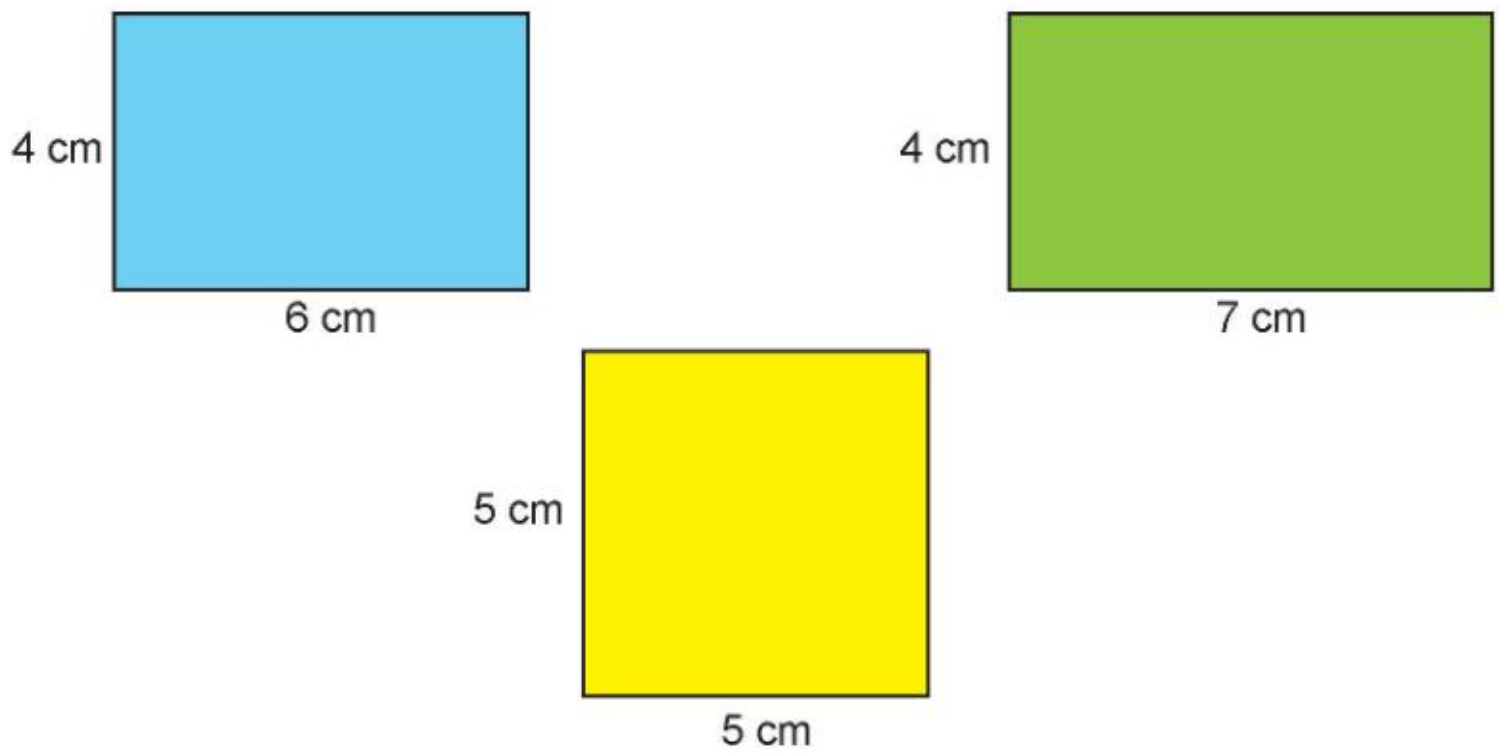
a) Tính diện tích mỗi hình chữ nhật có trong hình vẽ.

b) Tính diện tích hình $\mathcal{H}$.




Hình $\mathcal{H}$

**3** Mai, Nam và Việt cắt được ba tờ giấy màu có kích thước như hình vẽ dưới đây. Biết tờ giấy màu của Nam có chu vi bằng tờ giấy màu của Việt nhưng có diện tích bé hơn. Em hãy xác định tờ giấy màu mà mỗi bạn đã cắt được.



Chủ đề 10

# CỘNG, TRỪ, NHÂN, CHIA TRONG PHẠM VI 10 000

Bài 54

## PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 10 000

### Khám phá




2 729 + 4 827 = ?

$$\begin{array}{r} 2\,729 \\ +\ 4\,827 \\ \hline 7\,556 \end{array}$$

- 9 cộng 7 bằng 16, viết 6 nhớ 1.
- 2 thêm 1 bằng 3; 3 cộng 2 bằng 5, viết 5.
- 7 cộng 8 bằng 15, viết 5 nhớ 1.
- 2 thêm 1 bằng 3; 3 cộng 4 bằng 7, viết 7.

**2 729 + 4 827 = 7 556**

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## hoạt động

**1** Tính.

| | | | |
|---|---|---|---|
| 6 428 | 2 576 | 6 307 | 837 |
| + 3 481 | + 4 518 | + 826 | + 524 |

**2** Đặt tính rồi tính.

3 628 + 4 845 　　4 252 + 5 284 　　3 847 + 635

**3** Vụ mùa năm nay, bác Hùng thu hoạch được 2 530 kg thóc, bác Dương thu hoạch được nhiều hơn bác Hùng 550 kg thóc. Hỏi vụ mùa năm nay, bác Dương thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam thóc?



## luyện tập

**1** Tính nhẩm (theo mẫu).

Mẫu: 5 000 + 3 000 = ?

Nhẩm: 5 nghìn + 3 nghìn = 8 nghìn

5 000 + 3 000 = 8 000

a) 6 000 + 2 000

b) 3 000 + 4 000

c) 5 000 + 4 000

d) 1 000 + 9 000

**2** Tính nhẩm (theo mẫu).

Mẫu: 4 200 + 600 = ?

Nhẩm: 2 trăm + 6 trăm = 8 trăm

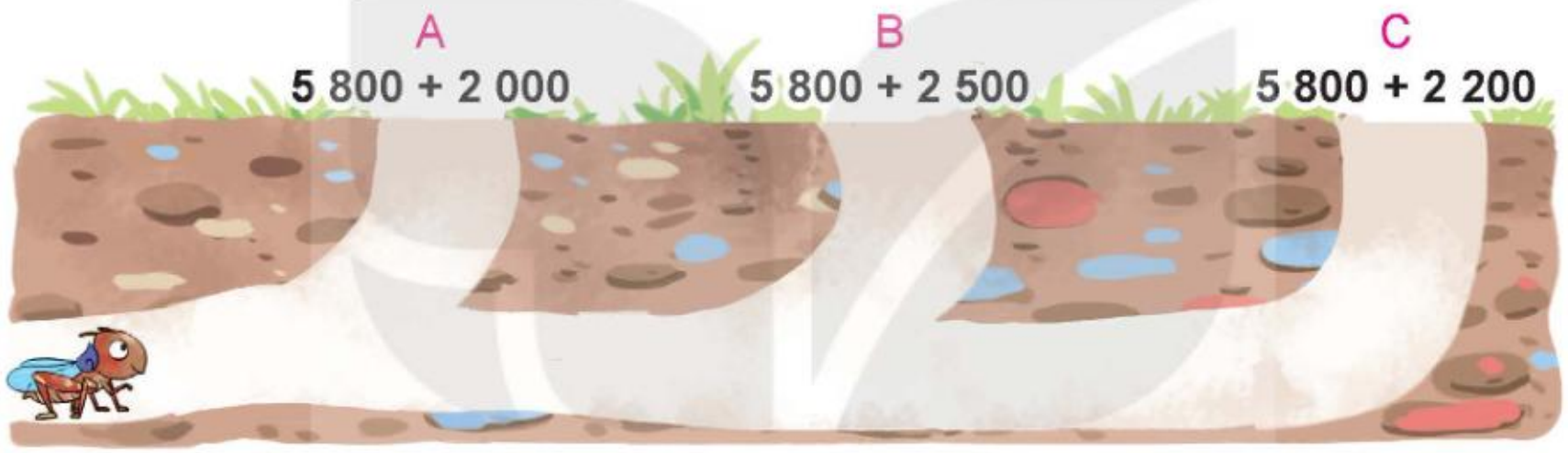
4 nghìn 2 trăm + 6 trăm = 4 nghìn 8 trăm

4 200 + 600 = 4 800

a) 3 200 + 700 b) 5 000 + 500

c) 8 600 + 200 d) 6 100 + 800

**3** Dế mèn sẽ đến cửa hang ghi phép tính có kết quả lớn nhất. Dế mèn sẽ đến cửa hang nào?




**4** Trong một trận bóng đá, số khán giả ở khán đài A là 4 625 người. Số khán giả ở khán đài B nhiều hơn số khán giả ở khán đài A là 438 người. Hỏi số khán giả ở cả hai khán đài là bao nhiêu người?



Bài 55

# PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10 000

## Khám phá




3 143 – 1 634 = ?

$$\begin{array}{r} 3\,143 \\ -\,1\,634 \\ \hline 1\,509 \end{array}$$

- 3 không trừ được 4, lấy 13 trừ 4 bằng 9, viết 9 nhớ 1.
- 4 trừ 1 bằng 3; 3 trừ 3 bằng 0, viết 0.
- 1 không trừ được 6, lấy 11 trừ 6 bằng 5, viết 5 nhớ 1.
- 3 trừ 1 bằng 2; 2 trừ 1 bằng 1, viết 1.

**3 143 – 1 634 = 1 509**

## Hoạt động

**1** Tính.

$$\begin{array}{r} 5\,274 \\ -\,2\,928 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 7\,668 \\ -\,5\,809 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 2\,384 \\ -\,827 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 6\,729 \\ -\,43 \\ \hline \end{array}$$

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

**2** Đặt tính rồi tính.

4 291 – 3 864 8 380 – 6 425 6 635 – 807

**3** Sông Nin là sông dài nhất thế giới với chiều dài 6 650 km. Sông Hồng dài 1 149 km. Hỏi sông Nin dài hơn sông Hồng bao nhiêu ki-lô-mét?




**1** Tính nhẩm (theo mẫu).

Mẫu: 9 000 – 4 000 = ?

Nhẩm: 9 nghìn – 4 nghìn = 5 nghìn

9 000 – 4 000 = 5 000

a) 7 000 – 3 000

b) 8 000 – 5 000

c) 9 000 – 7 000

d) 10 000 – 6 000

**2** Tính nhẩm (theo mẫu).

Mẫu:

- 7 500 – 300 = ?

Nhẩm: 5 trăm – 3 trăm = 2 trăm

7 nghìn 5 trăm – 3 trăm = 7 nghìn 2 trăm

7 500 – 300 = 7 200

- 4 300 – 2 000 = ?

Nhẩm: 4 nghìn – 2 nghìn = 2 nghìn

4 nghìn 3 trăm – 2 nghìn = 2 nghìn 3 trăm

4 300 – 2 000 = 2 300

a) 5 200 – 200

b) 3 500 – 1 000

c) 6 700 – 600

d) 8 400 – 6 000

**3** Đặt tính rồi tính.

6 378 – 2 549 5 624 – 4 718 4 628 – 719 8 372 – 39

**4** Một xe chở 9 000 *l* dầu. Lần đầu, xe bơm 2 500 *l* dầu vào một trạm xăng dầu. Lần sau, xe bơm 2 200 *l* dầu vào một trạm khác. Hỏi trong xe còn lại bao nhiêu lít dầu?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 56

# NHÂN SỐ CÓ BỐN CHỮ SỐ VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ

## Khám phá

a)




1 034 × 2 = ?

$$\begin{array}{r} 1\,034 \\ \times \quad 2 \\ \hline 2\,068 \end{array}$$

- 2 nhân 4 bằng 8, viết 8.
- 2 nhân 3 bằng 6, viết 6.
- 2 nhân 0 bằng 0, viết 0.
- 2 nhân 1 bằng 2, viết 2.

**1 034 × 2 = 2 068**

b)

1 225 × 3 = ?

$$\begin{array}{r} 1\,225 \\ \times \quad 3 \\ \hline 3\,675 \end{array}$$

- 3 nhân 5 bằng 15, viết 5 nhớ 1.
- 3 nhân 2 bằng 6, thêm 1 bằng 7, viết 7.
- 3 nhân 2 bằng 6, viết 6.
- 3 nhân 1 bằng 3, viết 3.

**1 225 × 3 = 3 675**

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## hoạt động

**1** Tính.

| | | | |
|---|---|---|---|
| 1 014 × 5 | 3 148 × 2 | 2 109 × 3 | 2 051 × 4 |

**2** Đặt tính rồi tính.

| | | |
|---|---|---|
| 1 103 × 3 | 1 021 × 9 | 2 041 × 4 |

**3** Tính nhẩm (theo mẫu).

Mẫu: 2 000 × 3 = ?

Nhẩm: 2 nghìn × 3 = 6 nghìn

2 000 × 3 = 6 000

| | | |
|---|---|---|
| a) 4 000 × 2 | b) 3 000 × 3 | c) 2 000 × 4 |

**4** Một khu đất dạng hình vuông có độ dài cạnh là 1 617 m. Hỏi chu vi của khu đất đó là bao nhiêu mét?

## luyện tập

**1** Tính.

| | | |
|---|---|---|
| 1 216 × 6 | 1 205 × 8 | 1 408 × 7 |

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

**2** Đặt tính rồi tính.

| | | |
|---|---|---|
| 1 213 × 7 | 2 180 × 3 | 1 916 × 4 |

**3** Số ?




**4** Bác Sáu có 3 tàu đánh cá, bác cần 3 050 *l* dầu cho mỗi tàu. Hỏi bác Sáu cần tất cả bao nhiêu lít dầu cho 3 tàu đánh cá đó?




## luyện tập

**1** Đặt tính rồi tính.

| | | | |
|---|---|---|---|
| 1 041 × 6 | 1 008 × 9 | 1 107 × 8 | 1 619 × 5 |

**2** Một sư đoàn có 4 trung đoàn, mỗi trung đoàn có 1 300 người. Sau đó sư đoàn được bổ sung thêm 450 người. Hỏi lúc này, sư đoàn có tất cả bao nhiêu người?



**3** Số ?

Lực sĩ mèo và rùa thi tài.




a) Mỗi bên tạ của mèo cân nặng ? g. Mèo nâng được ? g.

b) Mỗi bên tạ của rùa cân nặng ? g. Rùa nâng được ? g.

**4** Tìm chữ số thích hợp.

a)
$$\begin{array}{r} 1\,?\,1\,5 \\ \times \qquad 4 \\ \hline ?\,8\,?\,? \end{array}$$

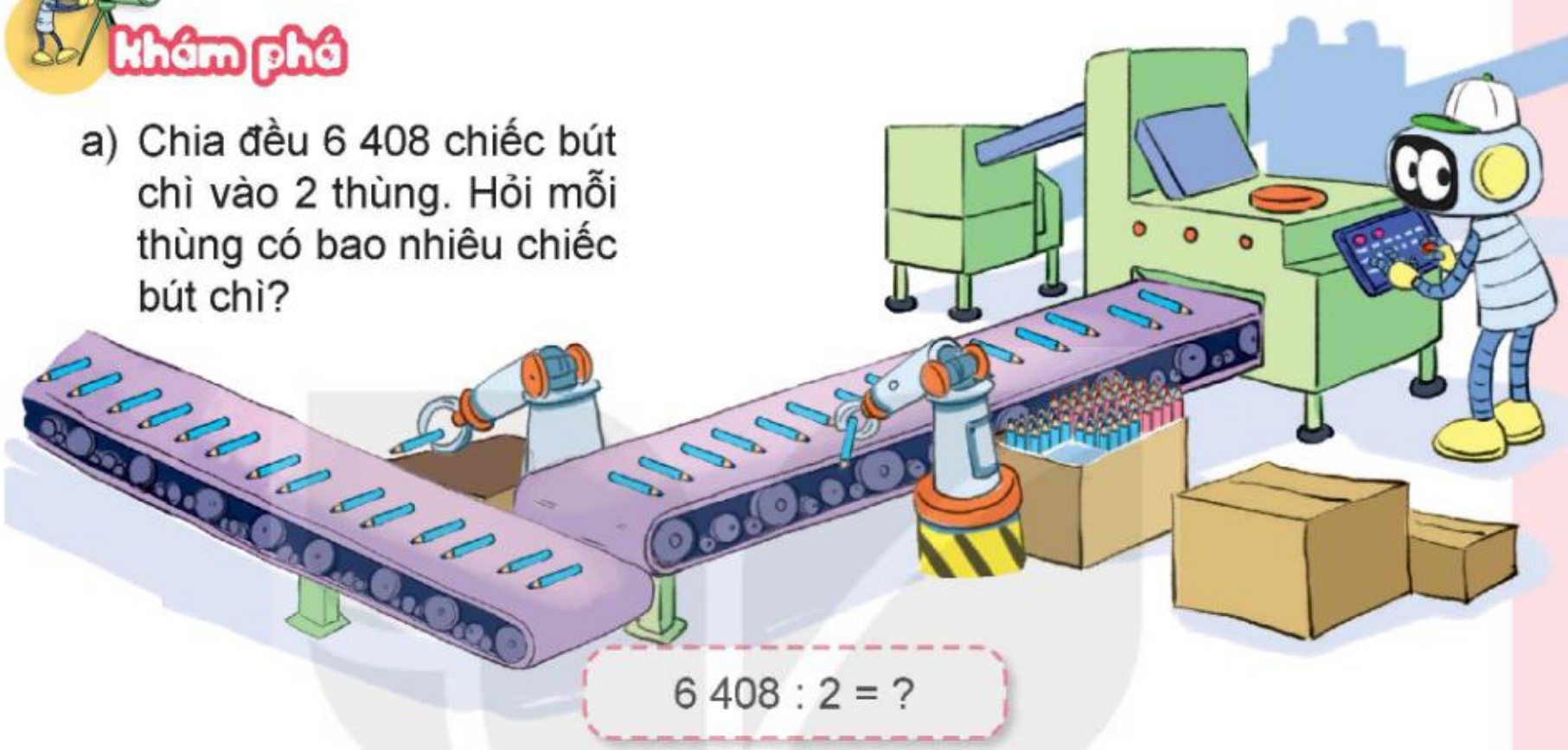
b)
$$\begin{array}{r} ?\,2\,?\,3 \\ \times \qquad 3 \\ \hline 6\,?\,5\,? \end{array}$$

Bài 57

# CHIA SỐ CÓ BỐN CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ

## Khám phá

a) Chia đều 6 408 chiếc bút chì vào 2 thùng. Hỏi mỗi thùng có bao nhiêu chiếc bút chì?



6 408 : 2 = ?

```
6 408 | 2
0 4   | 3 204
  00
    08
     0
```

- 6 chia 2 được 3, viết 3.
  3 nhân 2 bằng 6; 6 trừ 6 bằng 0.
- Hạ 4; 4 chia 2 được 2, viết 2.
  2 nhân 2 bằng 4; 4 trừ 4 bằng 0.
- Hạ 0; 0 chia 2 được 0, viết 0.
  0 nhân 2 bằng 0; 0 trừ 0 bằng 0.
- Hạ 8; 8 chia 2 được 4, viết 4.
  4 nhân 2 bằng 8; 8 trừ 8 bằng 0.

**6 408 : 2 = 3 204**

b)

1 275 : 3 = ?

```
1 275 | 3
  07  | 425
   15
    0
```

- 12 chia 3 được 4, viết 4.
  4 nhân 3 bằng 12; 12 trừ 12 bằng 0.
- Hạ 7; 7 chia 3 được 2, viết 2.
  2 nhân 3 bằng 6; 7 trừ 6 bằng 1.
- Hạ 5, được 15; 15 chia 3 được 5, viết 5.
  5 nhân 3 bằng 15; 15 trừ 15 bằng 0.

**1 275 : 3 = 425**

## hoạt động

**1** Tính.

| | | |
|---|---|---|
| 6 393 \| 3 | 6 606 \| 6 | 3 652 \| 4 |

**2** Một nhà máy sản xuất được 4 575 bánh răng trong 5 ngày. Hỏi mỗi ngày nhà máy sản xuất được bao nhiêu bánh răng? Biết rằng số bánh răng nhà máy sản xuất được trong mỗi ngày là như nhau.



**3** Số ?

Có hai trang trại nuôi vịt, trang trại thứ nhất có 4 500 con vịt, số con vịt ở trang trại thứ hai bằng số con vịt ở trang trại thứ nhất giảm đi 3 lần.

a) Trang trại thứ hai có ? con vịt.

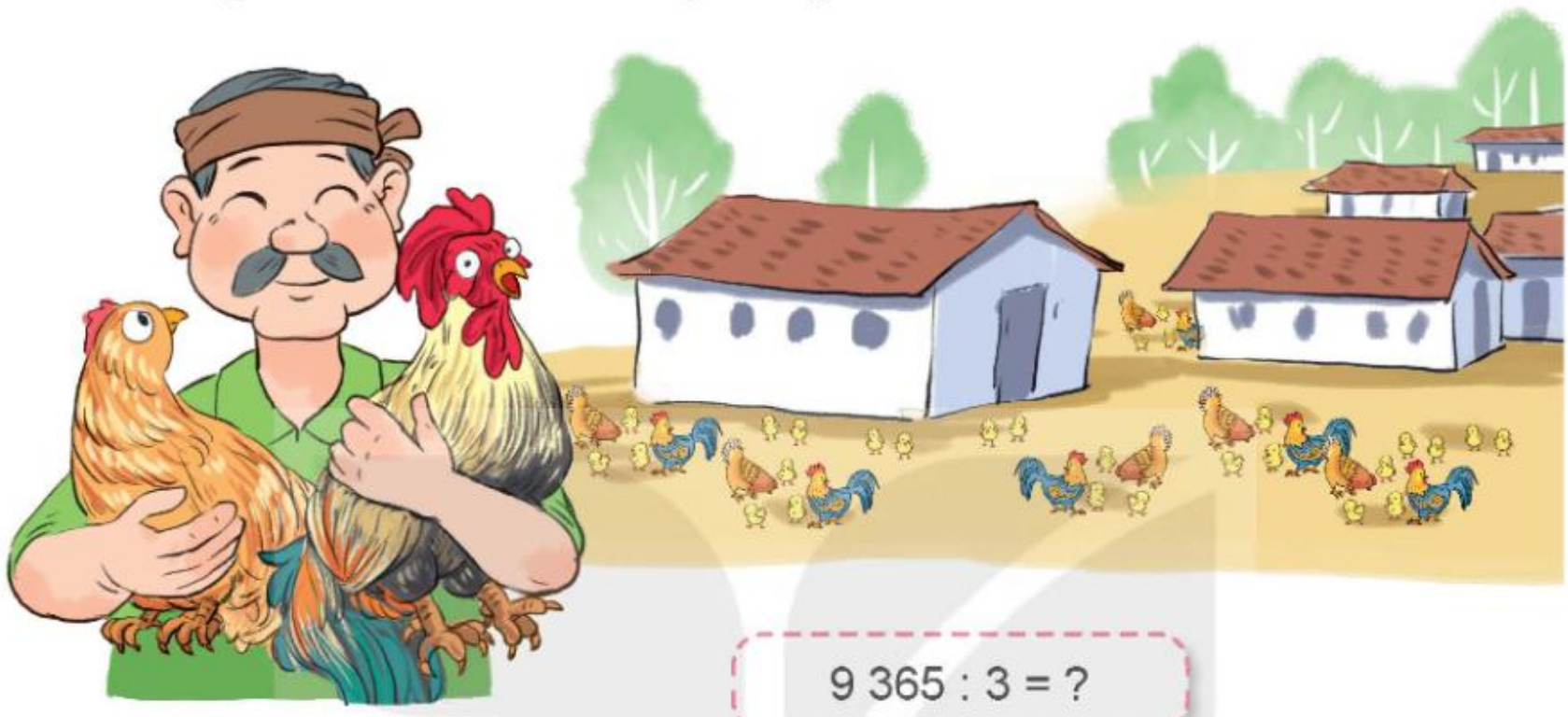
b) Cả hai trang trại có ? con vịt.



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## Khám phá

a) Phú ông có 9 365 con gà. Phú ông đổi số gà đó để lấy thóc, cứ 3 con gà đổi được 1 thúng thóc. Hỏi phú ông đổi được nhiều nhất bao nhiêu thúng thóc và còn thừa mấy con gà?



9 365 : 3 = ?

| 9 365 | 3 |
|---|---|
| 0 3 | 3 121 |
| 06 | |
| 05 | |
| 2 | |

- 9 chia 3 được 3, viết 3.
  3 nhân 3 bằng 9; 9 trừ 9 bằng 0.
- Hạ 3; 3 chia 3 được 1, viết 1.
  1 nhân 3 bằng 3; 3 trừ 3 bằng 0.
- Hạ 6; 6 chia 3 được 2, viết 2.
  2 nhân 3 bằng 6; 6 trừ 6 bằng 0.
- Hạ 5; 5 chia 3 được 1, viết 1.
  1 nhân 3 bằng 3; 5 trừ 3 bằng 2.

**9 365 : 3 = 3 121 (dư 2)**

b)

2 249 : 4 = ?

| 2 249 | 4 |
|---|---|
| 24 | 562 |
| 09 | |
| 1 | |

- 22 chia 4 được 5, viết 5.
  5 nhân 4 bằng 20; 22 trừ 20 bằng 2.
- Hạ 4, được 24; 24 chia 4 được 6, viết 6.
  6 nhân 4 bằng 24; 24 trừ 24 bằng 0.
- Hạ 9; 9 chia 4 được 2, viết 2.
  2 nhân 4 bằng 8; 9 trừ 8 bằng 1.

**2 249 : 4 = 562 (dư 1)**

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## hoạt động

**1** a) Tính.

$$6\,729 \mid 6 \qquad\qquad 4\,163 \mid 8$$

b) Số ?

| Phép chia | Số bị chia | Số chia | Thương | Số dư |
|---|---|---|---|---|
| 6 729 : 6 | ? | ? | ? | ? |
| 4 163 : 8 | ? | ? | ? | ? |

**2**



Đội quân của tướng Cao Lỗ có 6 308 người. Tướng quân muốn chia số người ấy thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm 7 người. Hỏi có thể chia thành bao nhiêu nhóm và còn dư mấy người?

**3** a) Một con kiến chúa có tuổi thọ là 9 490 ngày và gấp đôi tuổi thọ của ve sầu. Hỏi ve sầu có tuổi thọ là bao nhiêu ngày?

b) Tìm đường đi cho ve sầu chui lên mặt đất mà không gặp con chim.



## Luyện tập

**1** Đặt tính rồi tính.

5 025 : 5 | 3 296 : 4 | 2 487 : 2 | 7 369 : 8

**2** Tính nhẩm (theo mẫu).

Mẫu: 8 000 : 2 = ?

Nhẩm: 8 nghìn : 2 = 4 nghìn

8 000 : 2 = 4 000

a) 7 000 : 7 | b) 9 000 : 3 | c) 8 000 : 4

**3** >; <; = ?

a) 6 000 : 2 ? 2 999

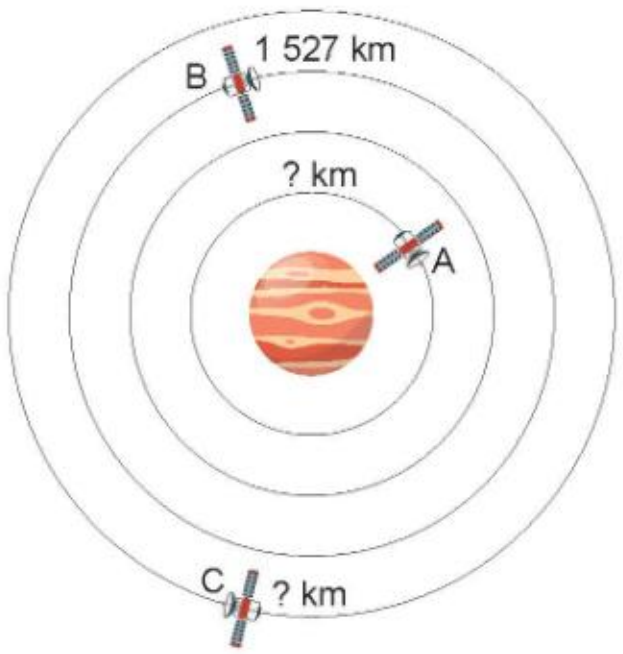
b) 3 000 : 3 ? 200 × 5

c) 3 500 : 5 ? 4 000 : 5

**4** Số ?

Có ba vệ tinh bay quanh một thiên thể. Vệ tinh B bay một vòng được 1 527 km, dài gấp 3 lần một vòng của vệ tinh A. Vậy vệ tinh A bay một vòng được ? km.

Vệ tinh C bay một vòng dài gấp 4 lần một vòng của vệ tinh A. Vậy vệ tinh C bay một vòng được ? km.




KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 58

# LUYỆN TẬP CHUNG




**1** Đặt tính rồi tính.

| | | | |
|---|---|---|---|
| 3 507 × 2 | 4 806 : 6 | 1 041 × 5 | 7 168 : 7 |

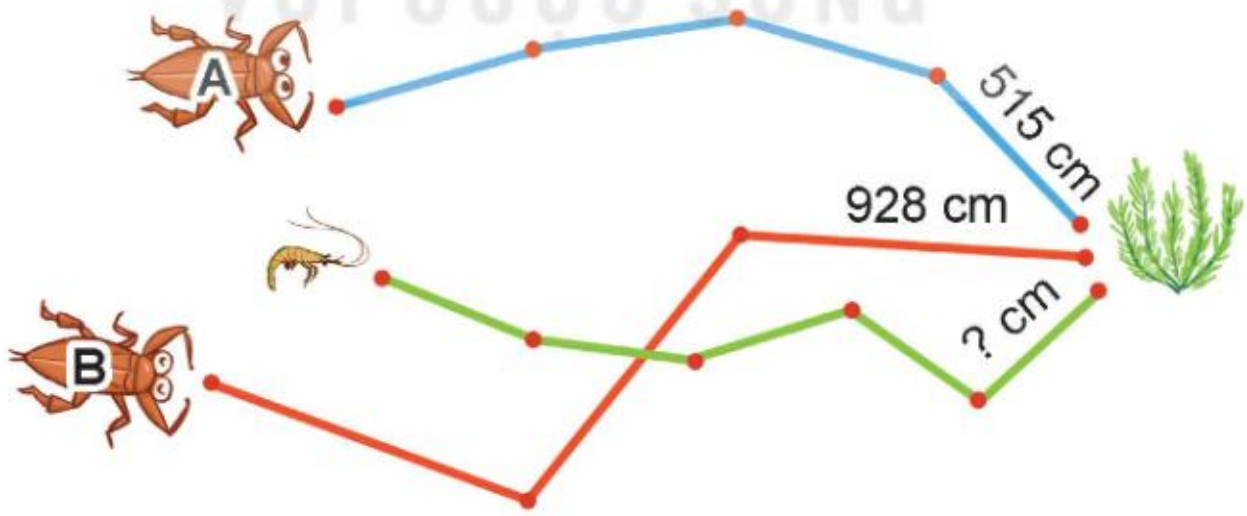
**2** Máy bay A đang bay ở độ cao 6 504 m. Máy bay A đang bay ở độ cao gấp đôi độ cao máy bay B. Máy bay B đang bay ở độ cao gấp 3 lần độ cao máy bay C. Hỏi máy bay C đang bay ở độ cao bao nhiêu mét?

**3** Số ?

a) ? × 4 = 1 668

b) ? : 3 = 819

**4** a) Hai con cà cuống A, B và tôm cùng bơi đến chỗ cụm rong (như hình vẽ). Cà cuống A bơi theo đường gấp khúc gồm 4 đoạn bằng nhau, cà cuống B bơi theo đường gấp khúc gồm 3 đoạn bằng nhau. Hỏi quãng đường bơi của cà cuống nào ngắn hơn?




b) Số ?

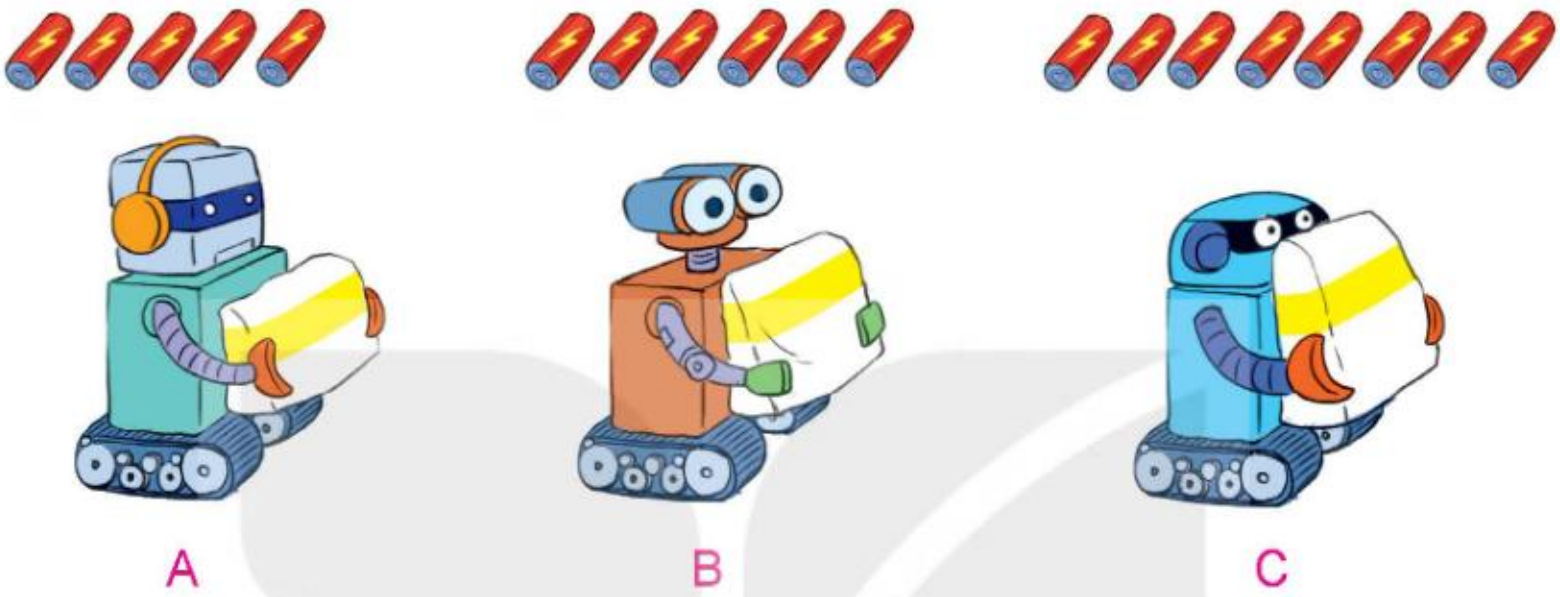
Quãng đường bơi của tôm là đường gấp khúc gồm 5 đoạn dài bằng nhau. Biết quãng đường tôm bơi dài bằng quãng đường bơi của cà cuống A.

Mỗi đoạn của đường gấp khúc đó dài ? cm.

**5** Biết 8 cục pin như nhau nặng 1 680 g. Mỗi rô-bốt chưa lắp pin có cân nặng 2 000 g.

a) Mỗi cục pin cân nặng bao nhiêu gam?

b) Sau khi lắp số pin như hình vẽ, rô-bốt nào nhẹ nhất và cân nặng bao nhiêu gam?



A B C

## Luyện tập

**1** Đặt tính rồi tính.

| | | | |
|---|---|---|---|
| 9 362 : 9 | 1 214 × 6 | 2 790 : 3 | 912 × 7 |

**2** Số ?

Ở khu vui chơi, bác Nam muốn gắn các dây đèn dọc theo mỗi cạnh của ngôi nhà dạng khối lập phương, trừ những cạnh sát mặt đất. Mỗi cạnh cần gắn một dây đèn dài 450 cm.

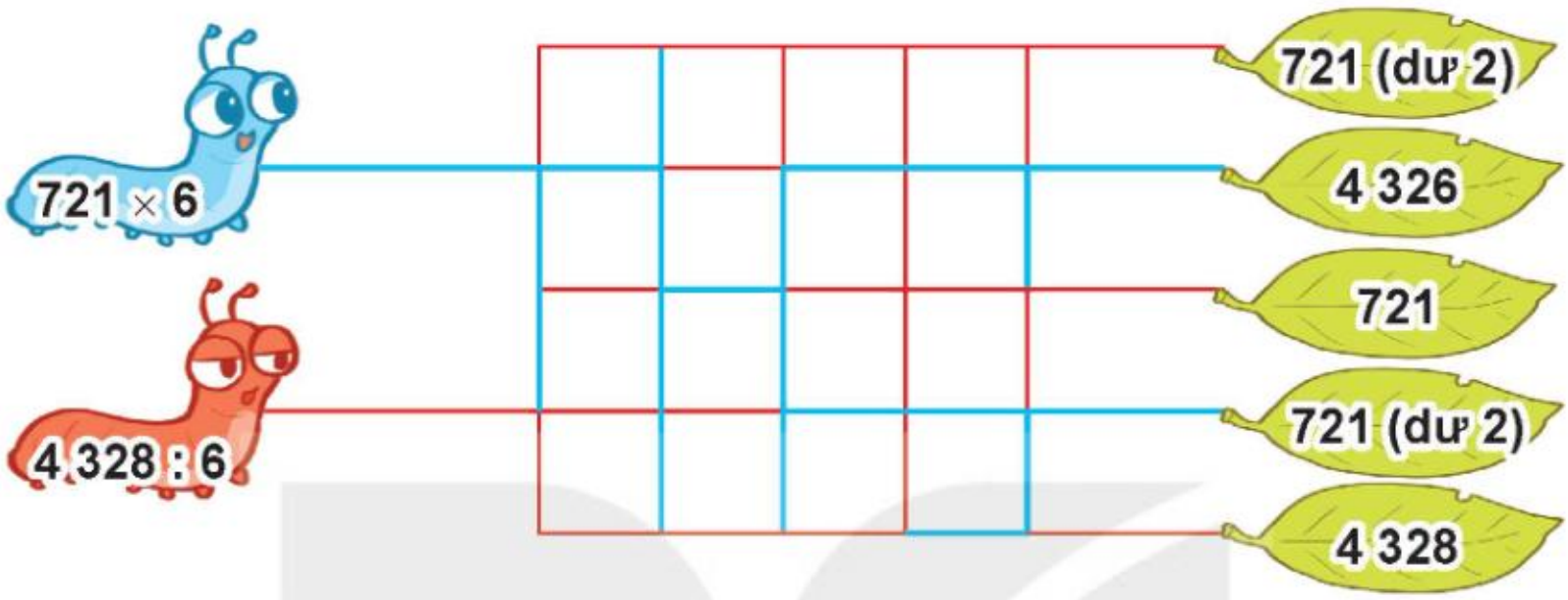
a) Bác Nam cần gắn tất cả ? dây đèn.

b) Tổng độ dài các dây đèn đó là ? cm.



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

**3** Mỗi chú sâu sẽ đi theo đường nào để đến chiếc lá là ngôi nhà của mình? Biết rằng mỗi chú sâu chỉ bò theo đường có màu trùng với màu của nó và sâu cũng chỉ bò đến chiếc lá ghi kết quả của phép tính trên mình chú sâu đó.




**4** Người khổng lồ nào nâng được nhiều ki-lô-gam nhất?



A B C



2 612 kg



25 kg



450 kg



1 245 kg

## Luyện tập

**1** Tính giá trị của biểu thức:

a) (2 000 + 7 015) : 3

b) (102 + 901) × 7

c) 2 515 : (1 + 4)

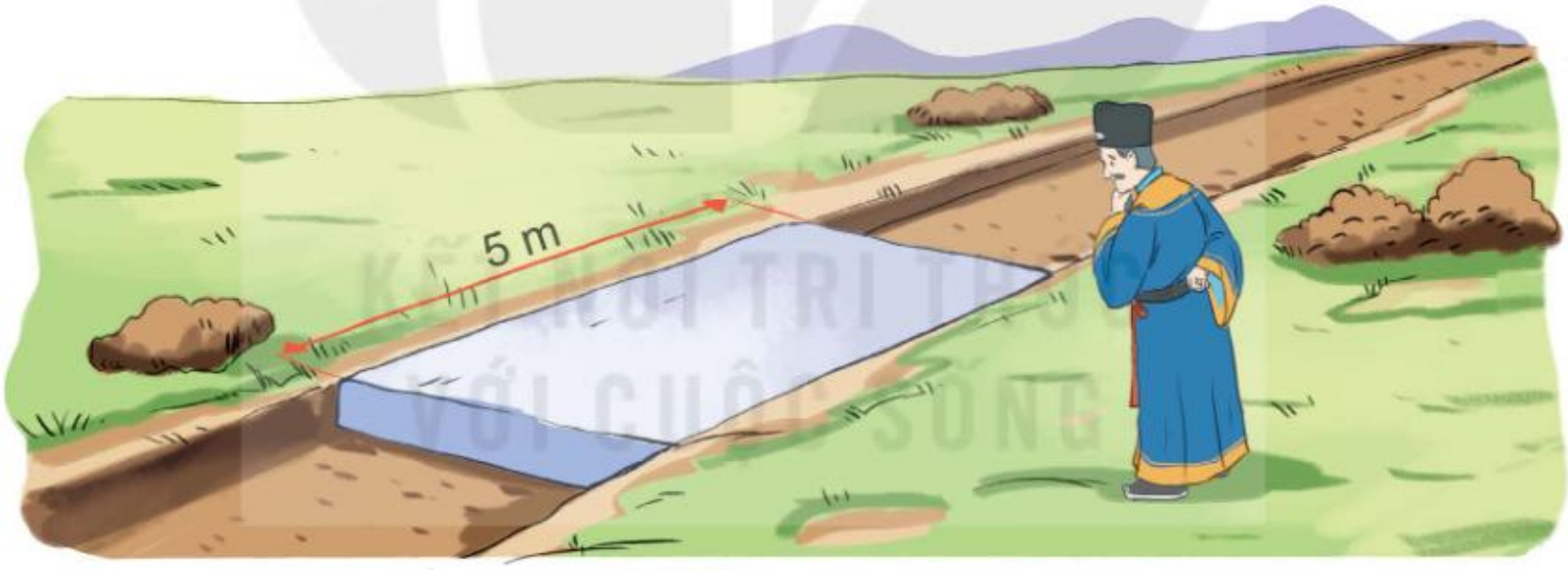
d) 705 × (8 – 2)

**2** Một tàu chở 7 863 thùng hàng. Người ta dỡ xuống một số thùng hàng thì số thùng hàng còn lại bằng số thùng hàng ban đầu giảm đi 3 lần. Hỏi trên tàu còn lại bao nhiêu thùng hàng?

**3** Số ?

Một vị quan dùng những khối đá giống nhau dạng khối hộp chữ nhật để lát một con đường dài 4 555 m. Hình chữ nhật ở mặt trên mỗi khối đá đó có chiều dài 5 m.

Vị quan ấy đã dùng ? khối đá.



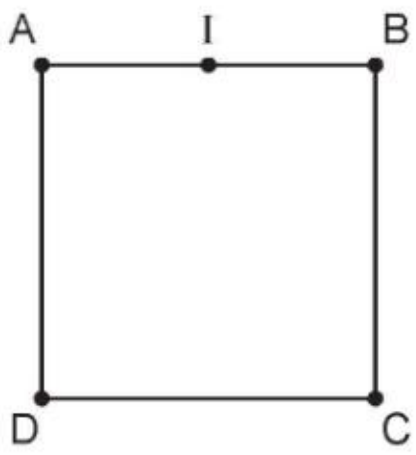

**4** Số ?

Người ta xây một bức tường thành bao quanh một khu đất có dạng hình vuông ABCD. Mỗi cạnh dài 2 324 bước chân.

a) Bức tường thành dài ? bước chân.

b) Người ta xây một chòi canh gác ở trung điểm I của cạnh AB.

Đoạn AI dài ? bước chân.



Chủ đề 11

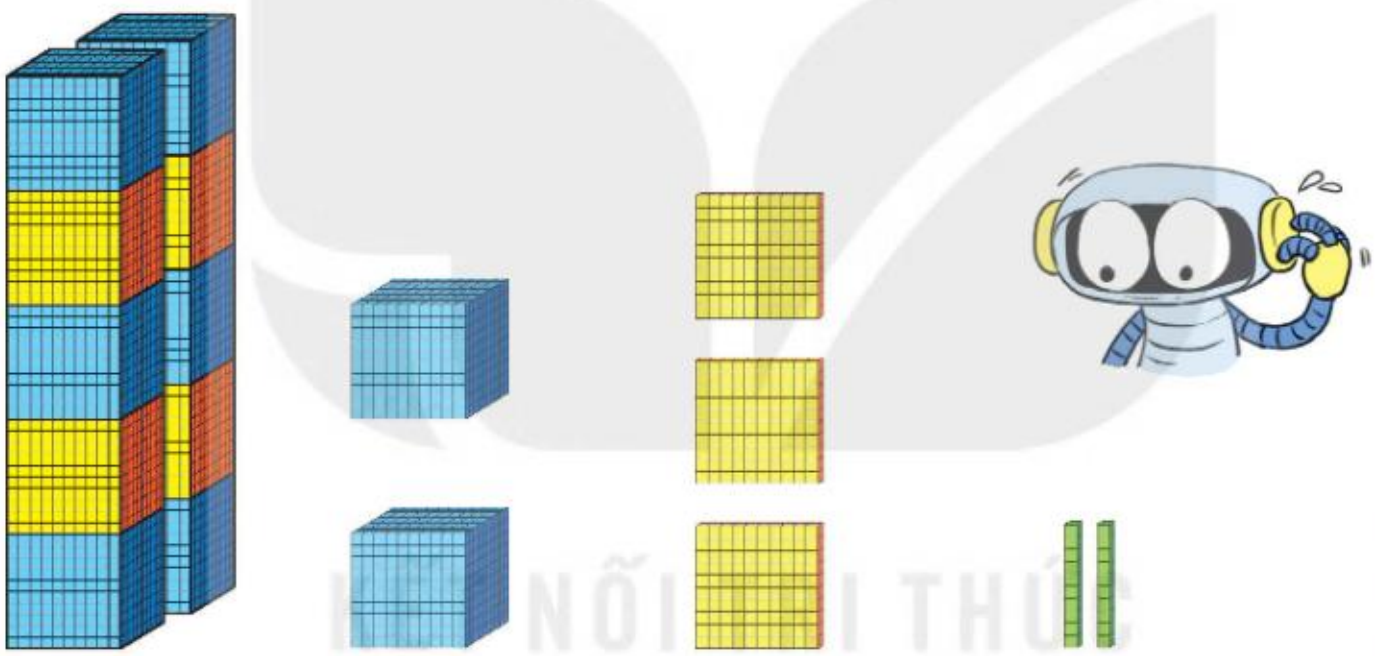
# CÁC SỐ ĐẾN 100 000

Bài 59

## CÁC SỐ CÓ NĂM CHỮ SỐ. SỐ 100 000

### Khám phá

Số có năm chữ số



| Hàng chục nghìn | Hàng nghìn | Hàng trăm | Hàng chục | Hàng đơn vị |
|---|---|---|---|---|
| | | | | 1 |
| | | 100 | | 1 |
| | 1 000 | 100 | 10 | 1 |
| 10 000 | 1 000 | 100 | 10 | 1 |
| 1 | 2 | 3 | 2 | 4 |

Số gồm: 1 chục nghìn, 2 nghìn, 3 trăm, 2 chục và 4 đơn vị.

Viết là: 12 324. Đọc là: Mười hai nghìn ba trăm hai mươi tư.

## hoạt động

**1** Hoàn thành bảng sau.

| Hàng chục nghìn | Hàng nghìn | Hàng trăm | Hàng chục | Hàng đơn vị | Viết số | Đọc số |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | 7 | 4 | 6 | 5 | ? | ? |
| ? | ? | ? | ? | ? | 90 056 | ? |
| ? | ? | ? | ? | ? | ? | năm mươi nghìn sáu trăm linh hai |

**2** Số ?




**3** Viết số rồi đọc số, biết số đó gồm:

a) 1 chục nghìn, 5 nghìn, 8 trăm, 2 chục và 6 đơn vị.

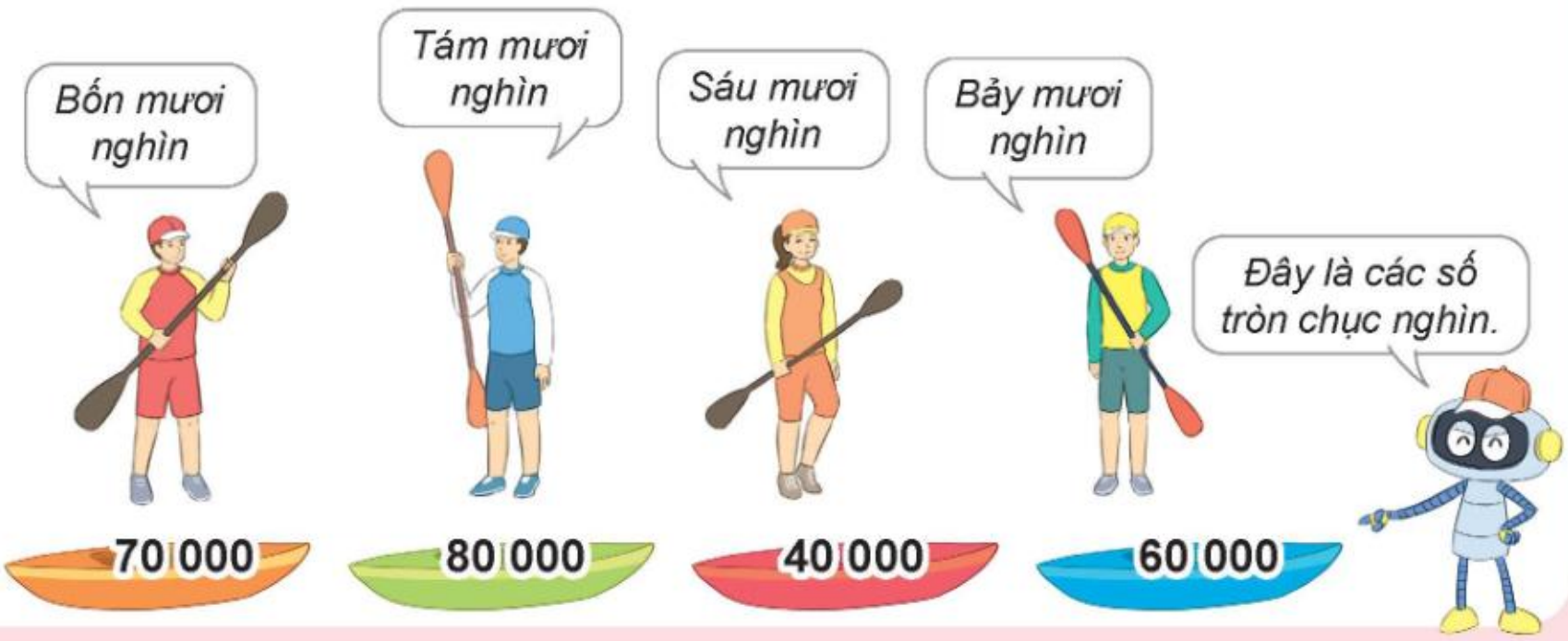
b) 3 chục nghìn, 2 nghìn, 0 trăm, 4 chục và 3 đơn vị.

c) 6 chục nghìn, 6 nghìn, 4 trăm, 0 chục và 1 đơn vị.

d) 2 chục nghìn, 7 nghìn, 3 trăm, 4 chục và 0 đơn vị.




**4** Chọn số thích hợp với cách đọc.



## Khám phá



**Số 100 000**

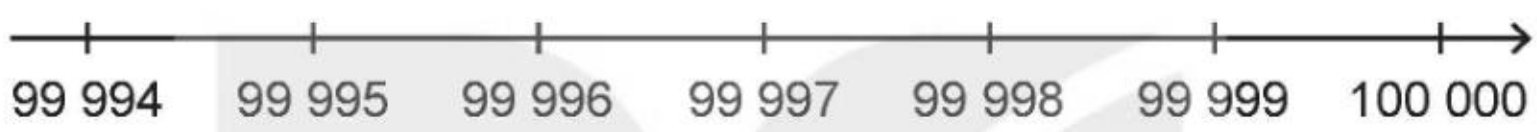
a)

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 10 000 | 10 000 | 10 000 | 10 000 | 10 000 |
| 10 000 | 10 000 | 10 000 | 10 000 | 10 000 |

**100 000**

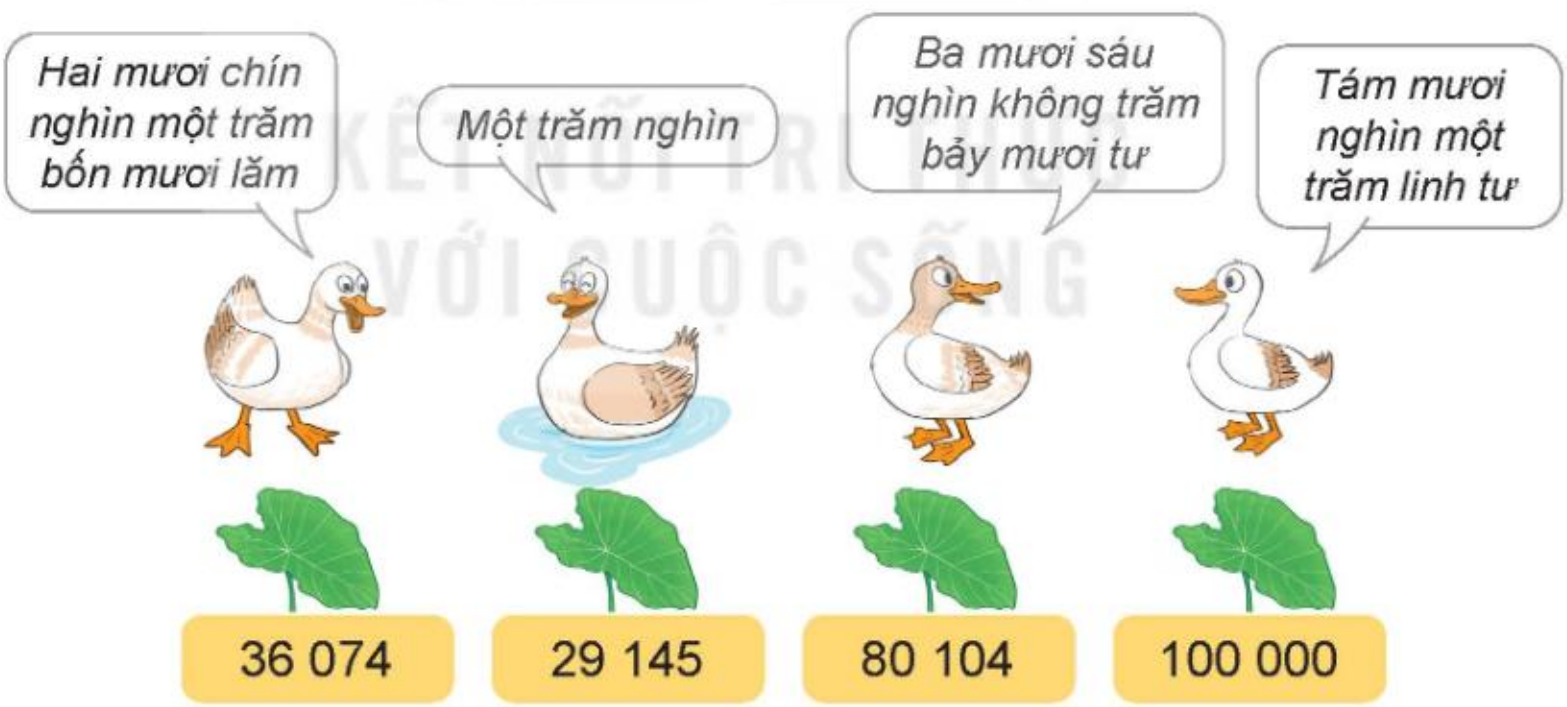
Đọc là: Một trăm nghìn.

b)




## Hoạt động

**1** Chọn số thích hợp với cách đọc.



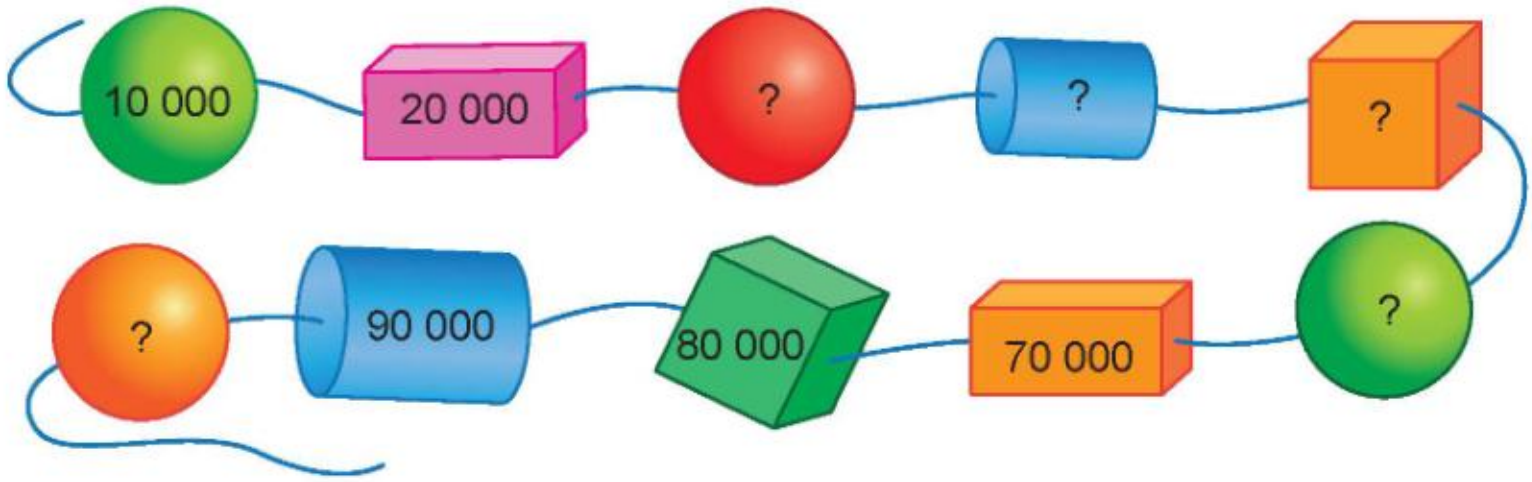

**2** a) Số liền trước của số 13 450 là số nào?

b) Số liền sau của số 90 000 là số nào?

c) Số liền trước của số 10 001 là số nào?

d) Số liền sau của số 99 999 là số nào?

**3** Số ?




## Luyện tập

**1** Chọn câu trả lời đúng.

Số nào dưới đây có chữ số hàng chục nghìn là 1?

A. 1 000 B. 100 000 C. 100 D. 10 000

**2** Số ?

a) 54 766 = 50 000 + ? + 700 + 60 + 6

b) 15 000 = ? + 5 000

c) 37 059 = 30 000 + 7 000 + ? + 9

d) 76 205 = 70 000 + 6 000 + 200 + ?

**3** Đ, S ?

Trong hội chợ Tết, bác Đức, bác Trí và chú Dũng bốc thăm mã số trúng thưởng. Trong thùng còn lại năm số từ 13 820 đến 13 824. Bác Đức bốc được số 13 824.

Như vậy:

a) Bác Trí không thể bốc được số 13 819. ?

b) Chú Dũng chắc chắn bốc được số 13 824. ?

c) Chú Dũng có thể bốc được số 13 822. ?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

**4** Người ta đóng số lên các khung xe đạp. Các khung xe đạp đã được đóng số từ 1 đến 99 997. Hỏi ba khung xe tiếp theo sẽ được đóng số nào?




**1** Chọn cách đọc thích hợp với số.

| 12 456 | 12 156 | 8 999 | 22 015 |
|---|---|---|---|
| Hai mươi hai nghìn không trăm mười lăm | Mười hai nghìn bốn trăm năm mươi sáu | Mười hai nghìn một trăm năm mươi sáu | Tám nghìn chín trăm chín mươi chín |

**2** a) Số ?

10 000 — 15 000 — 20 000 — ? — ? — 35 000

b) Trong các số trên, số nào là số tròn chục nghìn?

**3** Chọn câu trả lời đúng.

Bạn An đố Mai tìm một số từ bốn số cho trước 64 301, 80 458, 82 361, 83 405, biết rằng:

- Hàng chục nghìn của số cần tìm là 8.
- Nếu làm tròn số cần tìm đến hàng chục thì chữ số hàng chục của số làm tròn là 6.
- Nếu làm tròn số cần tìm đến hàng trăm thì chữ số hàng trăm của số làm tròn là 4.

Số cần tìm là:

A. 64 301 B. 80 458 C. 82 361 D. 83 405

Bài 60

# SO SÁNH CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100 000

## Khám phá

Số dân hai phường của một tỉnh lần lượt là 41 217 người và 46 616 người. Hỏi phường nào đông dân hơn?




So sánh 41 217 và 46 616.

– Hai số có số chữ số bằng nhau.

– Các chữ số hàng chục nghìn bằng nhau.

– Ở hàng nghìn có 1 < 6.

Vậy: 41 217 < 46 616.

## hoạt động

**1** Đ, S ?

a) 9 876 < 12 345 ?  b) 30 724 > 31 000 ?  c) 41 035 > 39 999 ?

**2** >; <; = ?

a) 29 100 ? 26 189

b) 38 197 ? 38 307

c) 52 740 ? 50 000 + 2 000 + 700 + 40

**3** Một cây thần kì ra các quả với màu sắc khác nhau. Bạn khỉ sẽ leo theo các cành ghi số lớn hơn để lấy quả. Hỏi bạn khỉ lấy được quả màu gì?



## luyện tập

**1** Bốn phường A, B, C, D có số dân là:

- Phường A: 73 017 người
- Phường B: 78 655 người
- Phường C: 75 400 người
- Phường D: 73 420 người

a) Sắp xếp các số trên theo thứ tự từ bé đến lớn.

b) Phường nào có đông dân nhất?

c) Phường nào có ít dân nhất?

**2** Dưới đây là sức chứa của một số sân vận động ở Việt Nam.

| STT | Sân vận động | Sức chứa (người) |
|---|---|---|
| 1 | Mỹ Đình | 40 192 |
| 2 | Lạch Tray | 28 000 |
| 3 | Thiên Trường | 30 000 |
| 4 | Thống Nhất | 25 000 |

Trong các sân vận động trên:

a) Sân vận động nào có sức chứa lớn nhất? Sân vận động nào có sức chứa nhỏ nhất?

b) Sân vận động nào có sức chứa trên 40 000 người?

**3** Công-tơ-mét của một xe máy xác định số ki-lô-mét xe máy đó đã đi được. Dưới đây là công-tơ-mét của ba xe máy:




A B C

Xe máy nào đã đi được số ki-lô-mét nhiều nhất? Xe máy nào đã đi được số ki-lô-mét ít nhất?

**4** Tìm chữ số thích hợp.

a) 42 371 > 42 37 ?

b) 50 826 < 50 ? 26

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 61

# LÀM TRÒN SỐ ĐẾN HÀNG NGHÌN, HÀNG CHỤC NGHÌN

## Khám phá




a) Khi làm tròn số đến hàng nghìn, ta so sánh chữ số hàng trăm với 5.



11 678 → (vì 6 > 5, làm tròn lên) 12 000

11 204 → (vì 2 < 5, làm tròn xuống) 11 000

11 515 → (vì 5 = 5, làm tròn lên) 12 000

Khi làm tròn số đến hàng nghìn, ta so sánh chữ số hàng trăm với 5.
Nếu chữ số hàng trăm bé hơn 5 thì làm tròn xuống, còn lại thì làm tròn lên.

b) Khi làm tròn số đến hàng chục nghìn, ta so sánh chữ số hàng nghìn với 5.



11 678 → (vì 1 < 5, làm tròn xuống) 10 000

17 051 → (vì 7 > 5, làm tròn lên) 20 000

15 001 → (vì 5 = 5, làm tròn lên) 20 000

Khi làm tròn số đến hàng chục nghìn, ta so sánh chữ số hàng nghìn với 5.
Nếu chữ số hàng nghìn bé hơn 5 thì làm tròn xuống, còn lại thì làm tròn lên.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## hoạt động

**1** a) Làm tròn các số 65 341, 10 501, 9 805 đến hàng nghìn.

b) Làm tròn các số 82 134, 55 712, 46 000 đến hàng chục nghìn.

**2** Một gia đình thu hoạch được 13 787 kg cà phê. Hỏi nếu làm tròn số đến hàng nghìn, ta nói gia đình đó thu hoạch được khoảng bao nhiêu ki-lô-gam cà phê?

## luyện tập

**1** Chọn câu trả lời đúng.

Số dân của một phường là 71 839. Trong bài báo, cô phóng viên đã làm tròn số dân của phường đó đến hàng chục nghìn. Hỏi số dân đã làm tròn đến hàng chục nghìn là số nào?

A. 80 000 B. 75 000 C. 70 000 D. 72 000

**2** a) Một vệ tinh bay ở độ cao cách mặt đất 35 786 km. Mỗi bạn dưới đây đã làm tròn số chỉ độ cao đó đến hàng nào?




b) Trường hợp vệ tinh bay ở độ cao cách mặt đất 35 425 km. Khi làm tròn số chỉ độ cao đó đến hàng nghìn, hàng chục nghìn em được các số nào?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 62

# LUYỆN TẬP CHUNG




**1** Hoàn thành bảng sau.

| Viết số | Đọc số |
|---|---|
| 51 254 | ? |
| ? | ba mươi tám nghìn năm trăm mười chín |
| 26 856 | ? |
| ? | bảy mươi chín nghìn sáu trăm |

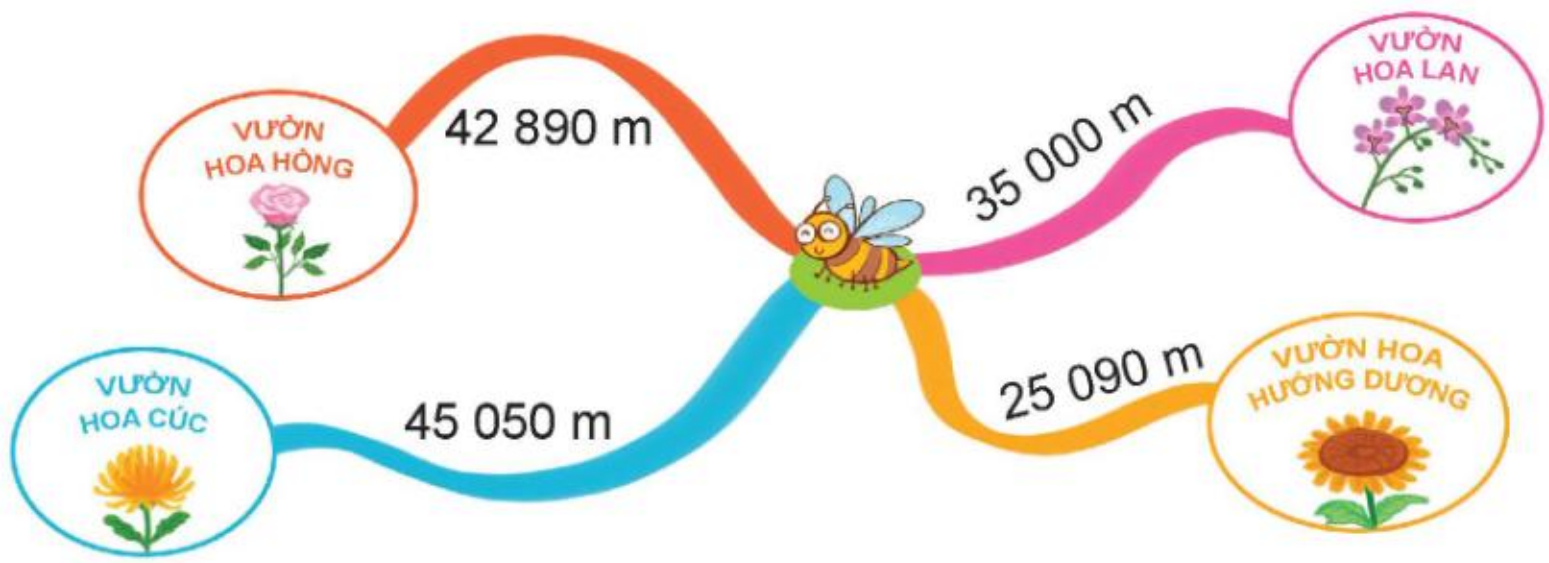
**2** Số ?

a) 67 210 → 67 220 → 67 230 → ? → ?

b) 46 600 → 46 700 → ? → 46 900 → ?

c) 79 000 → ? → 81 000 → 82 000 → ?

**3** Khoảng cách từ vị trí ong vàng đến các vườn hoa được cho như hình sau:




Từ vị trí ong vàng đến vườn hoa nào xa nhất? Từ vị trí ong vàng đến vườn hoa nào gần nhất?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

**4** Đ, S ?

a) 62 820 > 7 382 ?

b) 52 794 < 60 000 ?

c) 8 000 + 400 > 9 000 ?

d) 5 400 – 400 = 5 000 ?

## luyện tập

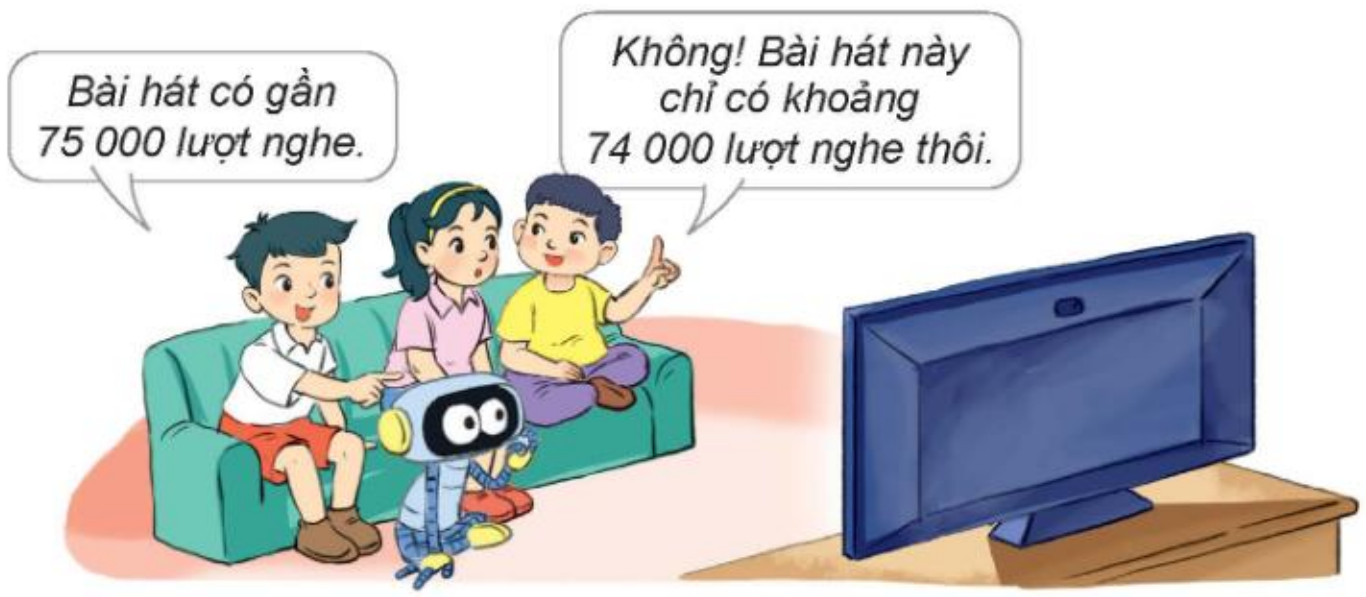
**1** Toa tàu cuối cùng ghi số nào?




**2** Mỗi ô tô sẽ đến chỗ rửa xe ghi biểu thức có giá trị là số ghi trên ô tô đó. Tìm chỗ rửa cho mỗi ô tô.




**3**




Biết rằng bài hát có 74 381 lượt nghe. Nam và Việt làm tròn số đến hàng nghìn, ai đã làm tròn đúng?

**4** Mỗi bạn viết một trong các số 20 080, 52 080, 92 000 lên bảng con.




Mỗi bạn đã viết số nào?

## Luyện tập

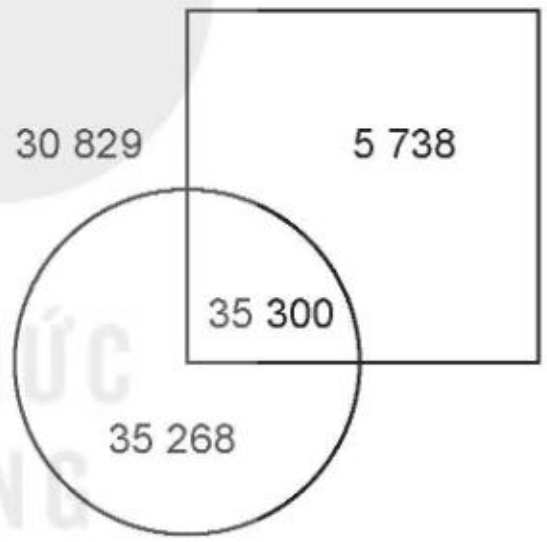
**1** Quan sát hình rồi chọn câu trả lời đúng.

Số lớn nhất nằm ở vị trí nào?

A. Ở trong hình tròn và ở trong hình vuông.

B. Ở trong hình vuông nhưng ở ngoài hình tròn.

C. Ở trong hình tròn nhưng ở ngoài hình vuông.




**2**




a) Dựa vào số lượng ong, chọn câu trả lời đúng.

Làm tròn đến hàng nghìn, đàn ong có khoảng:

A. 26 000 con ong B. 27 000 con ong C. 25 000 con ong

b) Làm tròn số lượng ong đến hàng trăm, đến hàng chục nghìn.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## trò chơi

### THẢ BÓNG VÀO RỔ



Chuẩn bị: 1 xúc xắc, 5 quân cờ.

Cách chơi:

- Chơi theo nhóm.
- Khi đến lượt, người chơi gieo xúc xắc và đọc số chấm ở mặt trên. Tìm số thích hợp với mặt xúc xắc đó ở trong bảng (ví dụ số thích hợp với mặt ⚀ là 37 542). Đặt một quân cờ vào quả bóng ghi số vừa tìm được.
- Trò chơi kết thúc khi đặt được hết 5 quân cờ.







| Số gồm | |
|---|---|
| ⚀ | 3 chục nghìn, 7 nghìn, 5 trăm, 4 chục, 2 đơn vị |
| ⚁ | 2 chục nghìn, 5 nghìn, 3 trăm, 6 chục |
| ⚂ | 6 chục nghìn, 8 nghìn, 5 trăm, 1 đơn vị |
| ⚃ | 8 chục nghìn, 6 trăm, 5 chục, 7 đơn vị |
| ⚄ | 7 chục nghìn, 9 nghìn, 4 chục |
| ⚅ | 9 chục nghìn, 2 nghìn, 4 chục, 8 đơn vị |





















Chủ đề 12

# CỘNG, TRỪ TRONG PHẠM VI 100 000

Bài 63

## PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 100 000

### Khám phá




12 547 + 23 628 = ?

$$\begin{array}{r} 12\,547 \\ +\ 23\,628 \\ \hline 36\,175 \end{array}$$

- 7 cộng 8 bằng 15, viết 5 nhớ 1.
- 4 thêm 1 bằng 5; 5 cộng 2 bằng 7, viết 7.
- 5 cộng 6 bằng 11, viết 1 nhớ 1.
- 2 thêm 1 bằng 3; 3 cộng 3 bằng 6, viết 6.
- 1 cộng 2 bằng 3, viết 3.

**12 547 + 23 628 = 36 175**

### Hoạt động

**1** Tính.

$$\begin{array}{r} 86\,362 \\ +\ 918 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 93\,246 \\ +\ 4\,825 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 67\,294 \\ +\ 25\,431 \\ \hline \end{array}$$

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

**2** Đặt tính rồi tính.

| | |
|---|---|
| 43 835 + 55 807 | 67 254 + 92 |
| 25 346 + 37 292 | 7 528 + 5 345 |

**3** Tính nhẩm (theo mẫu).

Mẫu: 8 000 + 7 000 = ?

Nhẩm: 8 nghìn + 7 nghìn = 15 nghìn

8 000 + 7 000 = 15 000

a) 6 000 + 5 000

b) 9 000 + 4 000

c) 7 000 + 9 000

**4** Để phục vụ học sinh chuẩn bị vào năm học mới, một cửa hàng đã nhập về 6 500 cuốn sách giáo khoa, 3 860 cuốn sách tham khảo và 8 500 cuốn vở. Hỏi cửa hàng đó đã nhập về tất cả bao nhiêu cuốn sách và vở?

## luyện tập

**1** Tính nhẩm (theo mẫu).

a)

Mẫu: 30 000 + 50 000 = ?

Nhẩm: 3 chục nghìn + 5 chục nghìn = 8 chục nghìn

30 000 + 50 000 = 80 000

40 000 + 20 000 60 000 + 30 000 50 000 + 50 000

b)

Mẫu: 25 000 + 4 000 = ?

Nhẩm: 25 nghìn + 4 nghìn = 29 nghìn

25 000 + 4 000 = 29 000

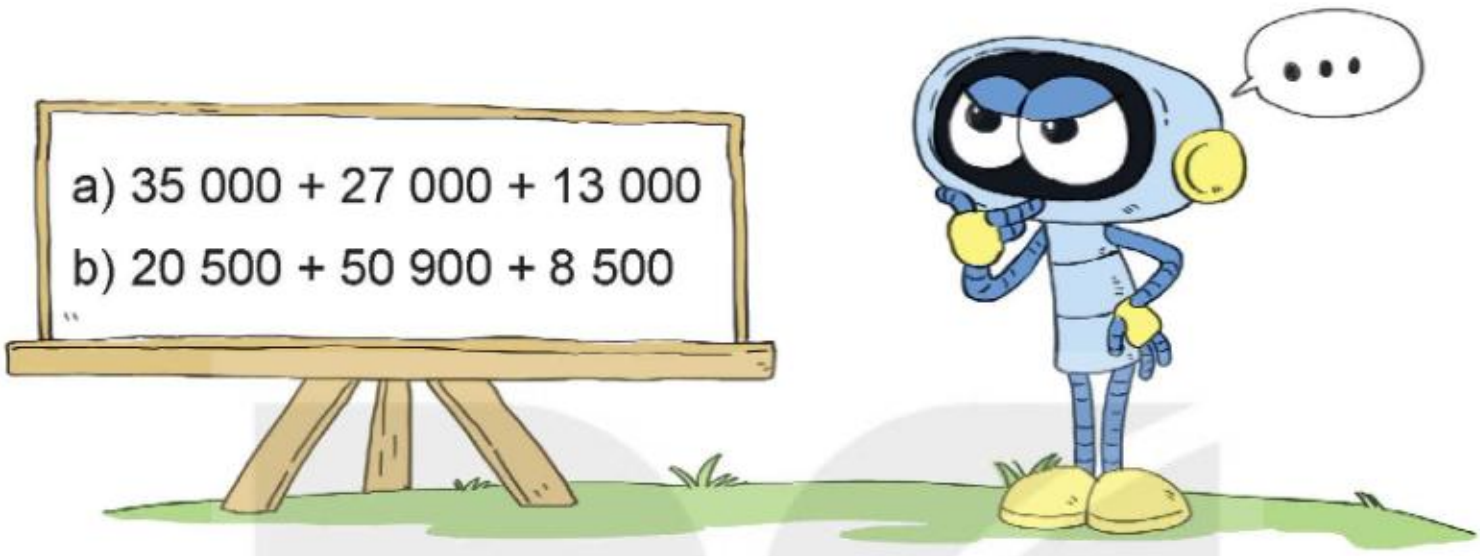
32 000 + 7 000 49 000 + 2 000 55 000 + 5 000

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

**2** Đặt tính rồi tính.

| | | |
|---|---|---|
| 23 459 + 45 816 | 82 750 + 643 | 3 548 + 94 627 |

**3** Tính giá trị của biểu thức.




**4** Trong một hồ nuôi cá của bác Tư, lần thứ nhất bác thả xuống hồ 10 800 con cá ba sa, lần thứ hai bác thả nhiều hơn lần thứ nhất 950 con cá ba sa. Hỏi cả hai lần bác Tư đã thả xuống hồ bao nhiêu con cá ba sa?



**5** Tìm chữ số thích hợp.

$$\begin{array}{r} 6\ 3\ \square\ 2\ 1 \\ +\quad \square\ 2\ 9\ \square \\ \hline \square\ 1\ 4\ \square\ 5 \end{array}$$

Bài 64

# PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 100 000

## Khám phá




$$\begin{array}{r} 23\,285 \\ -\ 12\,967 \\ \hline 10\,318 \end{array}$$

- 5 không trừ được 7, lấy 15 trừ 7 bằng 8, viết 8 nhớ 1.
- 8 trừ 1 bằng 7; 7 trừ 6 bằng 1, viết 1.
- 2 không trừ được 9, lấy 12 trừ 9 bằng 3, viết 3 nhớ 1.
- 3 trừ 1 bằng 2; 2 trừ 2 bằng 0, viết 0.
- 2 trừ 1 bằng 1, viết 1.

**23 285 – 12 967 = 10 318**

## Hoạt động

**1** Tính.

$$\begin{array}{r} 84\,758 \\ -\ 43\,265 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 79\,363 \\ -\ 5\,819 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 34\,635 \\ -\ 927 \\ \hline \end{array}$$

**2** Đặt tính rồi tính.

97 358 – 89 263

75 046 – 32 638

56 492 – 56

16 519 – 8 245

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

**3** Tính nhẩm (theo mẫu).

Mẫu: 13 000 – 6 000 = ?

Nhẩm: 13 nghìn – 6 nghìn = 7 nghìn

13 000 – 6 000 = 7 000

a) 15 000 – 7 000 b) 12 000 – 5 000 c) 17 000 – 8 000

**4** Trong ba tháng đầu năm, một nhà máy sản xuất đồ chơi đã sản xuất được 24 500 xe ô tô. Tháng 1 nhà máy bán đi 10 600 xe ô tô, tháng 2 nhà máy bán đi 9 500 xe ô tô. Hỏi nhà máy còn lại bao nhiêu xe ô tô đồ chơi?

## Luyện tập

**1** Tính nhẩm (theo mẫu).

a)

Mẫu: 80 000 – 50 000 = ?

Nhẩm: 8 chục nghìn – 5 chục nghìn = 3 chục nghìn

80 000 – 50 000 = 30 000

60 000 – 20 000 90 000 – 70 000 100 000 – 40 000

b)

Mẫu: 38 000 – 4 000 = ?

Nhẩm: 38 nghìn – 4 nghìn = 34 nghìn

38 000 – 4 000 = 34 000

57 000 – 3 000 43 000 – 8 000 86 000 – 5 000

**2** Đặt tính rồi tính.

97 582 – 81 645 56 938 – 9 456 43 572 – 637

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

**3** Trong hai biểu thức dưới đây, biểu thức nào có giá trị lớn hơn?

a) 70 000 – 9 000 + 6 023

b) 93 279 – 3 279 – 20 000



**4** Đường từ nhà An đến trụ sở uỷ ban nhân dân xã gồm một đoạn lên dốc và một đoạn xuống dốc. Đoạn đường lên dốc dài 6 700 m, đoạn đường xuống dốc ngắn hơn đoạn đường lên dốc là 2 900 m. Hỏi đường từ nhà An đến trụ sở uỷ ban nhân dân xã dài bao nhiêu mét?



**5** Đố em!

Tìm hiệu của số lớn nhất có năm chữ số và số bé nhất có ba chữ số khác nhau.

Bài 65

# LUYỆN TẬP CHUNG




**1** Tính nhẩm.

30 000 + 6 000 – 20 000

18 000 – 9 000 + 40 000

80 000 – (40 000 + 10 000)

70 000 – (60 000 – 30 000)

**2** Đ, S ?

a)
$$\begin{array}{r} 32\,467 \\ +\ 2\,825 \\ \hline 60\,717 \end{array}$$ ?

b)
$$\begin{array}{r} 62\,958 \\ -\ 473 \\ \hline 62\,485 \end{array}$$ ?

c)
$$\begin{array}{r} 73\,865 \\ -\ 68\,529 \\ \hline 15\,346 \end{array}$$ ?

d)
$$\begin{array}{r} 45\,376 \\ +\ 38\,205 \\ \hline 83\,581 \end{array}$$ ?

**3** Đặt tính rồi tính.

8 563 + 7 284

42 758 + 9 235

32 679 – 946

83 627 – 76 253

**4** Một cửa hàng có 16 500 *l* xăng, cửa hàng nhập thêm về 9 000 *l* xăng. Hỏi sau khi bán đi 17 350 *l* xăng, cửa hàng đó còn lại bao nhiêu lít xăng?

**5** Tính giá trị của biểu thức.

a) 8 647 + 6 500 – 13 217

b) 15 654 – (7 460 + 2 140)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Chủ đề 13

# XEM ĐỒNG HỒ. THÁNG – NĂM. TIỀN VIỆT NAM

Bài 66

## XEM ĐỒNG HỒ. THÁNG – NĂM

### Khám phá



3 giờ 5 phút



5 giờ 43 phút




### Hoạt động

**1** Số ?

a)



Nam học Toán lúc ? giờ ? phút sáng.

b)



Mai học Âm nhạc lúc ? giờ ? phút sáng.

c)



Rô-bốt học Mĩ thuật lúc ? giờ ? phút chiều.

d)



Việt học Giáo dục thể chất lúc ? giờ ? phút chiều.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

**2** Hai đồng hồ nào chỉ cùng thời gian vào buổi chiều?



A



B



C



D




E




G




H




K

**3** Chọn đồng hồ thích hợp với mỗi bức tranh.

a)



Mai cùng mẹ làm bánh lúc:




A.




B.

b)



Mi cùng bố hút bụi lúc:




A.




B.

**4** Số ?

Mẫu: 1 giờ + 2 giờ = 3 giờ

10 phút × 3 = 30 phút

30 phút – 10 phút = 20 phút

8 giờ : 4 = 2 giờ

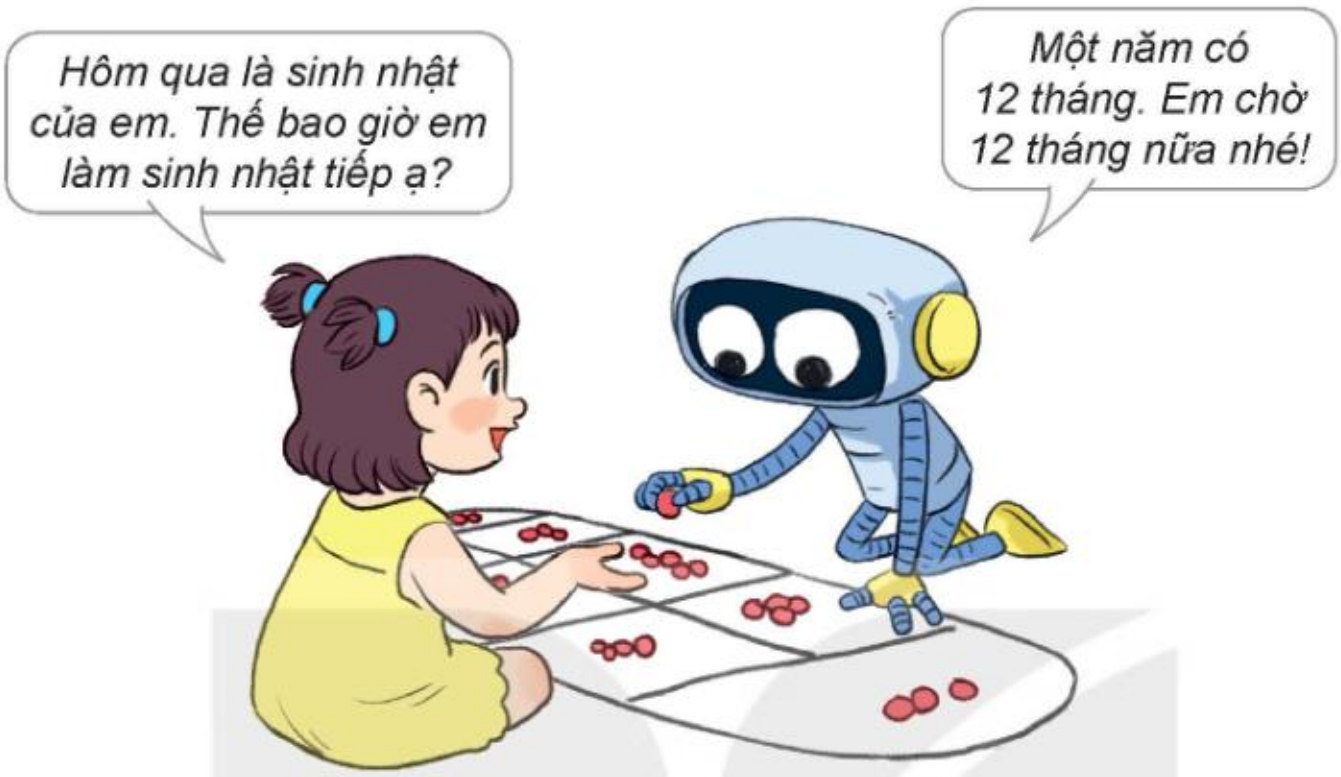
a) 10 phút + 25 phút = ? phút

b) 24 giờ – 8 giờ = ? giờ

c) 24 giờ × 2 = ? giờ

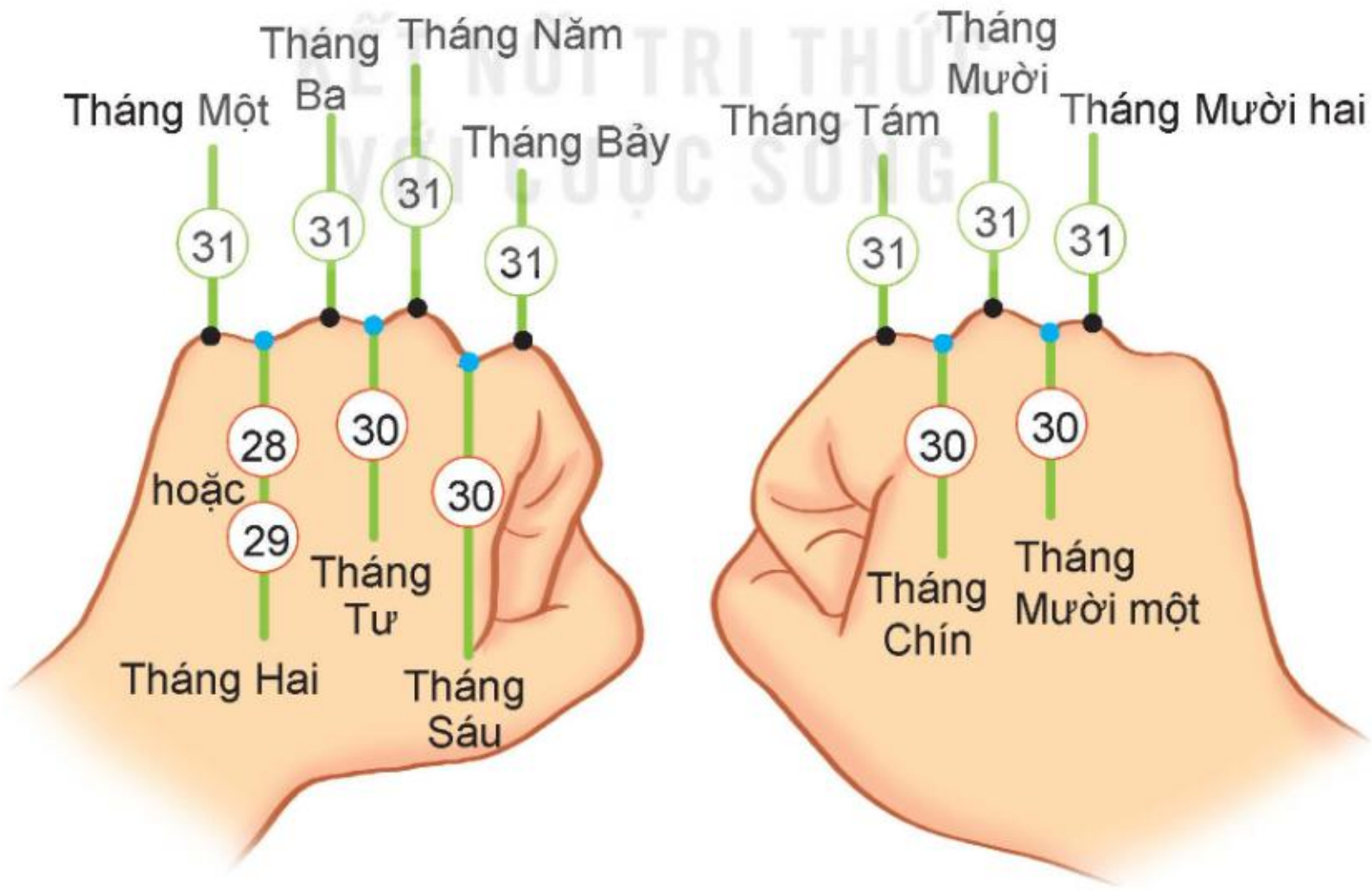
d) 60 phút : 6 = ? phút

## Khám phá




Một năm có 12 tháng là: tháng Một, tháng Hai, tháng Ba, tháng Tư, tháng Năm, tháng Sáu, tháng Bảy, tháng Tám, tháng Chín, tháng Mười, tháng Mười một, tháng Mười hai.

Số ngày trong từng tháng là:



## hoạt động

Quan sát tờ lịch năm nay và cho biết:

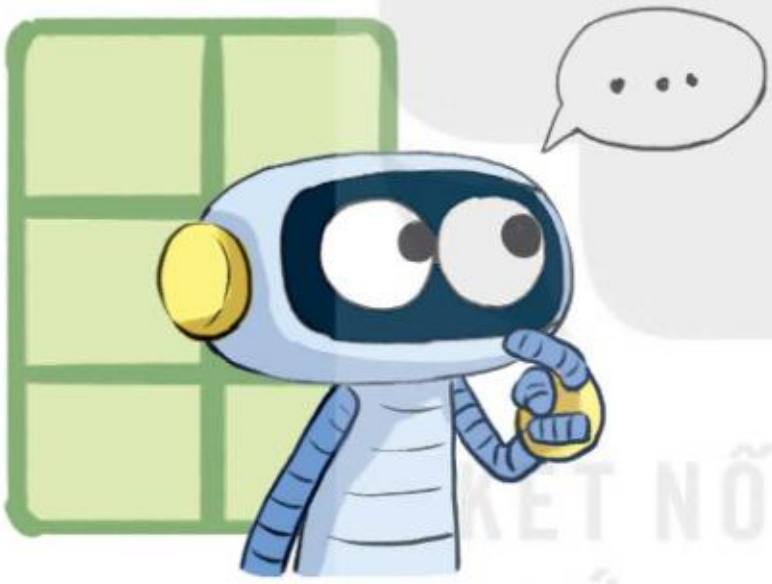
a) Những tháng nào có 30 ngày.

b) Những tháng nào có 31 ngày.

c) Tháng 2 năm nay có bao nhiêu ngày.

## luyện tập

**1** Xem tờ lịch tháng 3 rồi trả lời các câu hỏi.



THÁNG BA

| THỨ HAI | THỨ BA | THỨ TƯ | THỨ NĂM | THỨ SÁU | THỨ BẢY | CHỦ NHẬT |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | 1 | 2 | 3 |
| 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |
| 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 |
| 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 |

a) Trường của Rô-bốt sẽ đi cắm trại vào Chủ nhật cuối cùng của tháng 3. Hỏi đó là ngày nào?

b) Ngày cuối cùng của tháng 3 là thứ mấy? Ngày đầu tiên của tháng 4 cùng năm là thứ mấy?

**2** Chọn câu trả lời đúng.

Rô-bốt có một chuyến đi đến Đắk Lắk từ ngày 29 tháng 3 đến hết ngày 2 tháng 4 cùng năm. Vậy chuyến đi đó kéo dài bao nhiêu ngày?

A. 3 ngày

B. 4 ngày

C. 5 ngày

D. 6 ngày

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 67

# THỰC HÀNH XEM ĐỒNG HỒ, XEM LỊCH




**1** Vào sáng Chủ nhật:

a) Bạn thức dậy lúc mấy giờ? Ăn sáng vào lúc nào?

b) Việc đầu tiên bạn muốn làm cùng bố mẹ là gì? Bắt đầu vào lúc nào?

Quay kim giờ, kim phút để đồng hồ chỉ những thời điểm đó.

**2** Chọn câu trả lời đúng.

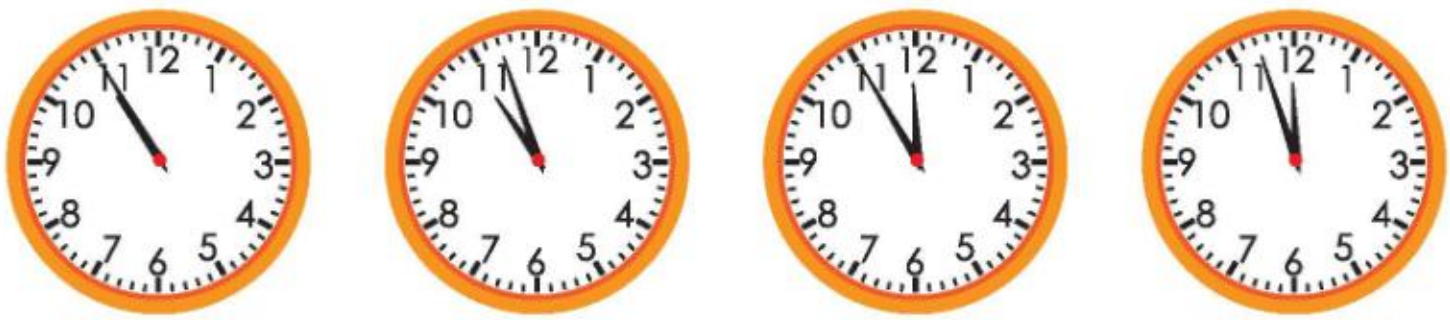
Bữa trưa Chủ nhật, cả nhà sẽ cùng nhau vào bếp và nấu các món ăn: cơm, rau trộn, gà nướng và canh rau củ thập cẩm.

a) Nồi cơm được cắm điện vào lúc 10 giờ 10 phút. Sau 40 phút nữa, điện sẽ tự ngắt và cơm sẽ chín. Hỏi đồng hồ nào dưới đây chỉ lúc cơm chín?



A B C D

b) Mẹ làm món rau trộn mất 7 phút. Mẹ bắt đầu làm vào lúc 10 giờ 50 phút. Hỏi đồng hồ nào dưới đây chỉ lúc mẹ làm xong món rau trộn?



A B C D

c) Món gà được nướng bằng lò điện. Thời gian bắt đầu và kết thúc như sau:



Bắt đầu



Kết thúc

Hỏi món gà được nướng trong bao nhiêu phút?

A. 20 phút  B. 25 phút  C. 30 phút  D. 35 phút

**3** Vào buổi chiều Chủ nhật, cả nhà sẽ cùng nhau làm các công việc:

| Công việc | Dọn nhà | Nấu bữa tối | Xem đá bóng |
|---|---|---|---|
| Thời gian | Trước  | Trước  |  đến  |

Hỏi cả nhà sẽ làm những việc đó theo thứ tự như thế nào?

**4** Buổi tối, cả nhà cùng nhau lên kế hoạch đi chơi vào một ngày Chủ nhật trong tháng sau (tháng 5). Quan sát tờ lịch dưới đây và cho biết cả nhà có thể chọn đi chơi vào những ngày nào trong tháng 5.

**THÁNG NĂM**

| THỨ HAI | THỨ BA | THỨ TƯ | THỨ NĂM | THỨ SÁU | THỨ BẢY | CHỦ NHẬT |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 |
| 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 |
| 27 | 28 | 29 | 30 | 31 | | |



## hoạt động

Tháng 6 này, chúng mình sẽ cùng tham dự một trại hè dành cho học sinh từ 7 đến 10 tuổi.

Dưới đây là tờ lịch tháng 6:




**1** Trại hè được tổ chức từ ngày 24 tháng 6 đến hết ngày 30 tháng 6. Hỏi trại hè được tổ chức trong bao nhiêu ngày?

**2** a) Thời hạn đăng kí tham dự trại hè là hết ngày thứ Sáu đầu tiên của tháng 6. Vậy thời hạn đăng kí là hết ngày nào?

b) Danh sách những người tham dự sự kiện này sẽ được thông báo vào thứ Hai tuần kế tiếp. Đó là ngày nào?

**3** Một ngày trước thời điểm diễn ra trại hè.

a) Buổi sáng, Nam chuẩn bị những đồ dùng cần thiết để tham dự trại hè. Thời gian bắt đầu và kết thúc như sau:



Bắt đầu



Kết thúc

Hỏi Nam đã chuẩn bị đồ dùng trong bao lâu?

b) Buổi chiều, Nam nướng bánh quy để tặng các bạn. Thời gian bắt đầu và kết thúc như sau:



Bắt đầu



Kết thúc

Hỏi Nam đã nướng bánh trong bao lâu?

**4** Vào ngày đầu tiên tham dự trại hè, chúng mình được chọn tham gia hai hoặc ba hoạt động (không trùng thời gian) trong các hoạt động sau:




Em chọn tham gia những hoạt động nào? Các hoạt động đó diễn ra theo thứ tự như thế nào?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 68

# TIỀN VIỆT NAM

## Khám phá

Các tờ tiền từ 1 000 đồng trở lên.






















































## hoạt động

**1** Chú lợn nào đựng nhiều tiền nhất?



**2** Mẹ đi chợ mua chanh hết 3 000 đồng và mua hành hết 2 000 đồng. Mẹ đưa cho cô bán hàng 10 000 đồng. Chọn những cách cô bán hàng có thể trả lại tiền thừa cho mẹ.



A B C

**3** Khi mua mỗi món hàng dưới đây, ta cần trả một tờ tiền có trong hình bên. Em hãy tìm giá tiền của mỗi món hàng, biết:

– Giá tiền của bóng đèn thấp nhất;

– Giá tiền của quyển sách cao nhất;

– Giá tiền của rô-bốt cao hơn giá tiền của cái lược.






KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## Luyện tập

**1** Tìm giá tiền của từng loại: bắp ngô, cà rốt, dưa chuột.



10 000 đồng



8 000 đồng



5 000 đồng

**2** Số ?

Vào đầu vụ ngô, mẹ Lan mua 1 bắp ngô giá 5 000 đồng. Giữa vụ, với 5 000 đồng, mẹ Lan mua được 2 bắp ngô.

a) Giữa vụ, giá tiền 1 bắp ngô là ? đồng.

b) Giá tiền 1 bắp ngô ở đầu vụ nhiều hơn giá tiền 1 bắp ngô ở giữa vụ là ? đồng.

**3** Trong hội chợ do nhà trường tổ chức, Nam và Mai làm nước chanh để bán lấy tiền ủng hộ quỹ từ thiện. Dưới đây là số tiền để mua những nguyên liệu làm nước chanh của các bạn ấy.

| Loại | Số tiền |
|---|---|
| Nước | 20 000 đồng |
| Đường kính | 14 000 đồng |
| Chanh | 10 000 đồng |



a) Hỏi Nam và Mai cần bao nhiêu tiền để mua số nguyên liệu trên?

b) Nam và Mai bán nước chanh được 80 000 đồng. Hỏi sau khi trừ đi tiền mua nguyên liệu, hai bạn còn bao nhiêu tiền?

**4** Số ?

- 2 tờ 10 000 đồng đổi được 1 tờ 20 000 đồng.
- ? tờ 10 000 đồng đổi được 1 tờ 50 000 đồng.
- 1 tờ 50 000 đồng đổi được 1 tờ 10 000 đồng và ? tờ 20 000 đồng.
- 1 tờ 100 000 đồng đổi được ? tờ 50 000 đồng.

Bài 69

# LUYỆN TẬP CHUNG




**1** Buổi sáng, Mai và bố đến nhà để tặng bánh cho các bạn.

Xem đồng hồ và cho biết Mai đến nhà mỗi bạn vào lúc nào.

Mẫu: Mai đến nhà Rô-bốt lúc 8 giờ 50 phút, hay 9 giờ kém 10 phút.



**2** Xem tờ lịch tháng 4 rồi trả lời câu hỏi.

a) Ngày Sách Việt Nam 21 tháng 4 là thứ mấy?

b) Mỗi ngày, cây đậu thần kì của Rô-bốt đều có thêm một bông hoa. Vào thứ Bảy đầu tiên của tháng 4, trên cây có bốn bông hoa. Hỏi cây bắt đầu ra hoa vào ngày nào?

**THÁNG TƯ**

| THỨ HAI | THỨ BA | THỨ TƯ | THỨ NĂM | THỨ SÁU | THỨ BẢY | CHỦ NHẬT |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 |
| 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 |
| 29 | 30 | | | | | |

**3** Mai vừa mua một cái kẹo có giá như hình dưới đây:



Sau đó, Mai muốn trả lại cái kẹo để mua một gói bim bim, người bán hàng đồng ý. Như vậy, Mai phải đưa thêm cho người bán hàng một tờ 5 000 đồng.

Hỏi:

a) Giá của một cái kẹo là bao nhiêu tiền?

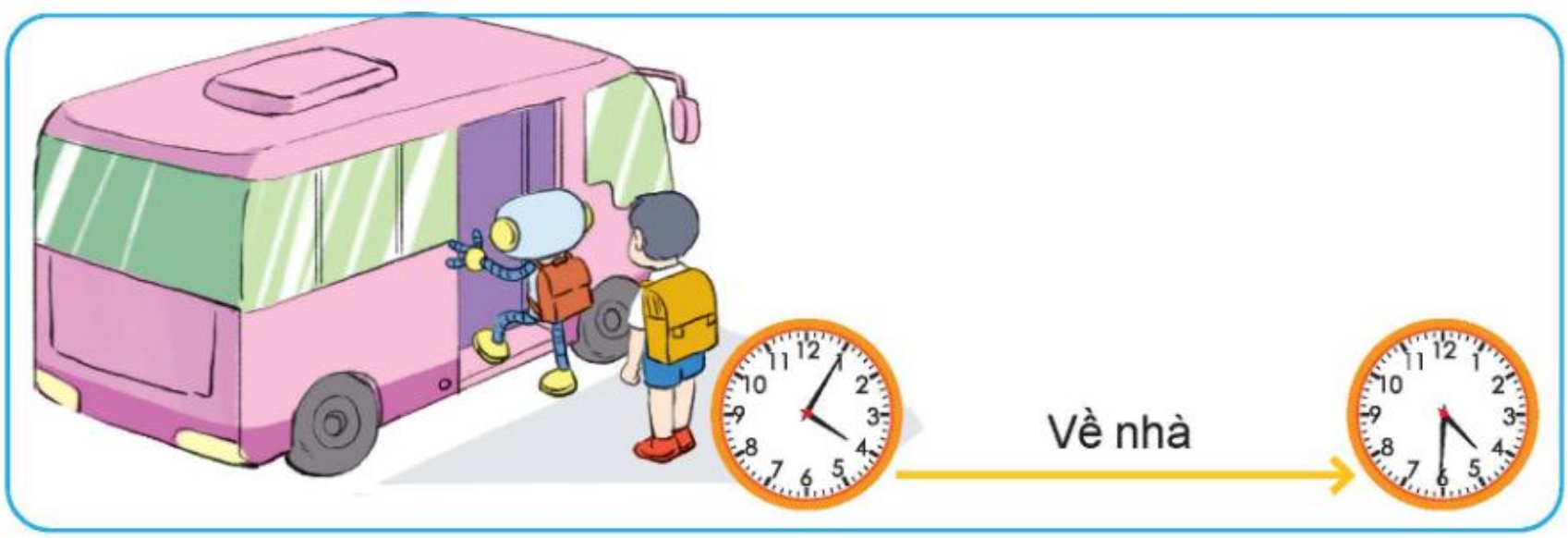
b) Giá của một gói bim bim là bao nhiêu tiền?

**4** Số ?

a) 2 giờ = ? phút  b) 2 năm = ? tháng

**5** Hôm nay, Rô-bốt đi học bằng xe buýt. Quan sát rồi cho biết Rô-bốt đi từ nhà đến trường mất bao nhiêu phút và đi từ trường về nhà mất bao nhiêu phút.



## luyện tập

**1** a) Sáng thứ Bảy, Mai đã thực hiện hai hoạt động là: làm bài tập và sắp xếp giá sách. Hỏi Mai thực hiện hoạt động nào trước?





b) Chiều thứ Bảy, Mai đã thực hiện hai hoạt động là: gấp quần áo và làm bánh. Hỏi hoạt động nào diễn ra sau?



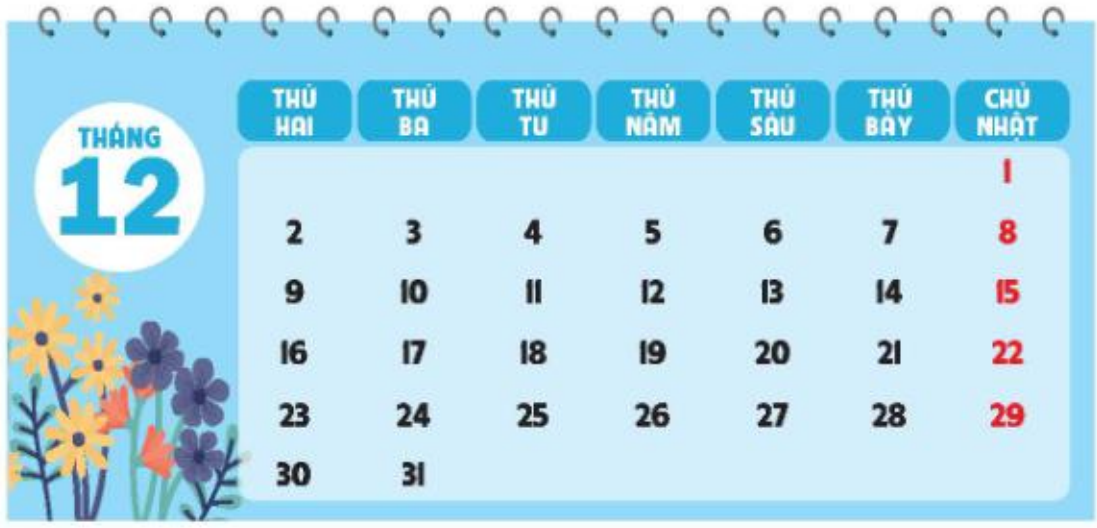


c) Tối thứ Bảy, Mai đã thực hiện hai hoạt động là: xem phim và đọc truyện. Hỏi hoạt động nào diễn ra trước?





**2** Xem tờ lịch tháng 12 rồi trả lời các câu hỏi.



THÁNG 12

| THỨ HAI | THỨ BA | THỨ TƯ | THỨ NĂM | THỨ SÁU | THỨ BẢY | CHỦ NHẬT |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | 1 |
| 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 |
| 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 |
| 30 | 31 | | | | | |



a) Rô-bốt học bóng rổ vào Chủ nhật hằng tuần. Hỏi trong tháng 12, Rô-bốt học bóng rổ vào những ngày nào?

b) Bắt đầu từ ngày 14 tháng 12, Mai học vẽ vào chiều thứ Bảy hằng tuần. Hỏi trong tháng 12, Mai có bao nhiêu buổi học vẽ?

**3** Nam có một số tiền như hình dưới đây. Nam đã dùng toàn bộ số tiền đó để mua ba cái bút chì giống nhau. Nếu Việt cũng mua một cái bút chì giống như Nam, thì Việt phải trả bao nhiêu tiền?




**4** Chọn đồng hồ thích hợp thay vào ô có dấu "?".

a)




A. 

B. 

C. 

D. 

b)












A.



B.



C.



D.



**5** Số ?

a) 3 tuần = ? ngày

b) 3 giờ = ? phút

c) 3 năm = ? tháng

d) 3 ngày = ? giờ




**1** Chọn câu trả lời đúng.

a) Bây giờ là 11 giờ 20 phút, 10 phút nữa là đến giờ ăn trưa. Hỏi đồng hồ nào dưới đây chỉ giờ ăn trưa?



Bây giờ



A



B



C



D

b) Bây giờ là 3 giờ 15 phút, các bạn đã ra chơi được 15 phút. Hỏi đồng hồ nào dưới đây chỉ lúc bắt đầu ra chơi?



Bây giờ



A



B



C



D

**2** Số ?

a) 1 giờ 30 phút = ? phút

b) 1 tuần 3 ngày = ? ngày

c) 1 năm 6 tháng = ? tháng

d) 1 ngày 6 giờ = ? giờ

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

**3** a) Hiện nay Mi đã được 6 năm 3 tháng tuổi. Hỏi sau bao nhiêu tháng nữa thì Mi tròn 7 tuổi?

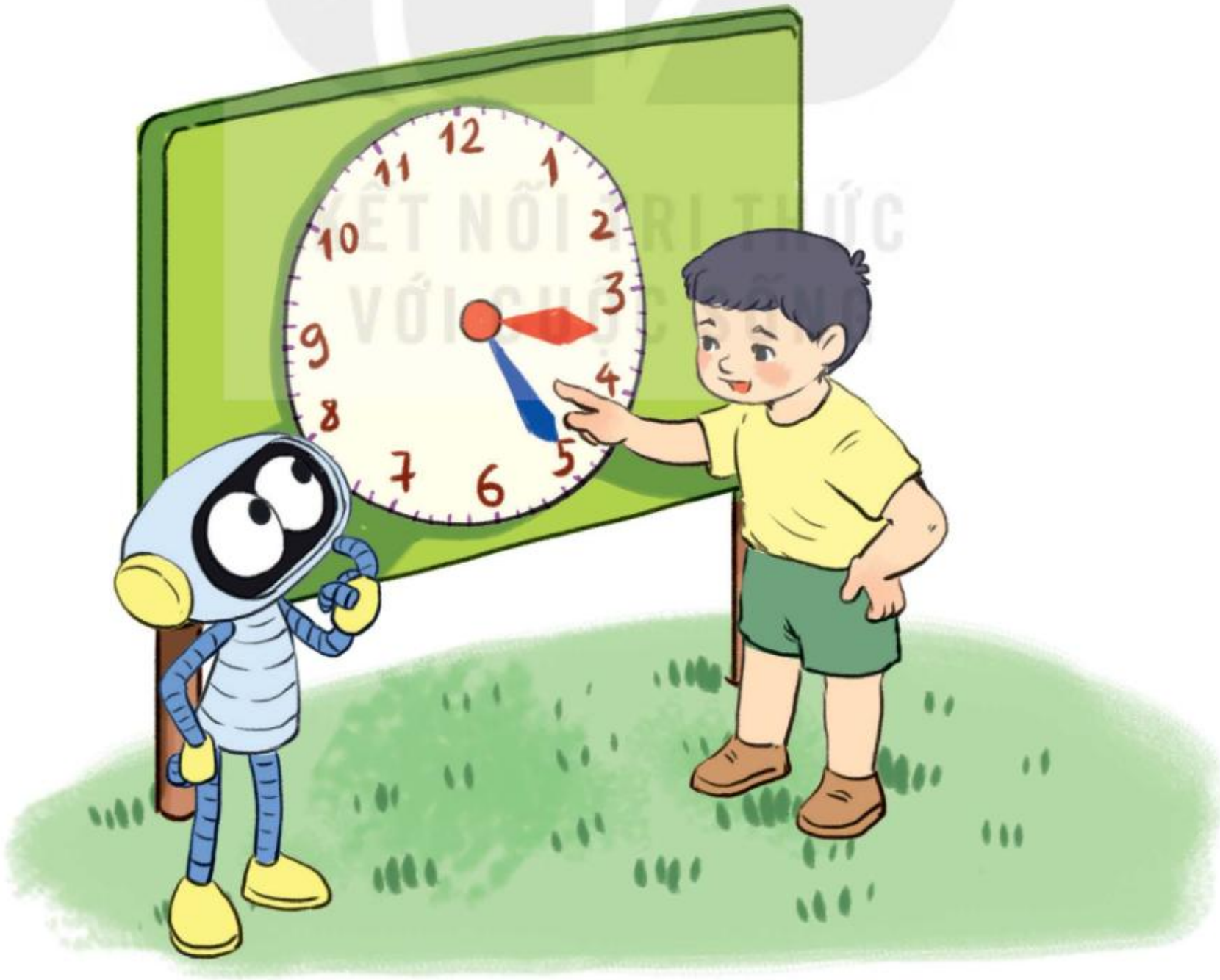
b) Mai, Việt và Nam được sinh ra cùng năm nhưng khác tháng. Biết Việt được sinh ra vào tháng 1, Mai được sinh ra sau Việt 3 tháng và trước Nam 8 tháng. Hỏi Nam được sinh ra vào tháng mấy?

## trò chơi

### CUỘC ĐUA ĐẾN GIỜ TAN HỌC

Cách chơi:

- Chơi theo cặp.
- Người chơi bắt đầu với chiếc đồng hồ chỉ 3 giờ. Khi đến lượt, người chơi quay kim đồng hồ thêm 5 hoặc 10 phút. Đọc giờ tại thời điểm đó.
- Trò chơi kết thúc khi có người chơi quay kim đồng hồ đến đúng 4 giờ.



Chủ đề 14

# NHÂN, CHIA TRONG PHẠM VI 100 000

Bài 70

## NHÂN SỐ CÓ NĂM CHỮ SỐ VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ




$$\begin{array}{r} 12\,415 \\ \times \quad 3 \\ \hline 37\,245 \end{array}$$

- 3 nhân 5 bằng 15, viết 5 nhớ 1.
- 3 nhân 1 bằng 3, thêm 1 bằng 4, viết 4.
- 3 nhân 4 bằng 12, viết 2 nhớ 1.
- 3 nhân 2 bằng 6, thêm 1 bằng 7, viết 7.
- 3 nhân 1 bằng 3, viết 3.

**12 415 × 3 = 37 245**

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

### Hoạt động

**1** Tính.

$$\begin{array}{r} 47\,253 \\ \times \quad 2 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 18\,142 \\ \times \quad 4 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 15\,160 \\ \times \quad 5 \\ \hline \end{array}$$

**2** Đặt tính rồi tính.

31 504 × 3

23 162 × 4

**3** Mỗi lần người ta chuyển 15 250 kg thóc vào kho. Hỏi sau 3 lần chuyển như vậy, người ta chuyển được bao nhiêu ki-lô-gam thóc vào kho?




**1** Số ?

| | | | |
|---|---|---|---|
| Thừa số | 18 171 | 13 061 | 12 140 |
| Thừa số | 5 | 6 | 7 |
| Tích | 90 855 | ? | ? |

**2** Đặt tính rồi tính.

10 706 × 9 | 12 061 × 8 | 15 108 × 5

**3** Tính nhẩm (theo mẫu).

Mẫu: 12 000 × 4 = ?

Nhẩm: 12 nghìn × 4 = 48 nghìn

12 000 × 4 = 48 000

a) 11 000 × 9 | b) 21 000 × 3 | c) 15 000 × 6

**4** Có ba kho chứa dầu, mỗi kho chứa 12 000 *l*. Người ta đã chuyển đi 21 000 *l* dầu. Hỏi ba kho đó còn lại bao nhiêu lít dầu?

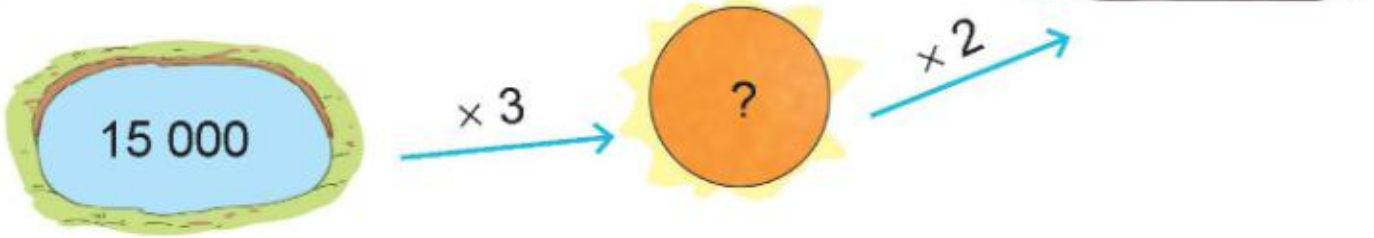



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## Luyện tập

**1** Số ?

a)




b)




**2** a) Đặt tính rồi tính.

31 624 × 3

15 041 × 5

b) Tính giá trị của biểu thức.

26 745 + 12 071 × 6

**3** Việt mua 6 quyển vở, mỗi quyển giá 6 000 đồng. Việt đưa cho cô bán hàng tờ 100 000 đồng. Hỏi cô bán hàng trả lại cho Việt bao nhiêu tiền?

**4** Trong một trại ươm cây giống có hai vườn ươm, mỗi vườn có 14 000 cây giống. Trong một trại ươm khác có 15 000 cây giống. Hỏi cả hai trại ươm đó có bao nhiêu cây giống?



Bài 71

# CHIA SỐ CÓ NĂM CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ




17 486 : 2 = ?

| 17 486 | 2 |
|---|---|
| 14 | 8 743 |
| 08 | |
| 06 | |
| 0 | |

- 17 chia 2 được 8, viết 8.
  8 nhân 2 bằng 16; 17 trừ 16 bằng 1.
- Hạ 4, được 14; 14 chia 2 được 7, viết 7.
  7 nhân 2 bằng 14; 14 trừ 14 bằng 0.
- Hạ 8; 8 chia 2 được 4, viết 4.
  4 nhân 2 bằng 8; 8 trừ 8 bằng 0.
- Hạ 6; 6 chia 2 được 3, viết 3.
  3 nhân 2 bằng 6; 6 trừ 6 bằng 0.

**17 486 : 2 = 8 743**

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## hoạt động

**1** Tính.

25 684 | 4

37 085 | 5

**2** Đặt tính rồi tính.

21 684 : 4 | 16 025 : 5 | 45 789 : 3

**3** Một kho chứa 10 160 kg muối. Người ta chia đều số muối đó vào 4 ô tô để chở lên miền núi. Hỏi mỗi ô tô chở bao nhiêu ki-lô-gam muối?

## khám phá

Một xưởng may có 10 450 m vải, người ta dùng số vải đó để may quần áo, mỗi bộ quần áo may hết 3 m vải. Hỏi may được nhiều nhất bao nhiêu bộ quần áo như vậy và còn thừa mấy mét vải?

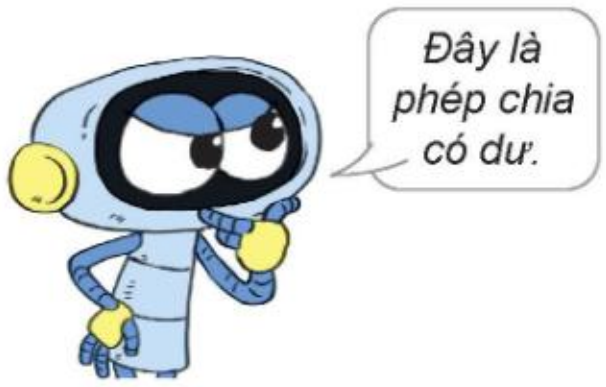


10 450 : 3 = ?

```
10 450 | 3
 1 4   | 3 483
   25
    10
     1
```

**10 450 : 3 = 3 483 (dư 1)**

- 10 chia 3 được 3, viết 3.
  3 nhân 3 bằng 9; 10 trừ 9 bằng 1.
- Hạ 4, được 14; 14 chia 3 được 4, viết 4.
  4 nhân 3 bằng 12; 14 trừ 12 bằng 2.
- Hạ 5, được 25; 25 chia 3 được 8, viết 8.
  8 nhân 3 bằng 24; 25 trừ 24 bằng 1.
- Hạ 0, được 10; 10 chia 3 được 3, viết 3.
  3 nhân 3 bằng 9; 10 trừ 9 bằng 1.




KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## hoạt động

**1** a) Tính.

(A) 15 827 | 5

(B) 26 167 | 4

b) Số ?

| Phép chia | Số bị chia | Số chia | Thương | Số dư |
|---|---|---|---|---|
| (A) | ? | ? | ? | ? |
| (B) | ? | ? | ? | ? |

**2** Đặt tính rồi tính.

21 437 : 3

36 095 : 8

**3** Có 10 243 viên thuốc, người ta đóng vào các vỉ, mỗi vỉ 8 viên thuốc. Hỏi đóng được nhiều nhất bao nhiêu vỉ thuốc và còn thừa ra mấy viên?



## luyện tập

**1** Tính nhẩm (theo mẫu).

Mẫu: 15 000 : 5 = ?

Nhẩm: 15 nghìn : 5 = 3 nghìn

15 000 : 5 = 3 000

a) 21 000 : 3

b) 24 000 : 4

c) 56 000 : 7

**2** Số ?

| Số bị chia | Số chia | Thương | Số dư | Viết là |
|---|---|---|---|---|
| 16 945 | 2 | 8 472 | 1 | 16 945 : 2 = 8 472 (dư 1) |
| 36 747 | 6 | ? | ? | 36 747 : 6 = ? (dư ?) |

**3** a) Đặt tính rồi tính.

45 250 : 5 | 27 162 : 3 | 36 180 : 4

b) Trong các phép tính ở câu a:

– Phép tính nào có kết quả lớn nhất?

– Phép tính nào có kết quả bé nhất?

**4** Có 12 000 bút sáp màu. Người ta đóng hết số bút sáp màu đó vào các hộp, mỗi hộp 6 bút sáp. Hỏi đóng được tất cả bao nhiêu hộp bút sáp màu?



Bài 72

# LUYỆN TẬP CHUNG




**1** Tính nhẩm.

a) $2\,000 \times 4 \times 5$

$36\,000 : 6 : 2$

$30\,000 : 3 \times 6$

b) $20\,000 \times (10 : 5)$

$80\,000 : (2 \times 4)$

$15\,000 : (27 : 9)$

**2** Đ, S ?

a)
$$\begin{array}{r} 26\,325 \\ \times \quad\quad 3 \\ \hline 78\,975 \end{array}$$ ?

b)
$$\begin{array}{r} 43\,547 \\ \times \quad\quad 2 \\ \hline 86\,094 \end{array}$$ ?

c)
$$\begin{array}{r|l} 62\,408 & 8 \\ 64 & 781 \\ 008 & \\ 0 & \end{array}$$ ?

**3** Đặt tính rồi tính.

$24\,132 \times 4$

$7\,148 \times 2$

$63\,854 : 7$

$46\,519 : 6$

**4** Nam có 2 tờ tiền loại 20 000 đồng, số tiền đó vừa đủ để mua 8 cuốn vở. Hỏi mỗi cuốn vở giá bao nhiêu tiền?

**5** Tính giá trị của biểu thức.

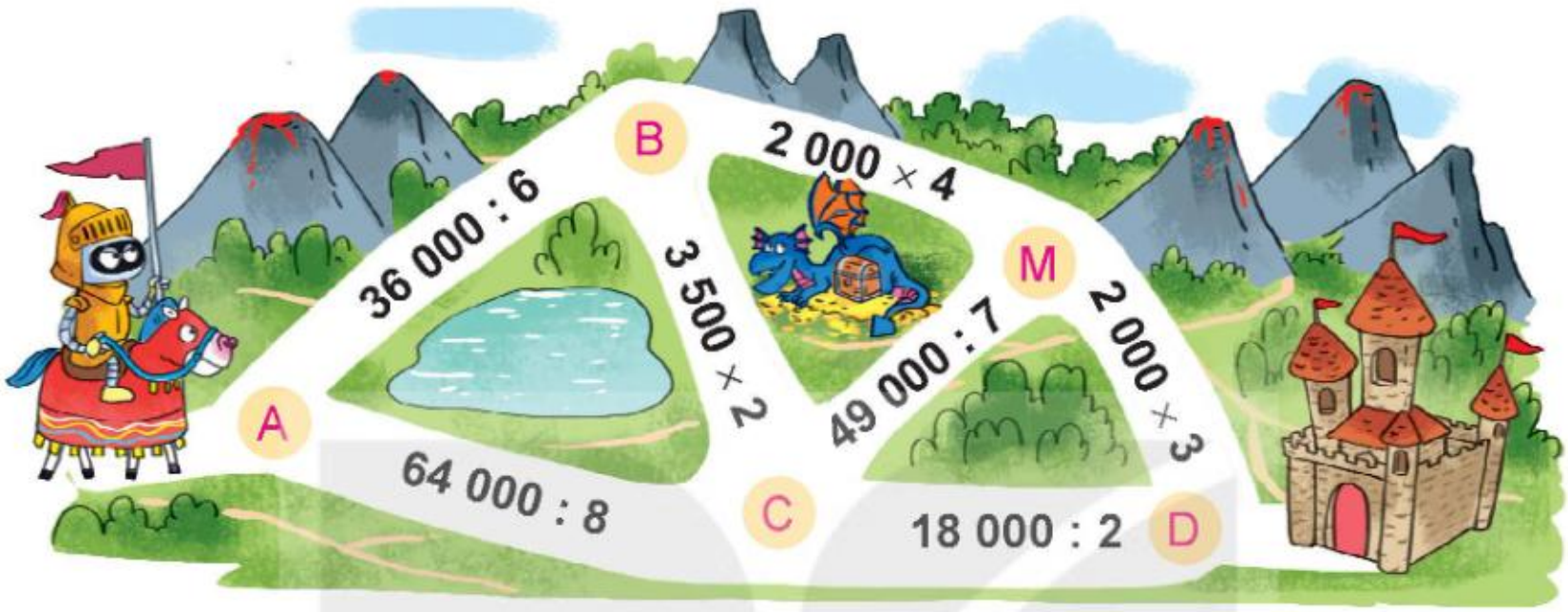
a) $36\,459 : 9 \times 3$

b) $14\,105 \times 6 : 5$

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## luyện tập

**1** Để đến toà lâu đài, Rô-bốt phải đi qua các đoạn đường ghi phép tính có kết quả bé hơn 8 000. Hỏi Rô-bốt phải đi theo đường nào?




**2** Đặt tính rồi tính.

| | |
|---|---|
| 57 364 : 6 | 13 104 × 7 |
| 8 024 × 3 | 48 560 : 5 |

**3** Tính giá trị của biểu thức.

a) 7 479 + 3 204 × 5

b) (24 516 – 4 107) : 3

c) 14 738 + 460 + 3 240

d) 9 015 × 3 × 2

**4** Một nông trường có 2 520 cây chanh, số cây cam gấp 3 lần số cây chanh. Hỏi nông trường đó có tất cả bao nhiêu cây chanh và cây cam?

**5** Tìm chữ số thích hợp.

$$\begin{array}{r} 1\ 0\ \square\ 2\ \square \\ \times \qquad\qquad 9 \\ \hline \square\ \square\ 6\ \square\ 9 \end{array}$$

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Chủ đề 15

# LÀM QUEN VỚI YẾU TỐ THỐNG KÊ, XÁC SUẤT

Bài 73

## THU THẬP, PHÂN LOẠI, GHI CHÉP SỐ LIỆU. BẢNG SỐ LIỆU

**Khám phá**

Các bạn Nam, Việt và Mai đang tập ném bóng vào rổ.




Rô-bốt đã ghi chép lại kết quả ném bóng vào rổ của các bạn Nam, Việt và Mai như sau:

Nam: × × × O O × × × O ×

Việt : × × × × × × × × × ×

Mai : O O × × × O × O × O

Vậy là Nam có 7 lần, Việt có 10 lần và Mai có 5 lần đưa được bóng vào rổ.

## hoạt động

**1** Để thực hiện kế hoạch nhỏ của lớp, các bạn lớp 3A đã góp một số đồ dùng học tập với số lượng được ghi chép lại như sau:

| | |
|---|---|
| Vở: | 𝍸 𝍸 𝍸 III |
| Bút chì: | 𝍸 𝍸 𝍸 𝍸 𝍸 IIII |
| Bút mực: | 𝍸 I |




a) Các bạn lớp 3A đã góp những loại đồ dùng học tập nào?

b) Các bạn đã góp được bao nhiêu đồ vật mỗi loại?

c) Trong số đồ vật góp được, đồ vật nào có nhiều nhất? Đồ vật nào có ít nhất?

**2** Quan sát, phân loại, đếm và ghi chép số lượng đồ vật trong phòng học theo dạng hình tròn, hình tam giác, hình vuông. Cho biết dạng hình nào có nhiều nhất, dạng hình nào có ít nhất.

## khám phá

Cuối tuần này, nhà trường sẽ tổ chức hội trại cho các bạn học sinh từ lớp 3 đến lớp 5. Bên cạnh phần thi trang trí trại, nhà trường còn tổ chức thi đấu ba môn thể thao.

Sau khi các bạn lớp 3A hoàn tất việc đăng kí, Rô-bốt đã ghi lại số lượng các bạn tham gia mỗi môn thành bảng số liệu dưới đây.

| Môn thi | Kéo co | Chạy tiếp sức | Nhảy bao bố |
|---|---|---|---|
| Số bạn tham gia | 15 | 5 | 8 |

Bảng số liệu trên có hai hàng:

- Hàng thứ nhất ghi tên các môn thể thao.
- Hàng thứ hai ghi số lượng các bạn tham gia thi đấu của mỗi môn.

KẾT NỐI TRI THỨC

Nhìn vào bảng ta biết:

- Ba môn thể thao được ghi trong bảng là: kéo co, chạy tiếp sức, nhảy bao bố.
- Kéo co có 15 bạn tham gia, chạy tiếp sức có 5 bạn tham gia, nhảy bao bố có 8 bạn tham gia.




**1** Dưới đây là bảng số liệu về số vật nuôi trong một trang trại.

| Loại vật nuôi | Bò | Gà | Lợn | Dê |
|---|---|---|---|---|
| Số lượng (con) | 45 | 120 | 78 | 36 |

Dựa vào bảng trên, trả lời câu hỏi:

a) Trong trang trại có những loại vật nuôi nào? Mỗi loại có bao nhiêu con?

b) Trong trang trại, loại vật nuôi nào ít nhất? Loại vật nuôi nào nhiều nhất?

**2** Cho bảng số liệu về số quyển sách bán được trong ba tháng đầu năm của một cửa hàng sách.

| Tháng / Loại sách | 1 | 2 | 3 |
|---|---|---|---|
| Sách khoa học | 280 quyển | 200 quyển | 320 quyển |
| Truyện tranh | 400 quyển | 540 quyển | 612 quyển |

Dựa vào bảng trên, trả lời câu hỏi:

a) Trong tháng 2, cửa hàng bán được bao nhiêu quyển sách mỗi loại?

b) Mỗi tháng cửa hàng bán được bao nhiêu quyển truyện tranh?

c) Trong tháng 1, cửa hàng bán được tất cả bao nhiêu quyển sách?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## luyện tập

**1** Cho bảng số liệu về số giờ đọc sách của các bạn Việt, Mai, Nam và Rô-bốt trong tuần vừa qua.

| Bạn | Việt | Mai | Nam | Rô-bốt |
|---|---|---|---|---|
| Số giờ đọc sách (giờ) | 7 | 9 | 10 | 8 |

Dựa vào bảng trên, hãy cho biết trong tuần qua:

a) Mỗi bạn dành bao nhiêu giờ để đọc sách?

b) Bạn nào dành nhiều thời gian để đọc sách nhất?

**2** Rô-bốt vừa ghé thăm Sa Pa trong một chuyến đi dài ba ngày. Nhiệt độ không khí thấp nhất và cao nhất trong ba ngày tại đó được Rô-bốt ghi chép lại như sau:

- Ngày 1: 10 °C – 17 °C.
- Ngày 2: 11 °C – 19 °C.
- Ngày 3: 7 °C – 12 °C.




KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

a) Dựa vào thông tin ở trên, hãy hoàn thành bảng số liệu sau:

| Ngày / Nhiệt độ | 1 | 2 | 3 |
|---|---|---|---|
| Cao nhất | 17 °C | ? | ? |
| Thấp nhất | 10 °C | ? | ? |

b) Dựa vào bảng trên, hãy cho biết ngày nào có nhiệt độ xuống dưới 10 °C.

**3** a) Hoàn thành bảng số liệu về số học sinh khối lớp 3 tại một trường tiểu học.

| Lớp / Số học sinh | 3A | 3B | 3C |
|---|---|---|---|
| Nam | 15 | ? | 20 |
| Nữ | ? | 18 | 11 |
| Cả lớp | 30 | 33 | ? |

b) Dựa vào bảng số liệu trên, trả lời câu hỏi:

– Lớp nào có nhiều hơn 30 học sinh?

– Lớp nào có nhiều học sinh nữ nhất? Lớp nào có ít học sinh nữ nhất?

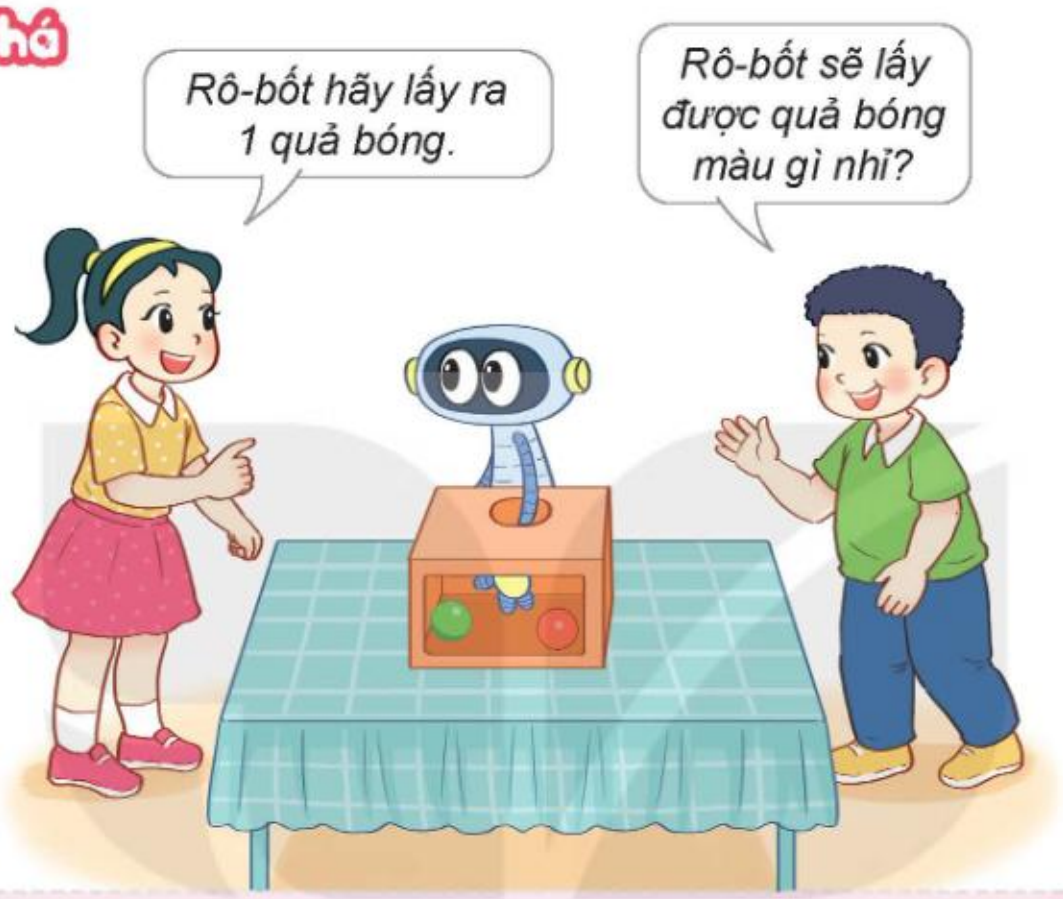
– Những lớp nào có số học sinh nam bằng nhau?



Bài 74

# KHẢ NĂNG XẢY RA CỦA MỘT SỰ KIỆN

## khám phá




Khi Rô-bốt lấy 1 quả bóng từ trong chiếc hộp (như hình vẽ), hai khả năng xảy ra là:

– Rô-bốt lấy được 1 quả bóng xanh.

– Rô-bốt lấy được 1 quả bóng đỏ.

## hoạt động

Rô-bốt có một đồng xu gồm hai mặt như sau:





Hỏi khi Rô-bốt tung đồng xu đó và quan sát mặt trên của đồng xu thì những sự kiện nào có thể xảy ra?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## luyện tập

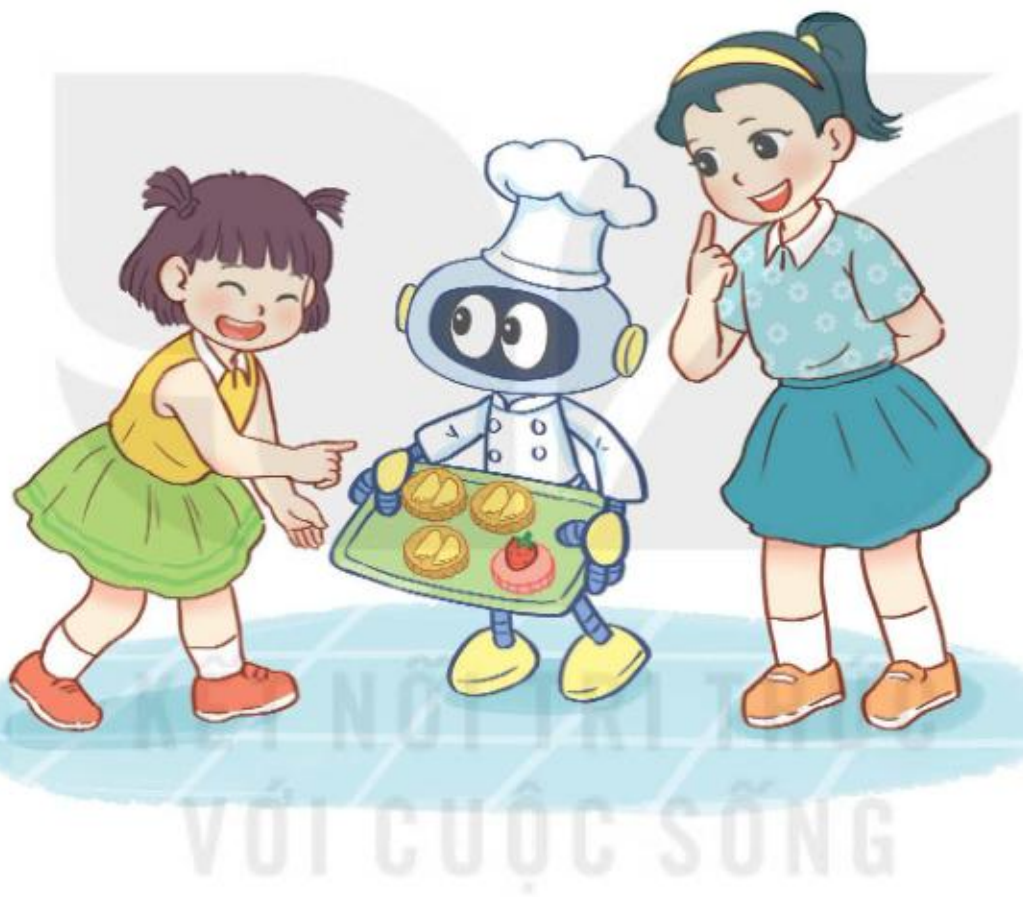
**1** Đ, S ?

Rô-bốt bê khay có 4 cái bánh: 3 bánh táo và 1 bánh dâu. Mi nhắm mắt và lấy 2 cái bánh trên khay.

a) Mi chắc chắn lấy được 2 bánh táo. ?

b) Mi có thể lấy được 1 bánh táo và 1 bánh dâu. ?

c) Mi không thể lấy được 2 bánh dâu. ?



SÁCH NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

**2** Việt có một xúc xắc tự làm. Khi quan sát từ hai hướng ta thấy 6 mặt của xúc xắc đó như hình vẽ dưới đây.







Nếu Việt gieo xúc xắc đó một lần và quan sát mặt trên của xúc xắc thì sự kiện nào có thể xảy ra?

Bài 75

# THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM THU THẬP, PHÂN LOẠI, GHI CHÉP SỐ LIỆU, ĐỌC BẢNG SỐ LIỆU




Vào cuối tuần sau, lớp chúng mình sẽ cùng đi cắm trại. Và bây giờ chính là lúc chúng mình lên kế hoạch chuẩn bị cho chuyến đi chơi đó.

**1** Hãy nêu một vài việc cần làm để chuẩn bị cho một chuyến đi chơi.

Gợi ý: Chúng mình muốn đi đâu, sẽ làm gì ở đó, sẽ ăn gì, uống gì?...

**2** Đầu tiên, cả lớp sẽ cùng nhau chọn địa điểm để cắm trại. Rô-bốt gợi ý rằng chúng mình có thể chọn một trong ba địa điểm sau: vườn quốc gia, trang trại hoặc công viên.

Hãy tham khảo ý kiến các bạn trong lớp, ghi chép số liệu và hoàn thành bảng số liệu sau:

| Địa điểm cắm trại | Vườn quốc gia | Trang trại | Công viên |
|---|---|---|---|
| Số bạn chọn (người) | ? | ? | ? |

a) Có bao nhiêu bạn muốn cắm trại ở vườn quốc gia? Ở trong trang trại? Ở trong công viên?

b) Địa điểm được chọn là địa điểm có nhiều bạn chọn nhất. Vậy lớp mình sẽ cắm trại ở đâu?

**3** Số ?

Hãy tham khảo ý kiến các bạn trong lớp, ghi chép số liệu và hoàn thành bảng số liệu về thời gian xuất phát và thời gian kết thúc chuyến đi.

| Thời gian xuất phát – kết thúc | 07:00 – 16:00 | 08:00 – 17:00 |
|---|---|---|
| Số bạn chọn (người) | ? | ? |

Theo số đông các bạn trong lớp, chúng mình thống nhất sẽ xuất phát vào lúc ? giờ và kết thúc chuyến đi vào lúc ? giờ.

## hoạt động

**1** Bây giờ, cả lớp hãy cùng nhau lựa chọn đồ ăn mang theo chuyến đi. Hãy thảo luận và cho biết ba món ăn được nhiều bạn lựa chọn nhất.

**2** Cuối cùng, chúng mình sẽ cùng nhau chọn màu áo đồng phục lớp. Do cửa hàng chỉ có đủ số lượng áo với ba màu: trắng, đỏ và vàng, nên cả lớp sẽ chỉ chọn một trong số ba màu áo đó.

a) Hãy thu thập ý kiến của các bạn và ghi lại kết quả vào bảng số liệu dưới đây:

| Màu áo | Số bạn chọn (người) |
|---|---|
| Trắng | ? |
| Đỏ | ? |
| Vàng | ? |

Dựa vào bảng số liệu, cho biết màu áo được nhiều bạn chọn nhất là màu nào.

b) Ngoài ra, Rô-bốt gợi ý một cách chọn màu áo tiết kiệm thời gian hơn bằng cách gieo xúc xắc, quan sát mặt trên của xúc xắc rồi lựa chọn màu áo như sau:

– Nếu mặt trên là mặt  hoặc  thì chọn áo màu trắng.

– Nếu mặt trên là mặt  hoặc  thì chọn áo màu đỏ.

– Nếu mặt trên là mặt  hoặc  thì chọn áo màu vàng.

Bây giờ chúng mình hãy gieo xúc xắc và quan sát số chấm ở mặt trên của xúc xắc. Theo cách chọn của Rô-bốt thì màu áo đồng phục của chúng mình là màu nào?

Chủ đề 16

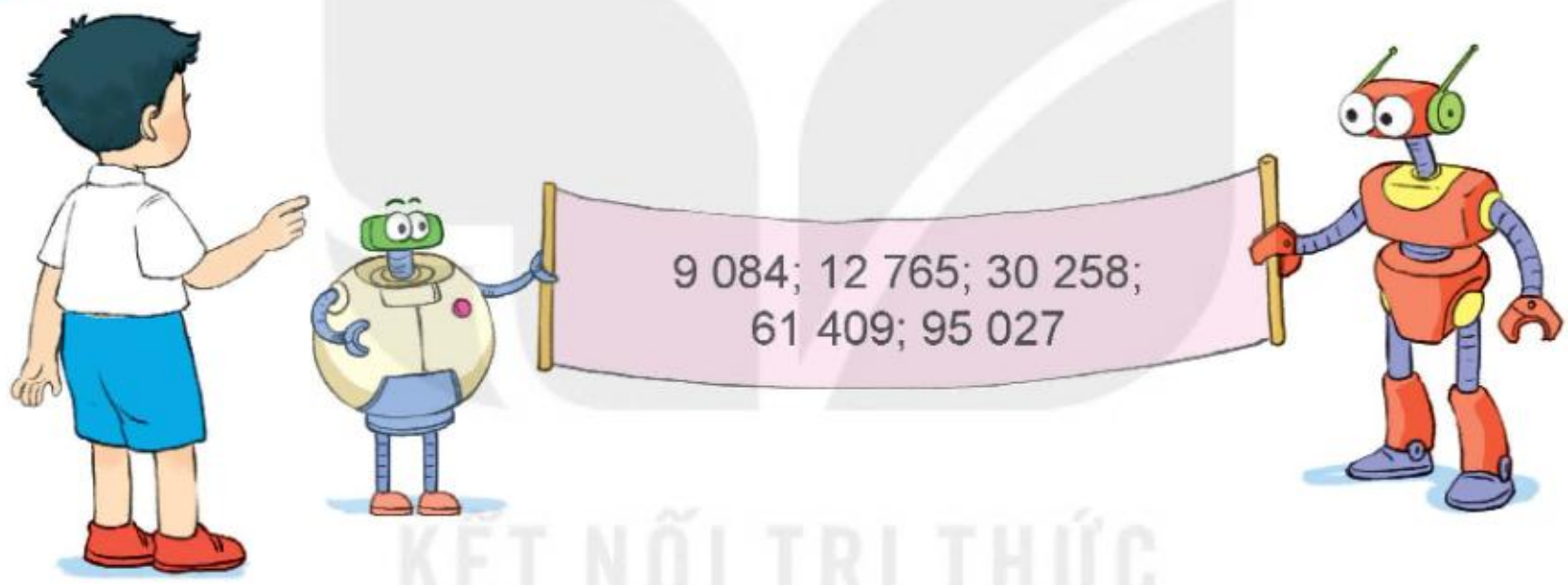
# ÔN TẬP CUỐI NĂM

Bài 76

## ÔN TẬP CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 10 000, 100 000

luyện tập

**1** Đọc các số sau.




KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

**2** Số ?

a) 9 995; 9 996; 9 997; ?; 9 999; ?; ?; 10 002; ?.

b) 35 760; 35 770; ?; 35 790; ?; 35 810; ?; ?.

c) 68 400; ?; 68 600; 68 700; ?; ?; 69 000; ?.

**3** >; <; = ?

a) 5 760 ? 5 699

7 849 ? 8 700

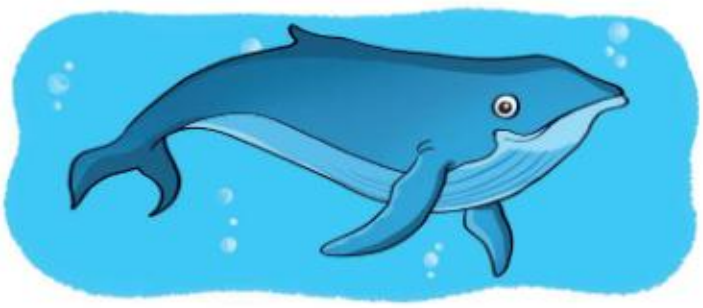
b) 9 999 ? 10 001

10 100 ? 10 080

c) 74 685 ? 74 685

90 537 ? 90 357

**4** Trong các con cá dưới đây, con cá nào nặng nhất, con cá nào nhẹ nhất?



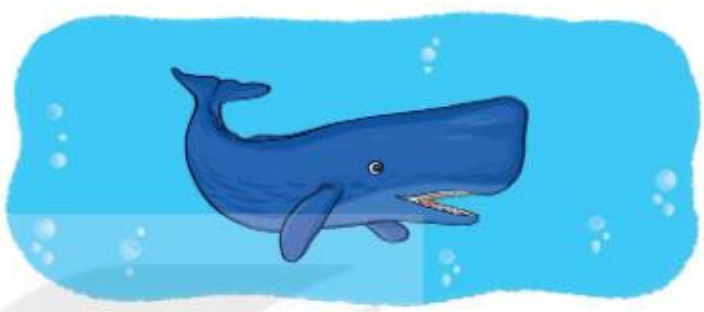
Cá voi xanh cân nặng 90 000 kg



Cá mái chèo cân nặng 250 kg



Cá mặt trăng cân nặng 1 000 kg



Cá nhà táng cân nặng 51 000 kg

**5** Bác An hỏi bác Ba Phi: "Năm nay, trang trại nhà bác có bao nhiêu con vịt?".

Bác Ba Phi hóm hỉnh trả lời: "Bác tính nhé! Năm nay, số con vịt ở trang trại nhà tôi là số tròn chục lớn nhất có bốn chữ số khác nhau".

Em hãy giúp bác An tìm số con vịt ở trang trại nhà bác Ba Phi năm nay.

## Luyện tập

**1** Dưới đây là số khẩu trang của bốn công ty may được trong một ngày.

- Công ty Hồng Hà: 42 000 cái
- Công ty Hoà Bình: 37 000 cái
- Công ty Cửu Long: 28 000 cái
- Công ty Thăng Long: 50 000 cái

a) Trong một ngày, công ty nào may được nhiều khẩu trang nhất, công ty nào may được ít khẩu trang nhất?

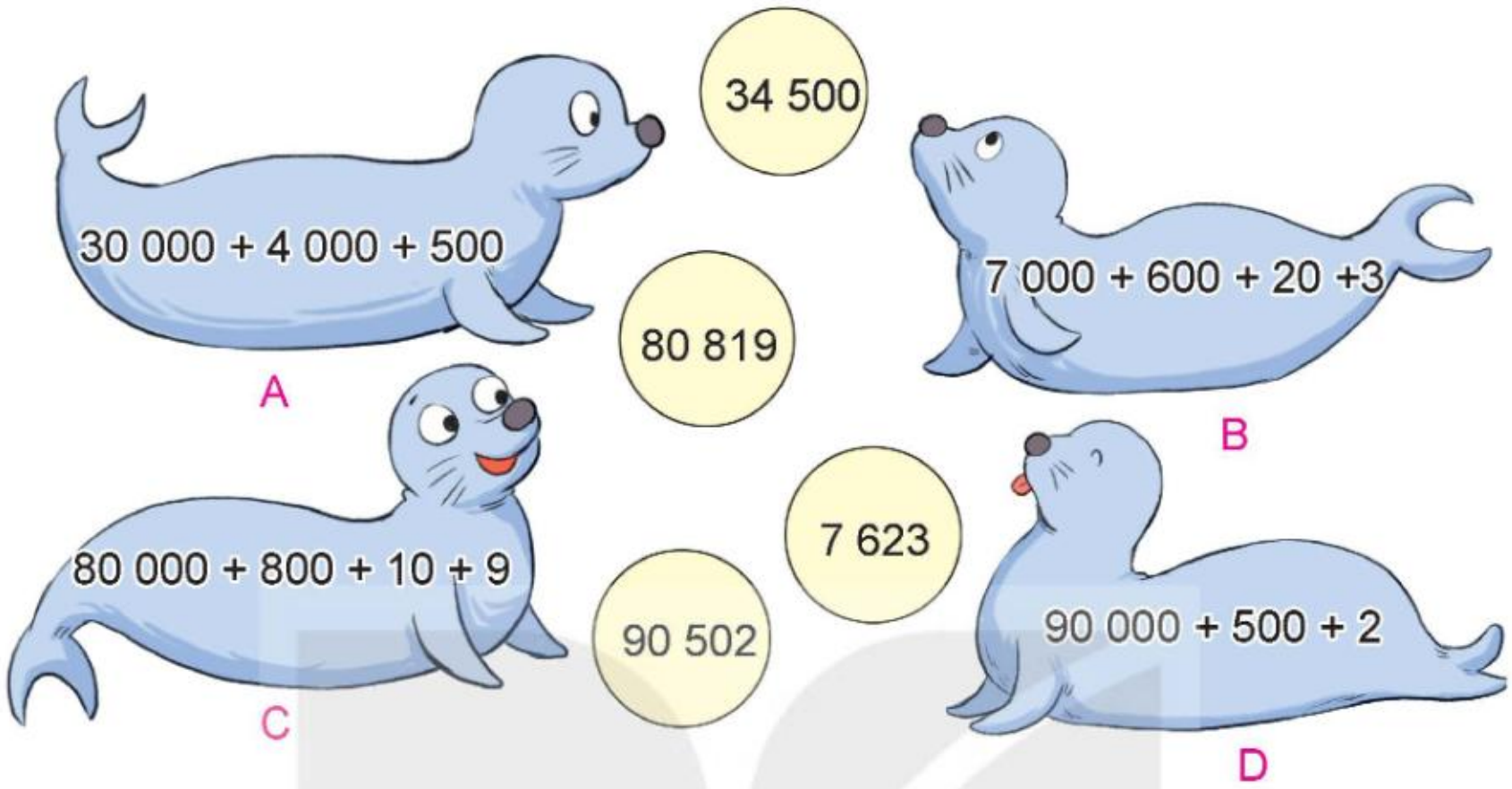
b) Sắp xếp các công ty trên theo thứ tự số khẩu trang may được trong một ngày từ nhiều nhất đến ít nhất.

**2** Viết mỗi số 8 327; 9 015; 25 468; 46 109; 62 340 thành tổng (theo mẫu).

Mẫu: 7 546 = 7 000 + 500 + 40 + 6

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

**3** Chọn số là giá trị của mỗi biểu thức.




**4** Số ?

a) 5 000 + 300 + ? = 5 306

2 000 + 700 + ? = 2 780

b) 40 000 + 8 000 + 600 + ? = 48 620

90 000 + 2 000 + ? = 92 007

**5** Em hãy cùng Nam tìm xem trường của Nam có bao nhiêu học sinh.




KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 77

# ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 100 000




**1** Đặt tính rồi tính.

| | |
|---|---|
| 639 + 5 246 | 13 627 – 8 454 |
| 45 274 + 9 352 | 86 769 – 78 495 |

**2** Trong các phép tính dưới đây, những phép tính nào có kết quả bé hơn 6 000, những phép tính nào có kết quả lớn hơn 20 000?

3 500 + 2 500 | 4 956 + 1 000 | 15 000 + 6 000

41 600 – 21 500 | 9 850 – 4 000

**3** Tính giá trị của biểu thức.

a) 4 569 + 3 721 – 500

b) 9 170 + (15 729 – 7 729)

**4** Mai mua gấu bông hết 28 000 đồng, mua keo dán hết 3 000 đồng. Mai đưa cho cô bán hàng 50 000 đồng. Hỏi cô bán hàng trả lại cho Mai bao nhiêu tiền?

**5** Tìm chữ số thích hợp.

a)
$$\begin{array}{r} 8\,\square\,4\,6\,5 \\ +\quad 3\,\square\,7\,\square \\ \hline \square\,2\,8\,\square\,7 \end{array}$$

b)
$$\begin{array}{r} 9\,\square\,7\,2\,\square \\ -\ \square\,2\,3\,\square\,4 \\ \hline 6\,8\,\square\,5\,3 \end{array}$$

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## luyện tập

**1** Đặt tính rồi tính.

| | |
|---|---|
| 8 673 + 92 | 45 738 + 39 145 |
| 7 486 – 539 | 63 847 – 37 154 |

**2** Chọn kết quả đúng.

a) Tổng của 6 735 và 3 627 là:

A. 10 362 B. 9 362 C. 10 352 D. 3 108

b) Hiệu của 24 753 và 16 238 là:

A. 8 525 B. 18 515 C. 8 515 D. 40 991

c) Giá trị của biểu thức 12 639 – 8 254 + 2 000 là:

A. 4 385 B. 6 385 C. 6 485 D. 2 385

**3** Đ, S ?

a) Đường đi từ cổng công viên đến vườn thú gần hơn đến rạp xiếc. ?

b) Đường đi từ cổng công viên đến vườn thú xa hơn đến rạp xiếc. ?






**4** Một trung tâm y tế dự phòng đã nhập về 35 800 liều vắc-xin COVID-19. Đợt thứ nhất dùng hết 16 400 liều vắc-xin, đợt thứ hai dùng hết 17 340 liều vắc-xin. Hỏi sau hai đợt sử dụng, trung tâm y tế đó còn lại bao nhiêu liều vắc-xin COVID-19?

**5** Vua Lý Thái Tổ hạ Chiếu dời kinh đô từ Hoa Lư (nay thuộc tỉnh Ninh Bình) về thành Đại La và đổi tên thành Thăng Long (nay thuộc Thủ đô Hà Nội) vào năm 1010. Hỏi đến năm nay, Chiếu dời đô của vua Lý Thái Tổ đã được bao nhiêu năm?



Bài 78

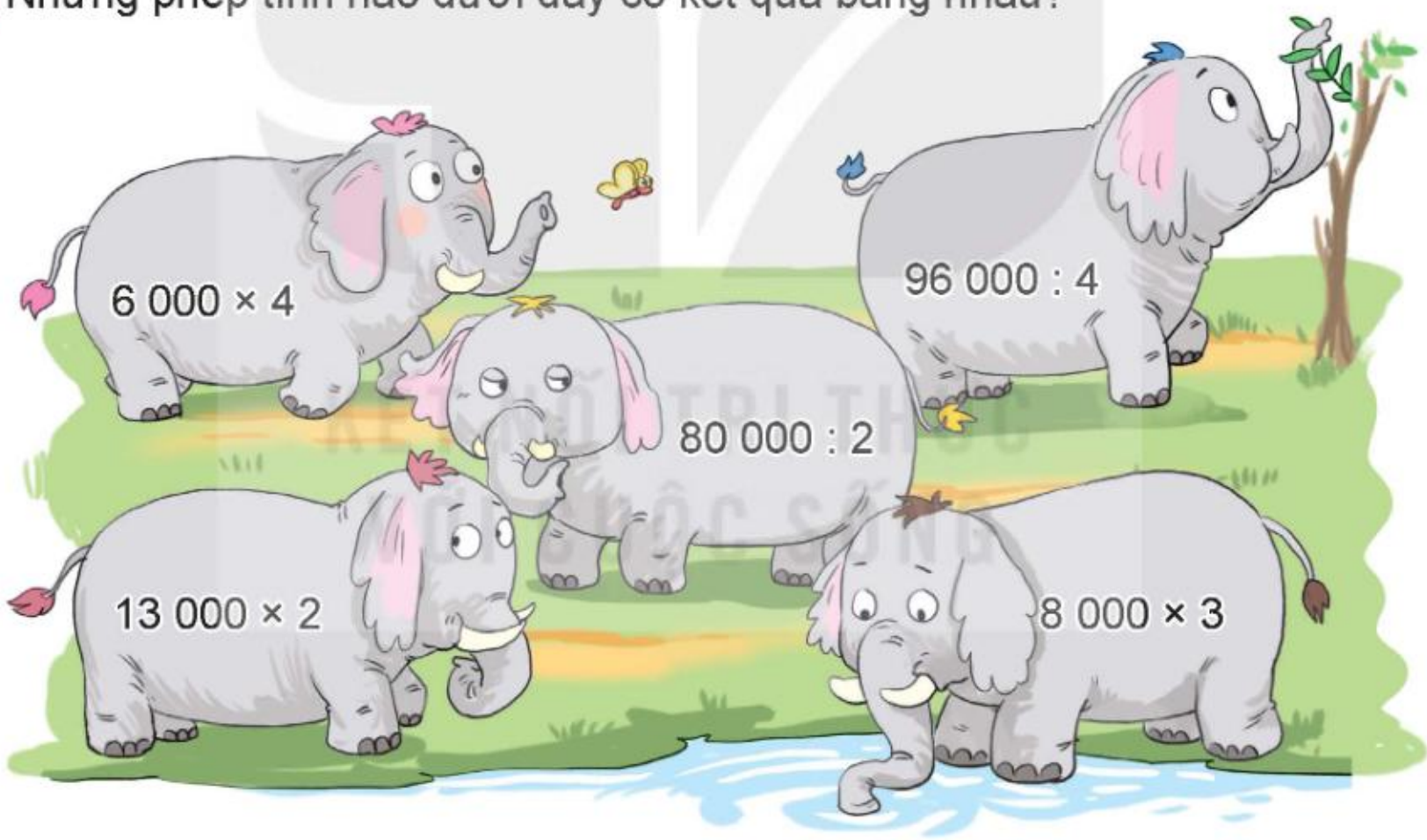
# ÔN TẬP PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA TRONG PHẠM VI 100 000




**1** Đặt tính rồi tính.

| | |
|---|---|
| $207 \times 8$ | $9\,160 \times 5$ |
| $5\,481 : 7$ | $57\,436 : 6$ |

**2** Những phép tính nào dưới đây có kết quả bằng nhau?




**3** Tính giá trị của biểu thức.

a) $4\,105 \times 9 : 5$

b) $24\,048 : (4 \times 2)$

**4** Việt mua 1 quyển truyện thiếu nhi và 2 cái bút. Giá 1 quyển truyện thiếu nhi là 18 000 đồng, giá 1 cái bút là 8 500 đồng. Hỏi Việt phải trả người bán hàng bao nhiêu tiền?

**5** Tìm chữ số thích hợp.

$$\begin{array}{r} 8\,\boxed{?}\,0\,\boxed{?} \\ \times \qquad\qquad 9 \\ \hline \boxed{?}\,\boxed{?}\,9\,\boxed{?}\,1 \end{array}$$




**1** Chọn câu trả lời đúng.

a) Tích của 1 508 và 6 là:

A. 9 048 B. 6 048 C. 9 008 D. 9 042

b) Thương của 35 145 và 5 là:

A. 729 B. 7 029 C. 7 092 D. 7 028

c) Giá trị của biểu thức 27 180 : (3 × 2) là:

A. 9 060 B. 18 120 C. 960 D. 4 530

**2** Tính giá trị của biểu thức.

a) (6 000 + 3 000) × 5 b) 18 000 : 6 × 3

c) (40 000 – 5 000) : 7 d) 7 000 × (2 × 3)

**3** Tính giá trị của biểu thức.

a) 5 406 × 2 × 4 b) 370 + 9 826 + 6 530

**4** Cô Hoa mua 5 kg gạo hết 85 000 đồng. Hỏi:

a) Mỗi ki-lô-gam gạo như vậy giá bao nhiêu tiền?

b) Bác Hiền mua 4 kg gạo như thế thì bác Hiền phải trả người bán hàng bao nhiêu tiền?

**5** Năm nay Nam 9 tuổi, bố hơn Nam 27 tuổi. Hỏi năm nay, tuổi bố gấp mấy lần tuổi Nam?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## luyện tập

**1** Chọn câu trả lời đúng.

a) Phép tính nào dưới đây có kết quả lớn nhất?

A. $1\,500 \times 7$ B. $2\,109 \times 5$ C. $1\,807 \times 6$

b) Phép tính nào dưới đây có kết quả bé nhất?

A. $18\,126 : 3$ B. $43\,120 : 8$ C. $52\,200 : 9$

**2** Tính giá trị của biểu thức.

a) $8\,103 \times 5 - 4\,135$ b) $24\,360 : 8 + 9\,600$

c) $(809 + 6\,215) \times 4$ d) $17\,286 - 45\,234 : 9$

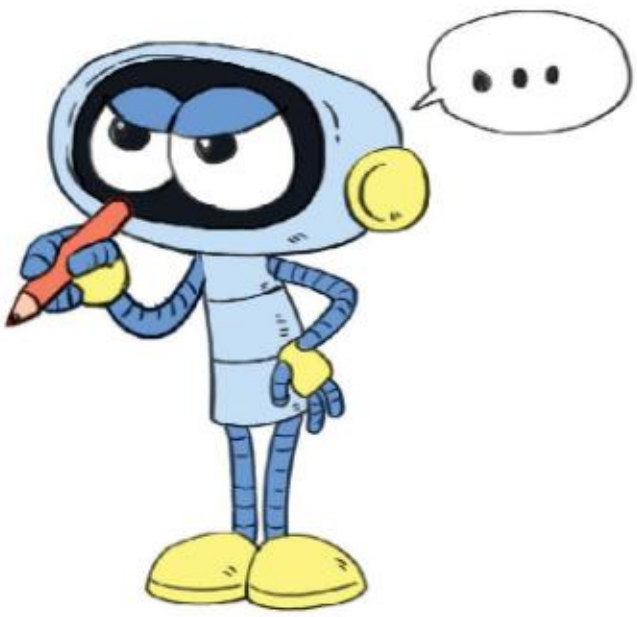
**3** Một cửa hàng có 1 350 kg gạo, sau khi bán thì số gạo giảm đi 3 lần. Hỏi cửa hàng đó còn lại bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

**4** Bác Hải dự tính xây một ngôi nhà hết 87 000 viên gạch. Bác Hải đã mua 4 lần, mỗi lần 18 200 viên gạch. Hỏi theo dự tính, bác Hải còn phải mua bao nhiêu viên gạch nữa?

**5** Đố em!

Chọn dấu phép tính "×; :" thích hợp thay cho dấu "?".

$64 \boxed{?} (4 \boxed{?} 2) = 8$

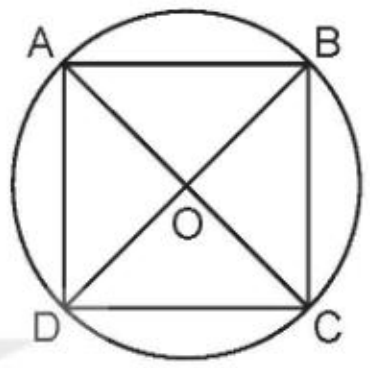


Bài 79

# ÔN TẬP HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

## luyện tập

**1** Cho hình vuông ABCD, hình tròn tâm O (như hình vẽ).

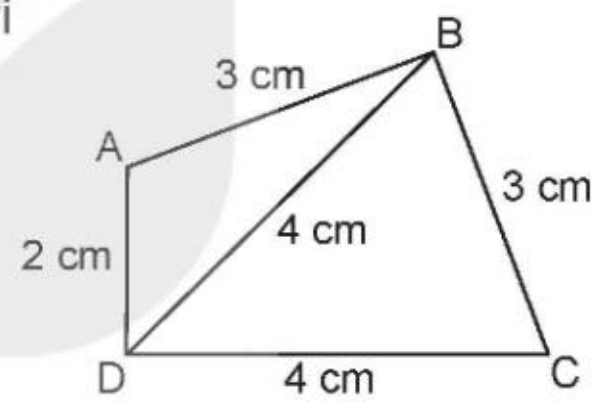



a) Nêu tên ba điểm thẳng hàng.

b) O là trung điểm của những đoạn thẳng nào?

c) Dùng ê ke kiểm tra rồi nêu tên các góc vuông đỉnh O.

**2** a) Tính chu vi hình tam giác ABD và chu vi hình tam giác BCD.




b) Tính chu vi hình tứ giác ABCD.

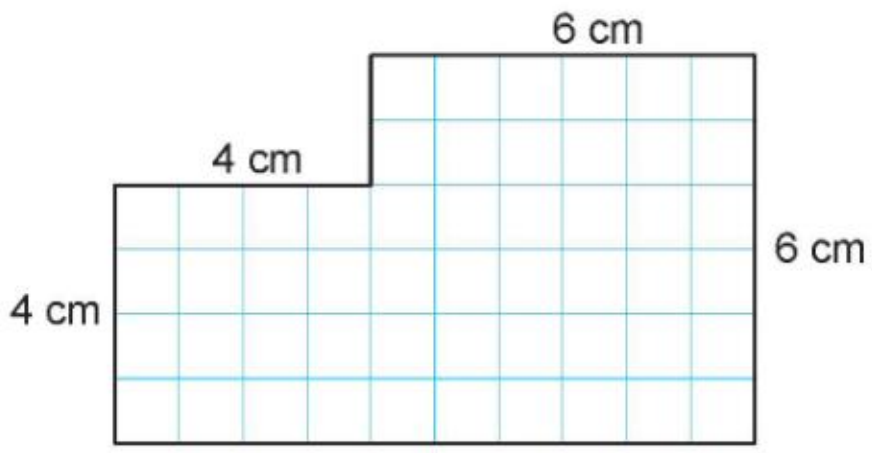
c) Số ?

Tổng chu vi của các hình tam giác ABD và BCD hơn chu vi hình tứ giác ABCD là ? cm.

**3** Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều rộng 8 m, chiều dài hơn chiều rộng 6 m. Tính chu vi mảnh đất đó.

**4** Số ?

Hình $\mathcal{H}$ có kích thước như hình vẽ dưới đây.




Hình $\mathcal{H}$

Diện tích hình $\mathcal{H}$ là ? $cm^2$.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## luyện tập

**1** Số ?

a) 1 cm = ? mm

1 dm = ? cm = ? mm

1 m = ? dm = ? cm = ? mm

2 cm = ? mm

3 dm = ? cm = ? mm

4 m = ? dm = ? cm = ? mm

b) 1 kg = ? g

1 000 g = ? kg

2 kg = ? g

c) 1 *l* = ? ml

1 000 ml = ? *l*

3 *l* = ? ml

**2** Tính.

a) 200 mm + 100 mm

300 mm – 100 mm

200 mm × 3

600 mm : 3

b) 300 g + 200 g

200 g × 5

500 g – 300 g

1 000 g : 5

c) 400 ml + 300 ml

800 ml : 4

700 ml – 300 ml

200 ml × 4

**3** a) Số ?

Đồng hồ chỉ mấy giờ?



2 giờ 5 phút



? giờ ? phút



? giờ ? phút

b) Nêu tên các tháng có 31 ngày và các tháng có 30 ngày trong năm.

c) Chọn câu trả lời đúng.

Nếu ngày 28 tháng 5 là Chủ nhật thì ngày 1 tháng 6 cùng năm đó là:

A. Thứ Ba  B. Thứ Tư  C. Thứ Năm  D. Thứ Sáu

**4** Mai vào cửa hàng mua 5 quyển vở, mỗi quyển giá 7 000 đồng và mua một hộp bút chì màu giá 60 000 đồng. Hỏi Mai đã mua hết tất cả là bao nhiêu tiền?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 80

# ÔN TẬP BẢNG SỐ LIỆU, KHẢ NĂNG XẢY RA CỦA MỘT SỰ KIỆN




**1** Cho bảng số liệu về số học sinh đã đến thư viện vào mỗi buổi sáng và chiều trong một tuần học.

| Thứ / Buổi | Thứ Hai | Thứ Ba | Thứ Tư | Thứ Năm | Thứ Sáu |
|---|---|---|---|---|---|
| Sáng | 40 | 35 | 60 | 65 | 60 |
| Chiều | 60 | 40 | 35 | 60 | 65 |

Dựa vào bảng trên, trả lời câu hỏi:

a) Mỗi cột của bảng cho biết điều gì? Mỗi hàng của bảng cho biết điều gì?

b) Trong ngày thứ Ba, có bao nhiêu học sinh đến thư viện vào mỗi buổi?

c) Có bao nhiêu học sinh đến thư viện vào mỗi buổi chiều?

**2** Cho bảng số liệu về số tiền tiết kiệm được của các bạn Nam, Việt và Mai trong một tuần.

| Bạn | Số tờ tiền trong hộp tiết kiệm (tờ) | | | | Tổng số tiền tiết kiệm |
|---|---|---|---|---|---|
| | 1 000 đồng | 2 000 đồng | 5 000 đồng | 10 000 đồng | |
| Nam | 3 | 1 | 1 | 0 | 10 000 đồng |
| Việt | 0 | 0 | 2 | 1 | ? |
| Mai | 5 | 5 | 0 | 0 | ? |

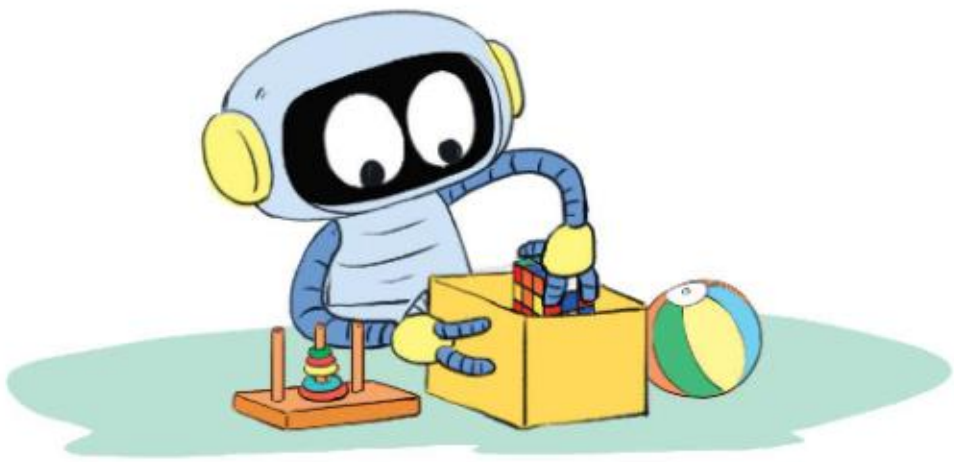
a) Tính số tiền tiết kiệm được của Việt và của Mai.

b) Bạn nào tiết kiệm được nhiều tiền nhất? Bạn nào tiết kiệm được ít tiền nhất?

c) Các bạn dự định dùng tiền tiết kiệm trong tuần đó để mua truyện. Biết 1 quyển truyện có giá 13 000 đồng. Hỏi những bạn nào đã có đủ tiền mua truyện?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

**3** Rô-bốt gói ba món quà (tháp vòng, quả bóng, khối ru-bích) vào ba chiếc hộp giống hệt nhau:



Mỗi bạn Mai, Việt và Nam lần lượt chọn một hộp quà bất kì. Vậy Mai có thể chọn được chiếc hộp đựng món quà nào?



**4** Trong chiếc mũ ảo thuật có 2 con thỏ trắng và 1 con thỏ nâu.



Nếu nhà ảo thuật cú mèo lấy cùng một lúc 2 con thỏ ra khỏi chiếc mũ đó, thì những sự kiện nào có thể xảy ra?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 81

# ÔN TẬP CHUNG




**1** Hoàn thành bảng sau (theo mẫu).

| Hàng | | | | | Viết số | Đọc số |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Chục nghìn | Nghìn | Trăm | Chục | Đơn vị | | |
| | 6 | 3 | 0 | 5 | 6 305 | sáu nghìn ba trăm linh năm |
| 2 | 7 | 6 | 4 | 1 | ? | ? |
| 3 | 0 | 8 | 7 | 4 | ? | ? |
| 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | ? | ? |

**2** Cho các số sau:

53 460 54 360 46 530 53 640

a) Chọn câu trả lời đúng.

Trong các số đã cho:

– Số lớn nhất là: A. 53 460 B. 54 360 C. 46 530 D. 53 640

– Số bé nhất là: A. 53 460 B. 54 360 C. 46 530 D. 53 640

b) – Viết các số đã cho theo thứ tự từ bé đến lớn.

– Viết các số đã cho theo thứ tự từ lớn đến bé.

**3** Đặt tính rồi tính.

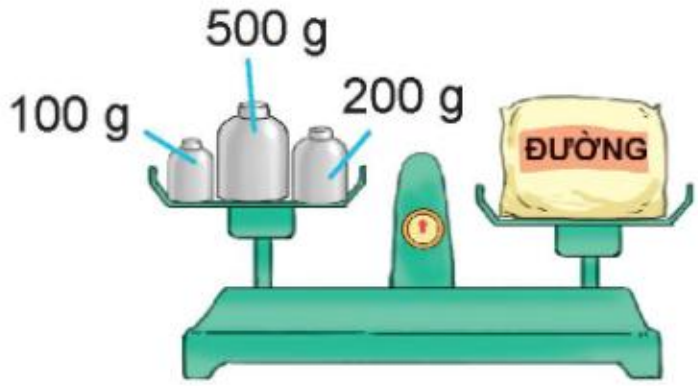
| | |
|---|---|
| 42 307 + 25 916 | 67 251 – 18 023 |
| 3 426 × 3 | 42 580 : 5 |

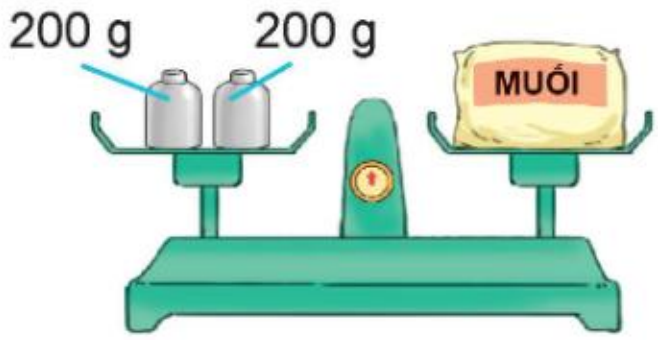
**4** Một cửa hàng văn phòng phẩm, thứ Bảy đã bán 12 hộp bút chì màu, Chủ nhật bán được số hộp bút chì màu gấp 3 lần thứ Bảy. Hỏi sau hai ngày bán, cửa hàng đó bán được bao nhiêu hộp bút chì màu?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## luyện tập

**1** Quan sát hình rồi trả lời câu hỏi.




a) Túi đường cân nặng bao nhiêu gam?

b) Túi muối cân nặng bao nhiêu gam?

c) Túi đường và túi muối cân nặng tất cả bao nhiêu gam?

d) Túi đường nặng hơn túi muối bao nhiêu gam?

**2** Bạn Núi đi học từ nhà lúc 6 giờ 5 phút và đến trường lúc 6 giờ 55 phút. Hỏi bạn Núi đi từ nhà đến trường hết bao nhiêu phút?



**3** Tính giá trị của biểu thức.

a) 3 656 + 1 407 – 2 538

b) 1 306 × 6 : 2

c) 452 × (766 – 762)

d) (543 + 219) : 3

**4** a) Tính diện tích hình vuông có chu vi 32 cm.

b) Tính chu vi hình chữ nhật có chiều rộng bằng cạnh hình vuông ở câu a và có chiều dài gấp 3 lần chiều rộng.

# MỘT SỐ THUẬT NGỮ DÙNG TRONG SÁCH


| Thuật ngữ | Trang |
|---|---|
| **B** | |
| bảng số liệu | 104 |
| **C** | |
| chu vi hình chữ nhật | 23 |
| chu vi hình tam giác | 21 |
| chu vi hình tứ giác | 21 |
| chu vi hình vuông | 23 |
| **D** | |
| diện tích | 26 |
| diện tích hình chữ nhật | 30 |
| diện tích hình vuông | 32 |
| **G** | |
| ghi chép số liệu | 103 |
| **N** | |
| năm | 79 |
| **P** | |
| phân loại số liệu | 103 |
| **S** | |
| số có bốn chữ số | 4 |
| số có năm chữ số | 56 |
| số La Mã | 12 |
| số liệu | 103 |
| **T** | |
| tháng | 79 |
| thu thập số liệu | 103 |
| tiền Việt Nam | 85 |
| **X** | |
| xăng-ti-mét vuông | 28 |
| xem đồng hồ | 77 |
| xem lịch | 81 |


KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.*

**Chịu trách nhiệm xuất bản:**
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

**Chịu trách nhiệm nội dung:**
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu: VŨ MINH HẢI – LƯU THẾ SƠN
Biên tập tái bản: BÙI THU TRANG
Biên tập mĩ thuật: NGUYỄN BÍCH LA
Thiết kế sách: PHAN THỊ THU HƯƠNG
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Minh hoạ: NGUYỄN THỊ HUỀ – NGUYỄN THẾ PHI
Sửa bản in: PHAN THỊ THANH BÌNH – TẠ THỊ HƯỜNG
Chế bản: CTCP MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

**Bản quyền © (2022) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.**

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

**TOÁN 3 - TẬP HAI**
**Mã số: G1HH3T002h26**
In ..... bản, (QĐ.....) khổ 19 x 26,5 cm.
Đơn vị in:.....
Cơ sở in:.....
Số ĐKXB: 7-2026/CXBIPH/25-09/GD
Số QĐXB: .../..... ngày ... tháng ... năm ...
In xong và nộp lưu chiểu quý ..... năm .....
Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-30706-4
Tập hai: 978-604-0-30707-1



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH




## BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 3 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Tiếng Việt 3, tập một
2. Tiếng Việt 3, tập hai
3. Toán 3, tập một
4. Toán 3, tập hai
5. Tự nhiên và Xã hội 3
6. Đạo đức 3
7. Âm nhạc 3
8. Mĩ thuật 3
9. Công nghệ 3
10. Tin học 3
11. Hoạt động trải nghiệm 3
12. Giáo dục thể chất 3
13. Tiếng Anh 3 – Global Success – SHS, tập một
14. Tiếng Anh 3 – Global Success – SHS, tập hai

**Website:** https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ISBN 978-604-0-30707-1

9 786040 307071

*Giá: 15.900 đ*